

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học

Ngành đào tạo: Cử nhân Luật

Mã số: 7380101

THANH HÓA, NĂM 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 258 /QĐ-ĐHHĐ, ngày 18 tháng 09 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Cử nhân Luật
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Bachelor of Laws
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	73 80101
Khoa/Bộ môn quản lý chương trình:	Khoa Lý luận chính trị - Luật
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	128
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 128 TC; - Đạt chuẩn đầu ra của CTĐT; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Luật
Vị trí làm việc:	- <i>Nhóm 1:</i> Làm công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các cơ quan của Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội. - <i>Nhóm 2:</i> Có thể trở thành luật sư trong các công ty luật, các văn phòng luật sư, các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp lý; trợ lý công chứng, công chứng viên trong văn phòng công chứng, đấu giá viên trong công ty đấu giá; thừa phát lại, quản tài viên, chuyên viên pháp chế, tư vấn viên trong các công ty, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực cử nhân luật. - <i>Nhóm 3:</i> Có khả năng phát triển để đảm nhiệm các vị trí như: cán bộ giảng dạy, chuyên viên nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, học viện, viện nghiên cứu về lĩnh vực nhà nước và pháp luật.

Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Có khả năng học lên bậc học cao hơn (thạc sỹ, tiến sỹ) tại các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước. - Tham gia các khóa đào tạo chức danh tư pháp như: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Luật sư, Công chứng viên, Thừa phát lại, Đấu giá viên...
Chương trình tham khảo:	- Chương trình đào tạo Luật học của trường ĐH Luật Hà Nội. - Chương trình đào tạo Luật học của ĐH Luật- ĐH Quốc gia Hà Nội. - Chương trình đào tạo Luật của trường KHXH&NV- ĐH Vinh.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về nhà nước và pháp luật để có thể nghiên cứu, xây dựng, thi hành pháp luật tại các cơ quan nhà nước, các tổ chức và có khả năng tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- **PO1:** Người học có kiến thức Lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

- **PO2:** Người học có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số.

- **PO3:** Người học có kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các kiểu nhà nước, pháp luật trên thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; sự tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia trên thế giới; kiến thức chung về nhà nước và pháp luật; các quy định của Hiến pháp Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

- **PO4:** Người học có kiến thức nền tảng về pháp luật trong các lĩnh vực: hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, quốc tế và kiến thức chuyên sâu trong một số lĩnh vực pháp lý cụ thể.

1.2.2. Về kỹ năng:

- **PO5:** Người học được trang bị các kỹ năng cơ bản về nghe, nói, đọc, viết để có khả năng giao tiếp được bằng Tiếng Anh và đọc hiểu các tài liệu Tiếng Anh phục vụ học tập và nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn.

- **PO6:** Người học có các kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính, kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng; kỹ năng lập luận và tranh luận trong lĩnh vực pháp luật.

1.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- **PO7:** Người học có đạo đức nghề nghiệp, có bản lĩnh chính trị, có trách nhiệm và tinh thần cống hiến trong công việc.

- **PO8:** Người học có năng tự học, tự nghiên cứu.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2.1. Về kiến thức:

- **PLO1:** Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, sự hiểu biết về đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- **PLO2:** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp...

- **PLO3:** Vận dụng được kiến thức nền tảng về nhà nước và pháp luật để học tập và nghiên cứu các luật chuyên ngành. Có phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý phù hợp. Hiểu được quy định cơ bản của Hiến pháp Việt Nam, mối quan hệ giữa nhà nước với công dân và địa vị pháp lý của các cơ quan trong Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. Vận dụng được kiến thức về quản lý hành chính nhà nước, kiến thức về tội phạm và hình phạt, kiến thức về dân sự, quy trình tố tụng và thi hành án trong lĩnh vực dân sự; các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, thương mại, lao động, đất đai, môi trường và pháp luật quốc tế để giải quyết các tình huống thực tiễn.

- **PLO4:** Soạn thảo thành thạo các văn bản hành chính thông dụng, vận dụng được các kiến thức của pháp luật về tố tụng hành chính, hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo; pháp luật về phòng, chống tham nhũng để thực hiện có hiệu quả các hoạt động này.

- **PLO5:** Vận dụng được kiến thức đã học để đàm phán, soạn thảo được các loại hợp đồng dân sự, thương mại, lao động; giải quyết được các tình huống phát sinh trong lĩnh vực thương mại, đấu giá, đấu thầu và kinh doanh bất động sản.

- **PLO6:** Vận dụng được các quy định của pháp luật để thực hiện có hiệu quả các hoạt động dịch vụ pháp lý và hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch.

2.2. Về kỹ năng:

- **PLO7:** Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức điểm 4,0/10 theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng GD &ĐT) đối với trình độ đại học.

- **PLO8:** Thành thạo các kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại, lao động. Hình thành được các kỹ năng lập luận và tranh luận trong lĩnh vực pháp luật.

2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- **PLO9:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, có bản lĩnh chính trị, thái độ trung thực, có trách nhiệm và tinh thần cống hiến trong công việc.

- **PLO10:** Có tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học, có năng lực tự học, tự nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học pháp lý, có tinh thần học tập suốt đời.

III. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
A	KHỐI KIẾN THỨC GDĐC		41							
I	Lý luận chính trị		11							
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	32	26		135		1	LL Mác - Lênin
2	196060	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	21	18		90	1	2	LL Mác - Lênin
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18		90	1	3	LL Mác - Lênin
4	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	21	18		90	1	4	LSD - TT HCM
5	197035	Tư tưởng HCM	2	21	18		90	1	4	LSD - TT HCM
II	Khoa học QL, KHXH & nhân văn		15							
6	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	18	18	6	90		1	VNH-DL
7	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	27	26	10	135		6	QTKD
8	199006	PP nghiên cứu luật học	2	18	24		90	18 19	6	LL Mác - LN
9	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	197061	Luật so sánh	2	18	24		90	18 19	3	Luật
b	197062	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới	2	18	24		90		3	Luật
10	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	199028	Pháp luật cộng đồng ASEAN	2	18	24		90	18	4	Luật
b	197059	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	18	24		90		4	Luật
11 12	Chọn 2 trong 4 học phần									
a	196025	Lô gic học đại cương	2	18	24		90	1	2	LL Mác - LN
b	196050	Lịch sử học thuyết chính trị	2	18	24		90	1	2	LSD-TT HCM
c	181145	Tâm lý học đại cương	2	18	24		90		2	Tâm lý học
III	Khoa học tự nhiên – công nghệ – môi trường		5							
13	172555	Công nghệ số	3	20	0	50	135		1	MMT - UD
14	118001	Môi trường và con người	2	18	24		90		2	Sinh học

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
IV	Ngoại ngữ		10							
15	133031	Tiếng Anh 1	4	36	24	24	180		1	NN KC
16	133032	Tiếng Anh 2	3	27	18	18	135	15	2	NN KC
17	133033	Tiếng Anh 3	3	27	18	18	135	16	3	NN KC
V	Giáo dục thể chất		4							
	191004	Giáo dục thể chất 1	2	2		28	90		1	Bóng ĐK
	Giáo dục thể chất 2 (chọn 1/5 HP)									
a	191031	Bóng chuyền	2			30	90		2	Bóng ĐK
b	191032	Thể dục Aerobic	2			30	90		2	
c	191033	Bóng đá	2			30	90		2	
d	191034	Bóng rổ	2			30	90		2	
e	191035	Vovinam - Việt võ đạo	2			30	90		2	
VI	Giáo dục quốc phòng		165 tiết							TT GDQP
B	KHÔI KIẾN THỨC GDCN		76							
I	Kiến thức cơ sở		6							
18	199027	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	27	36		135		1	Luật
19	199117	Luật Hiến pháp	3	27	36		135		1	Luật
II	Kiến thức ngành		51							
20	197063	Luật hành chính	3	27	36		135	18 19	2	Luật
21	197016	Luật hình sự 1	3	27	36		135	18 19	2	Luật
22	197017	Luật hình sự 2	3	27	27	9	135	21	3	Luật
23	197019	Luật dân sự 1	3	27	27	9	135	19	3	Luật
24	197021	Luật dân sự 2	3	27	36		135	23	4	Luật
25	197024	Luật thương mại 1	3	27	27	9	135	23	4	Luật
26	197025	Luật thương mại 2	3	27	27	9	135	25	5	Luật
27	197084	Luật môi trường	3	27	24	12	135	20	3	Luật
28	199009	Công pháp quốc tế	3	27	36		135	19	6	Luật
29	199026	Tư pháp quốc tế	3	27	36		135	23	7	Luật
30	197001	Luật hôn nhân và gia đình	3	27	24	12	135	24	5	Luật
31	197026	Luật lao động	3	27	27	9	135	24	5	Luật
32	197023	Luật tố tụng dân sự	3	27	24	12	135	24	6	Luật
33	197027	Luật tài chính	3	27	36		135	25	6	Luật
34	197028	Luật đất đai	3	27	24	12	135	20 23	5	Luật

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ				Điều kiện tiên quyết	Học kỳ	Bộ môn quản lý HP
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành	Tự học			
35	197007	Luật thương mại quốc tế	3	27	36		135	26	7	Luật
36	197002	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	3	27	36		135	22	5	Luật
III	Kiến thức bổ trợ		19							
37	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	197082	Xây dựng văn bản pháp luật và kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	4	36	24	24	180	18 19 20	4	Luật
b	197083	Thanh tra, khiếu tố	4	36	48		180	20	4	Luật
38	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	197018	Luật tổ tụng hình sự	3	27	24	12	135	22	5	Luật
b	197004	Luật tổ tụng hành chính	3	27	24	12	135	20	5	Luật
39	Chọn 1 trong 2 học phần									
a	197042	Luật an sinh xã hội	2	18	24		90	31	6	Luật
b	199030	PL về đấu giá, đấu thầu	2	18	24		90	25	6	Luật
40 41	Chọn 2 trong 3 học phần									
a	199003	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	2	18	15	9	90	26 31	7	Luật
b	197046	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	18	24		90	34	7	Luật
c	199020	Kỹ năng TVPL trong lĩnh vực thương mại	2	18	15	9	90	26	7	Luật
42 43	Chọn 2 trong 3 học phần									
a	197080	Kỹ năng lập luận và tranh luận trong lĩnh vực pháp luật	3	27		36	135	32	7	Luật
b	199010	Luật sư, công chứng, hộ tịch	3	27	24	12	135	19	7	Luật
c	199031	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3	27	24	12	135	24 26	7	Luật
IV	Thực tập TN, KLTN/HP thay thế		11							
44	174145	Thực tập tốt nghiệp	5						8	Luật
	Chọn 1 trong 2 học phần									
45	111082	Khóa luận tốt nghiệp	6						8	Luật
		Học phần thay thế KLTN	6							
46a	199024	Luật sở hữu trí tuệ	3	27	36		135	24	8	Luật
46b	197081	Luật đầu tư	3	27	36		135	25	8	Luật
	Tổng cộng		128							

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Loại HP		Số tiết thực hiện		
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	BT, TL	Thực hành
Học kỳ 1: 18 (18 TC bắt buộc, 0 TC tự chọn)								
1	196055	Triết học Mác-Lênin	3	x		32	26	
2	121005	Cơ sở văn hóa VN	2	x		18	18	6
3	133031	Tiếng Anh 1	4	x		36	24	24
4	172555	Công nghệ số	3	x		20		50
5	199027	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	x		27	36	
6	199117	Luật Hiến pháp	3	x		27	36	
Học kỳ 2: 17 (13 TC bắt buộc, 04 TC tự chọn)								
1	196060	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x		21	18	
2	118001	Môi trường và con người	2	x		18	24	
3	Chọn 2 trong 3 học phần:							
a	196025	Logic học đại cương	2		x	18	24	
b	196050	Lịch sử học thuyết chính trị	2		x	18	24	
c	181145	Tâm lý học đại cương	2		x	18	24	
4	133032	Tiếng Anh 2	3	x		27	18	18
5	197063	Luật hành chính	3	x		27	36	
6	197016	Luật hình sự 1	3	x		27	32	4
Học kỳ 3: 16 (14 TC bắt buộc, 02 TC tự chọn)								
1	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x		21	18	
2	133033	Tiếng Anh 3	3	x		27	18	18
3	Chọn 1 trong 2 học phần:							
a	197061	Luật so sánh	2		x	18	24	
b	197062	Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới	2		x	18	24	
4	197017	Luật hình sự 2	3	x		27	27	9
5	197021	Luật dân sự 1	3	x		27	29	9
6	197084	Luật môi trường	3	x		27	24	12
Học kỳ 4: 16 (10 TC bắt buộc, 6 TC tự chọn)								
1	198030	Lịch sử đảng cộng sản VN	2	x		21	18	
2	197035	Tư tưởng HCM	2	x		21	18	
3	Chọn 1 trong 2 học phần:							
a	199028	Pháp luật cộng đồng ASEAN	2		x	18	24	
b	197059	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2		x	18	24	
4	197021	Luật dân sự 2	3	x		27	36	
5	197024	Luật thương mại 1	3	x		27	27	9

6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	197082	Xây dựng văn bản pháp luật và kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	4		x	36	24	24
b	197083	Thanh tra, khiếu tố	4		x	36	48	
Học kỳ 5: 18 (15 TC bắt buộc, 03 TC tự chọn)								
1	197025	Luật thương mại 2	3	x		27	27	9
2	197001	Luật hôn nhân và gia đình	3	x		27	24	12
3	197026	Luật lao động	3	x		27	27	9
4	197028	Luật đất đai	3	x		27	24	12
5	197002	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	3	x		27	36	
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	197018	Luật tố tụng hình sự	3		x	27	24	12
b	197004	Luật tố tụng hành chính	3		x	27	24	12
Học kỳ 6: 16 (14 TC bắt buộc, 02 TC tự chọn)								
1	154888	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	x		27	26	10
2	199006	PP nghiên cứu luật học	2	x		18	24	
3	199009	Công pháp quốc tế	3	x		27	36	
4	197023	Luật tố tụng dân sự	3	x		27	24	12
5	197027	Luật tài chính	3	x		27	36	
6	<i>Chọn 1 trong 2 học phần:</i>							
a	197042	Luật an sinh xã hội	2		x	18	24	
b	199030	PL về đấu giá, đấu thầu	2		x	18	24	
Học kỳ 7: 16 (06 TC bắt buộc, 10 TC tự chọn)								
1	199026	Tư pháp quốc tế	3	x		27	36	
2	197007	Luật thương mại quốc tế	3	x		27	36	
3	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>							
a	199003	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	2		x	18	15	9
b	197046	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2		x	18	24	
c	199020	Kỹ năng TVPL trong lĩnh vực thương mại	2		x	18	15	9
4	<i>Chọn 2 trong 3 học phần:</i>							
a	197080	Kỹ năng lập luận và tranh luận trong lĩnh vực pháp luật	3		x	27		36
b	199010	Luật sư, công chứng, hộ tịch	3		x	27	24	12
c	199031	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	3		x	27	24	12

Học kỳ 8: 11 (05 TC bắt buộc, 06 TC tự chọn)								
1	174145	Thực tập tốt nghiệp	5					
2	111082	Khóa luận tốt nghiệp	6					
		Học phần thay thế KLTN	6					
a	199024	Luật sở hữu trí tuệ	3	x		27	36	
b	197081	Luật đầu tư	3	x		27	36	

V. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

5.1. Đội ngũ giảng viên:

STT	Trình độ	Nam	Nữ	Tổng
1	Giáo sư	0	0	0
2	Phó giáo sư	0	1	1
3	Tiến sỹ	2	6	8
4	Thạc sỹ	2	22	24

5.2. Phòng học

Nhà trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học.

Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác; Phòng thực hành pháp luật gồm có : Bàn của hội đồng xét xử; Ghế của thành viên hội đồng xét xử; Bục khai báo; Bàn thư ký; Bàn kiểm sát viên; Bàn luật sư; Bàn của người tham gia tố tụng; Ghế tham dự phiên tòa... đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo; Thư viện và thư viện điện tử của Nhà trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...cho các môn học chính.

5.3. Địa điểm thực hành/thực tập/thực tế

TT	Nội dung	Cơ quan/ Địa điểm
1	Thực hành/thực tế	- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Trung tâm hỗ trợ tư pháp, Trung tâm trọng tài thương mại; - UBND, HĐND các cấp; - Văn phòng, công ty luật, Văn phòng công chứng, Văn phòng thừa phát lại; - Công ty đấu giá, Ngân hàng, các Doanh nghiệp có sử dụng nhân sự ngành luật... - Tại Phòng thực hành pháp luật của Trường ĐH Hồng Đức (Theo QĐ của Nhà trường)
2	Thực tập	- Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Trung tâm hỗ trợ tư pháp; - UBND, HĐND các cấp; - Văn phòng, công ty luật, Văn phòng công chứng, Văn phòng thừa phát lại... (Theo QĐ của Nhà trường)

VI. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

6.1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊ NIN/ MARXIST PHILOSOPHY

- Số tín chỉ: 03 (32 LT, 26 TL)
- Mã học phần: 196045
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận MáC - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học MáC - Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Chương 2 Trình bày quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; Chương 3 Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức căn bản, hệ thống về triết học MáC - Lênin.
- CO2: Thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CO3: Nhận thức đúng về giá trị, bản chất khoa học, cách mạng và vai trò của Triết học MáC - Lênin trong đời sống xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của triết học MáC - Lênin.
- CLO2: Từng bước thiết lập cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp luận duy vật biện chứng làm cơ sở cho việc nhận thức các vấn đề, các nội dung của các môn học khác và hoạt động của bản thân.
- CLO3: Đánh giá đúng giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học MáC - Lênin và về vai trò, sức sống của triết học MáC-Lênin trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin	3	1	0	0	0	12
Chủ nghĩa duy vật biện chứng	15	11	0	0	0	48
Chủ nghĩa duy vật lịch sử	14	14	0	0	0	75
Tổng	32	26	0	0	0	135

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Tham gia lên lớp	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	30%
	Tham gia thảo luận	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
	Trắc nghiệm/viết	Rubric 3 (<i>Tính theo tỷ lệ số câu đúng/tổng số câu hoặc đánh giá mức độ nhận thức và liên hệ thực tiễn</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân/tuần/tháng	Rubric 4 (<i>đánh giá khả năng tự nghiên cứu</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra viết	Rubric 5 (<i>đánh giá bài kiểm tra viết</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Rubric 5 (<i>đánh giá bài thi trắc nghiệm</i>)	CLO1 CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2021), *Giáo trình Triết học Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia.

* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2013), *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị quốc gia;
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC-LÊNIN/ POLITICAL ECONOMY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196060
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác- Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi lý luận về kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nội dung các quy luật kinh tế, bản chất của nền kinh tế hàng hoá, kinh tế TBCN và sự vận dụng lý lý luận này trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất các quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

- CO3: Giúp sinh viên xác định được cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay; hình thành ý thức hệ, niềm tin vào sự thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những kiến thức căn bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin.

- CLO2: Phân tích, đánh giá và nhận diện đúng bản chất quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới.

- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà ta hiện nay góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần.

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	0	0	0		

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường.	4	4	0	0		8
Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.	6	8	0	0		7
Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	3	2	0	0		3
Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	3	2	0	0		3
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	3	2	0	0		3
Tổng	21	18	0	0		

5. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

TT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric 1 (<i>đánh giá mức độ chuyên cần và thái độ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	30%
	Thảo luận nhóm	Rubric 2 (<i>đánh giá mức độ tham gia thảo luận</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Làm bài kiểm tra	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Viết	Rubric 4 (<i>đánh giá bài thi viết</i>)	CLO1 CLO2	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin* (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị quốc gia;

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin Mác – Lênin (Dùng cho các khối ngành không chuyên kinh tế - quản trị kinh doanh trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.

6.3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC/ SCIENTIFIC SOCIALISM

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 196065
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1 trình bày quá trình hình thành phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Từ chương 2 đến chương 7 trình bày các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- CO2: Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá đúng các vấn đề nảy sinh trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- CO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng; có niềm tin vào sự tất thắng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày được những nội dung cơ bản, cốt lõi trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học của chủ nghĩa Mác – Lênin
- CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
- CLO3: Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc các chủ trương, chính sách và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	9
Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	4	3	0	0	0	18
Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	4	3	0	0	0	18
Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	3	4	0	0	0	18
Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	3	2	0	0	0	9
Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong	3	4	0	0	0	9

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội						
Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2	2	0	0	0	9
Tổng	21	18	0	0	0	90

5. Hình thức dạy học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Bài kiểm tra 1	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra</i>)	CLO1 CLO2	30%
	Bài kiểm tra 2	Rubric 1 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài kiểm tra 3	Rubric 2 (<i>đánh giá bài kiểm tra, bài thảo luận nhóm</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	
II. Kiểm tra giữa kỳ				
2	Kiểm tra giữa kỳ	Rubric 3 (<i>đánh giá bài kiểm tra giữa kỳ</i>)	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Trắc nghiệm	Theo đáp án, thang điểm đánh giá	CLO1, CLO2, CLO3	50%

7. Yêu cầu đối với người học

- Người học phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Người học phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Người học phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ giáo dục & Đào tạo, (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia.

* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2005), *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986; 1991; 1996; 2001; 2006; 2011, 2016, 2021.

6.4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM/HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM

- Số tín chỉ: 2 (21 LT, 18 TL)
- Mã số học phần: 198030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Tìm hiểu quá trình lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử: Đảng ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên biết phân tích, chứng minh các sự kiện lịch sử. Từ đó, vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Nắm vững được vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các giai đoạn: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới đất nước thông qua Nghị quyết các Đại hội Đảng từ năm 1975 đến nay.

- CO2: Vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Biết đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tóm tắt được quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng: đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước giai đoạn (1945 -1975); thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng: nội dung, đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử

- CLO3: Rèn luyện đạo đức, lập trường tư tưởng chính trị kiên định, vững vàng. Tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- CLO4: Tích cực đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái thù địch tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xuyên tạc về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập	2					10

môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam						
Chương 1. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền.	6	6				25
Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).	6	6				25
Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 đến nay)	7	6				30
Tổng	21	18				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.

2. Văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam, Toàn tập, (từ tập 01 đến tập 69). Nxb. Chính trị Quốc gia, Sự thật.

6.5. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH/HO CHI MINH'S IDEOLOGY

- Số tín chỉ: 02 (21 LT, 18 TL)
- Mã học phần: 197035
- Bộ môn quản lý học phần: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Tìm hiểu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam: Khái niệm, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, các giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước; về vấn đề Đại đoàn kết; văn hóa, đạo đức và con người. Quá trình vận động, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Nắm vững được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh: Khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng chủ nghĩa xã hội

- CO2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. Xây dựng rèn luyện đạo đức, nhân cách. Thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững và khái quát được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Xác định bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh

- CLO2: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích, làm rõ vai trò nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

- CLO3: Đánh giá, nhận định các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới một cách đúng đắn trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, phê phán những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- CLO4: Xây dựng nhân cách, đạo đức tốt đẹp theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập TTHCM	2					6
Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2				18
Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	4	4				24
Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về	4	4				24

Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân						
Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	2				12
Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và con người	5	6				33

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

c. 1 hướng pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thu hoạch cá nhân cuối kỳ: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO 1 CLO 2	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

* Tài liệu tham khảo:

1. *Hồ Chí Minh (2011), toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội (Từ tập 01 đến tập 15);
2. Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.

6.6. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM/ BASIC OF VIETNAMESE CULTURE

- Số tín chỉ: 02 (18LT: 18TL: 6TH)
- Mã học phần: 121005
- Bộ môn quản lý học phần: Việt Nam học - Du lịch
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về văn hóa Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, vận dụng giải quyết, phân tích các vấn đề văn hóa - xã hội.
- CO2: Người học nắm được kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và cuộc sống.
- CO3: Người học có thái độ tôn trọng các giá trị văn hóa Việt Nam, có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội đương đại. Đồng thời người học có thái độ tôn trọng các giá trị khác biệt của các nền văn hóa khác.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện, khái quát và so sánh được các khái niệm, lý thuyết về văn hóa học và lịch sử văn hóa Việt Nam, từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Nhận biết được những biểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.
- CLO3: Vận dụng kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc vào trong công việc và thực tiễn cuộc sống.
- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Đồng thời, hình thành thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1 Văn hóa – những khái niệm cơ bản	3	2	0	0	0	0
Nội dung 2 Cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá	2	2	0	0	0	10
Nội dung 3 Định vị văn hoá Việt Nam	2	2	0	0	0	5
Nội dung 4	2	2	0	0	0	10

Tiến trình văn hoá Việt Nam						
Nội dung 5 Các vùng văn hoá Việt Nam	1	2	0	0	0	5
Nội dung 6 Văn hoá nhận thức	2	2	0	0	0	10
Nội dung 7 Văn hoá tổ chức đời sống	0	2	0	0	0	5
Nội dung 8 Văn hoá tín ngưỡng	1	0	0	0	0	10
Nội dung 9 Văn hoá tôn giáo	2	2	0	0	0	10
Nội dung 10 Văn hoá ẩm thực, trang phục, nhà ở và đi lại	0	2	0	0	0	10
Nội dung 11 Văn hoá giao tiếp và văn hoá nghệ thuật	1	2	0	0	0	10
Nội dung 12 Phong tục cổ truyền	1	2	0	0	0	5
Nội dung 13 Tổng kết	1	2	0	0	0	0
Tổng	18	24	0	0	0	90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá sau đây.

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO4	30%
2	Bài tập cá nhân/ tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1	
3	Thảo luận nhóm	Rubric đánh giá thảo luận nhóm	CLO2	
4	Thuyết trình	Rubric đánh giá thuyết trình	CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận	Rubic đánh giá kiểm tra giữa kì	CLO2	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubric BTL	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình chính:*

1. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Trần Quốc Vượng (2008), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb. Giáo dục;
2. Đào Duy Anh (2021), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn học.

6.7. KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO/ BUSINESS STARTUP AND INNOVATION

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 26TL: 10TH*)
- Mã học phần: 154888
- Bộ môn quản lý học phần: Quản trị kinh doanh
- Điều kiện tiên quyết: không

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức nền tảng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng thành thạo vào trong học tập, NCKH và thực tiễn công việc.
- CO2: Người học rèn được khả năng tư duy đổi mới sáng tạo từ đó có thể vận dụng vào trong công việc và trong khởi nghiệp.
- CO3: Người học có thể hình thành và đề xuất ý tưởng ĐMST; vận hành đề án khởi nghiệp ĐMST từ đó kiến tạo ra các giá trị mới cho bản thân, tổ chức và xã hội.
- CO4: Người học hiểu được yêu cầu và cách thức rèn luyện các năng lực cần thiết để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST từ đó chủ động xây dựng lộ trình hoàn thiện bản thân, đáp ứng yêu cầu về ĐMST.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.
- CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não... vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.
- CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.
- CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.
- CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan tỏa tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.

4. Nội dung học phần

7. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		0		20
Chương 2: Tư duy đổi mới sáng tạo	5	5		3		25
Chương 3: Hình thành ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4		3		20
Chương 4: Mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	4				25
Chương 5: Xây dựng và trình bày dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	5	5		4		25
Chương 6: Năng lực của nhà khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	4	4				20
Tổng	27	26		10*		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau:Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm; Pitching (thuyết trình gọi vốn đầu tư); Day học theo dự án.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2	30%
			CLO3,5	
			CLO5,6	
2	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO6	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	

4	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO3	
			CLO4	
			CLO6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Xây dựng dự án (theo nhóm) hoặc Trắc nghiệm	Rubric dự án Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5,6	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm (dùng chung)	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3,4,5	
2	Bài tập lớn theo quy định (sinh viên đủ để làm BTL sẽ xây dựng và thuyết trình dự án khởi nghiệp ĐMST theo nhóm gồm tối đa 3 SV)	Rubrics BTL Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Thangđiểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 4 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc

1. Nguyễn Đặng Tuấn Minh (2017) *Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ*, NXB Phụ nữ.

* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo

1. Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), *Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn*, NXB ĐH KTQD
2. Nguyễn Ngọc Huyền (2018) – *Giáo trình Khởi sự kinh doanh*; NXB Đại học kinh tế quốc dân

6.8. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LUẬT HỌC/ RESEARCH METHODS FOR LAW

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 199006
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học luật học trình bày một cách hệ thống khái niệm, bản chất, đặc điểm, phương pháp nghiên cứu khoa học; trình tự logic, các bước, cách thức triển khai một đề tài nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học ngành Luật nói riêng; các yêu cầu về chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu khoa học, cách đánh giá một đề tài nghiên cứu khoa học Luật học.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống các kiến thức liên quan đến bản chất của nghiên cứu khoa học; đặc điểm, phương pháp nghiên cứu khoa học; các bước, cách thức, trình tự tiến hành một nghiên cứu khoa học nói chung và khoa học luật học nói riêng; cách thức, tiêu chí đánh giá kết quả một công trình nghiên cứu khoa học luật học;
- CO2: Hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học luật học như: kỹ năng phát hiện, lựa chọn vấn đề nghiên cứu; kỹ năng xây dựng một đề cương; kỹ năng xây dựng luận điểm, luận cứ, chứng minh luận điểm; kỹ năng lựa chọn phương pháp, cách thức thu thập, xử lý thông tin trong nghiên cứu luật học; kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu;
- CO3: Bồi dưỡng, xác lập thái độ nghiêm túc, trung thực, những phẩm chất đạo, phương pháp làm việc khoa học trong nghiên cứu khoa học; phát triển năng lực tư duy logic; bồi dưỡng lòng say mê, tinh thần vượt khó, bản lĩnh trong nghiên cứu khoa học Luật học.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Người học hiểu và trình bày chính xác được bản chất nghiên cứu khoa học luật học; các đặc điểm, yêu cầu của hoạt động nghiên cứu khoa học; trình tự logic trong nghiên cứu khoa học luật học; hệ thống phương pháp nghiên cứu, thu thập, xử lý thông tin; cách thức tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học luật học;
- CLO2: Xác lập được các kỹ năng nghiên cứu khoa học luật học như: kỹ năng phát hiện, lựa chọn vấn đề nghiên cứu; kỹ năng xây dựng một đề cương; kỹ năng xây dựng luận điểm, luận cứ, chứng minh luận điểm; kỹ năng lựa chọn phương pháp, cách thức thu thập, xử lý thông tin trong nghiên cứu luật học; kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu và vận dụng chúng để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học luật học;
- CLO3: Xác lập được thái độ nghiêm túc, trung thực, những phẩm chất đạo, phương pháp làm việc khoa học trong nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng lòng say mê, tinh thần vượt khó, bản lĩnh trong nghiên cứu khoa học Luật học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Khoa học và nghiên cứu khoa học ngành luật học	2	2	0	0	0	5
Giới thiệu trình tự logic của nghiên cứu khoa học luật học	2	2	0	0	0	5
Xác định và lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học	2	2	0	0	0	10
Xây dựng luận điểm	2	2	0	0	0	10
Chứng minh luận điểm	2	2	0	0	0	10
Trình bày kết quả nghiên cứu	2	2	0	0	0	10
Các phương pháp nghiên cứu khoa học Luật học	2	4	0	0	0	15
Vận dụng các bước để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học luật học	2	6	0	0	0	15
Các yêu cầu về đạo đức khoa học và tiêu chí đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học luật học	2	2	0	0	0	10
Tổng	18	24		0	0	90

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric Chuyên cần	CLO1 CLO2	30%
	Thảo luận/ thuyết trình theo nhóm	Rubric Thảo luận nhóm/thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3	
	Trắc nghiệm hoặc tự luận	Rubric trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân, Tự học,...	Rubric bài tập cá nhân, Tự học,...		
II. Kiểm tra giữa kỳ				20%

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
2	Trắc nghiệm, tự luận	Rubric 3 Trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
III. Thi kết thúc học phần				
3	Tự luận	Rubric 3 Tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tự nghiên cứu trước đề cương chi tiết, các tài liệu học tập và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Sinh viên phải tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên và bài thi kết thúc học phần.
- Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số giờ lý thuyết, bài tập và thảo luận.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Phạm Duy Nghĩa, (2014), *Phương pháp nghiên cứu Luật học*, Nxb. Công an nhân dân.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Vũ Cao Đàm, (2012), *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Nxb. Giáo dục;
2. Phạm Viết Vượng, (2001) *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.9a. LUẬT SO SÁNH/ LAW OF COMPARISON

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197061
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận Nhà nước và Pháp luật; Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới thông qua phương pháp tiếp cận so sánh luật. Cụ thể: Lý luận chung về luật học so sánh; Các dòng họ pháp luật chủ đạo trên thế giới và một số chế định pháp luật đặc thù của những hệ thống pháp luật điển hình.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về sự hình thành và phát triển của các dòng họ pháp luật trên thế giới; pháp luật của các nước trên thế giới, cách thức áp dụng các loại nguồn luật trong hệ thống pháp luật đó.

- CO2: Xây dựng hệ thống căn cứ pháp lý để chỉ ra được những điểm tương đồng và khác biệt của hệ thống pháp luật các quốc gia trên thế giới.

- CO3: Phân tích, bình luận, đánh giá, các hệ thống pháp luật; từ đó, hình thành và phát triển kỹ năng so sánh pháp luật để ứng dụng vào thực tiễn.

- CO4: Chủ động nâng cao trình độ nhận thức về hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được điểm tương đồng và khác biệt của các dòng họ pháp luật; phân biệt được các hệ thống pháp luật trên thế giới;

- CLO2: Bình luận, đánh giá được các hệ thống pháp luật;

- CLO3: Hình thành và phát triển được kỹ năng so sánh pháp luật để ứng dụng vào thực tiễn.

- CLO4: Hình thành được sự chủ động trong bổ sung, củng cố, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghiên cứu khoa học và thái độ khách quan trong đánh giá hệ thống pháp luật Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Nhập môn Luật So sánh 1.1 Khái niệm Luật So sánh 1.2. Đối tượng của Luật So sánh 1.3. Phương pháp của Luật So sánh 1.4. Phân loại Luật So sánh 1.5. Sự hình thành và phát triển của Luật So sánh 1.6. Ý nghĩa của Luật So sánh 1.7. Sự phân nhóm các hệ thống pháp luật trên thế giới	3	2				15

Chương 2. Dòng họ pháp luật Châu Âu lục địa (Dòng họ Civil law) 1.1. Khái quát về dòng họ civil law 1.2. Sự hình thành và phát triển của dòng họ civil law 1.3. Cấu trúc của hệ thống pháp luật thuộc dòng họ civil law 1.4. Nguồn của hệ thống pháp luật thuộc dòng họ civil law 1.5. Một số hệ thống pháp luật thuộc dòng họ civil law	3	2				15
Chương 3. Dòng họ pháp luật Anh – Mỹ (Dòng họ Common law) 1.1. Khái quát về dòng họ common law 1.2. Hệ thống pháp luật Anh 1.3. Hệ thống pháp luật Mỹ	3	4				15
Chương 4. Dòng họ pháp luật xã hội chủ nghĩa 1.1. Pháp luật truyền thống ở các nước Xã hội chủ nghĩa 1.2. Sự hình thành và phát triển của dòng họ pháp luật Xã hội chủ nghĩa 1.3. Các đặc điểm của dòng họ pháp luật Xã hội chủ nghĩa 1.4. Nguồn của hệ thống pháp luật thuộc dòng họ pháp luật Xã hội chủ nghĩa 1.5. Tòa án và Viện kiểm sát trong các hệ thống pháp luật thuộc dòng họ pháp luật Xã hội chủ nghĩa 1.6. Đào tạo luật và nghề luật	3	4				15
Chương 5. Dòng họ pháp luật Hồi giáo 1.1. Luật Hồi giáo 1.2. Pháp luật các quốc gia Hồi giáo	2	4				10
Chương 6. Hệ thống pháp luật của một số quốc gia ở Đông Á 1.1. Hệ thống pháp luật Nhật Bản 1.2. Hệ thống pháp luật Trung Quốc	2	4				10
Chương 7. Hệ thống pháp luật của một số quốc gia ở Đông Nam Á 1.1. Hệ thống pháp luật Indonesia 1.2. Hệ thống pháp luật Malaysia 1.3. Hệ thống pháp luật Philippines 1.4. Hệ thống pháp luật Singapore 1.5. Hệ thống pháp luật Thái Lan	2	4				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết	Rubric viết	CLO1,2	
			CLO3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2	
			CLO3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric kiểm tra vấn đáp	CLO 1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric viết	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Quốc Hoàn (2019), *Giáo trình Luật So sánh*, Nxb. CAND, Hà Nội

* *Tài liệu tham khảo:*

1. GS.TS Thái Vĩnh Thắng; PGS.TS Vũ Hồng Anh, (2015), *Giáo trình luật Hiến Pháp*, Nxb. CAND, Hà Nội.

6.9b. LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THẾ GIỚI/ STATE HISTORY AND WORLD LAW

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197062
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật,
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển và thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật trên thế giới qua các thời kì lịch sử, cụ thể: quá trình ra đời của nhà nước và pháp luật; quá trình hình thành và phát triển của một số nhà nước điển hình qua các thời kì lịch sử; quá trình ra đời và những nội dung cơ bản của pháp luật một số nước điển hình qua các thời kì lịch sử.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật ở các khu vực và một số nước qua các thời kì lịch sử, bao gồm: Quá trình hình thành nhà nước và pháp luật; Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước của một số nhà nước điển hình; Hình thức chính thể nhà nước của một số nhà nước điển hình; Những nội dung cơ bản của pháp luật ở một số quốc gia điển hình...

- CO2: Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của lịch sử nhà nước và pháp luật trên thế giới

- CO3: Có ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lí trong đời sống xã hội; xác định đúng vị trí, vai trò của môn học lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới trong hệ thống các môn học của chương trình đào tạo cử nhân luật

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và khái quát được những điều kiện hình thành nhà nước ở mỗi hình thái kinh tế xã hội, cách thức tổ chức nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa

- CLO2: Phân biệt được những ưu điểm và hạn chế ở mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử về nhà nước và pháp luật; so sánh được nhà nước và pháp luật trong giai đoạn hiện nay với các giai đoạn trước đó ở một số lĩnh vực về nhà nước và pháp luật như tổ chức bộ máy nhà nước.

- CLO3: Hình thành được kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các môn khoa học pháp lí khác, nhất là các môn khoa học pháp lí chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân luật;

- CLO4: Nâng cao được ý thức về việc xây dựng nhà nước và pháp luật vừa đảm bảo tính kế thừa nhưng cũng đảm bảo tính hiện đại trong mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Sự tan rã của công xã nguyên thủy quá trình hình thành nhà nước và pháp luật 1.1. Tổ chức công xã nguyên thủy 1.2. Tổ chức công xã nguyên thủy tan rã và sự hình thành nhà nước. Đặc điểm con đường hình thành nhà nước ở phương Đông 1.3. Sự ra đời của pháp luật	2	2				10
Chương 2: Nhà nước và pháp luật phương Đông cổ đại 2.1. Nhà nước Ai Cập cổ đại 2.2. Nhà nước và pháp luật Lưỡng Hà cổ đại 2.3. Nhà nước và pháp luật Ấn Độ cổ đại 2.4. Nhà nước và pháp luật Trung Quốc cổ đại	3	4				15
Chương 3: Nhà nước và pháp luật phương Tây cổ đại 3.1. Hi Lạp cổ đại 3.2. La Mã cổ đại	2	3				10
Chương 4: Nhà nước và pháp luật phong kiến Phương Đông (LT:2T; TL:3T) 4.1. Trung Quốc 4.2. Nhật Bản	3	3				15
Chương 5: Nhà nước và pháp luật phong kiến Tây Âu 5.1. Nhà nước trong thời kì hình thành và phát triển của chế độ phong kiến Tây Âu. Nhà nước phong kiến Frawng và trạng thái phân quyền cát cứ phong kiến 5.2. Quá trình xác lập chính thể quân chủ chuyên chế trong thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến 5.3. Giáo hội Thiên chúa với nhà nước phong kiến. Tòa án giáo hội 5.4. Pháp luật phong kiến Tây Âu	2	3				10
Chương 6: Nhà nước và pháp luật thời kì cận đại 6.1. Sự ra đời của nhà nước Anh, Mĩ, Pháp,	2	3				10

Nhật 6.2. Hình thức chính thể nhà nước của nhà nước Anh, Mĩ, Pháp, Nhật 6.3. Pháp luật tư sản cận đại						
Chương 7: Nhà nước và pháp luật thời kì hiện đại 7.1. Khái quát lịch sử và đặc điểm chung của nhà nước tư sản trong thời kỳ này (Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản) 7.2. Pháp luật tư sản trong thời kì hiện đại	2	3				10
Chương 8: Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa 8.1. Nhà nước và pháp luật Xô Viết. 8.2. Nhà nước và pháp luật các nước cộng hòa dân chủ nhân dân và Cộng hòa CuBa	2	3				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

***Giáo trình bắt buộc:**

1. Phạm Điềm, Vũ Thị Nga (chủ biên), (2014), *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*, Nxb. CAND.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Nguyễn Minh Tuấn, (2020), *Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới*, Nxb. QGHN.

6.10a. PHÁP LUẬT CỘNG ĐỒNG ASEAN/ ASEAN COMMUNITY LAW

- Số tín chỉ: 02 (18LT; 24TL)
- Mã học phần: 199028
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật,
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật

1. Mô tả học phần

Học phần Pháp luật Cộng đồng ASEAN cung cấp các kiến thức cơ bản về ASEAN, Cộng đồng ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN. Ngoài ra học phần còn trang bị những kiến thức pháp lý cụ thể và quan trọng về: Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Khu vực thương mại tự do ASEAN, Khu vực đầu tư ASEAN; hợp tác quốc phòng, tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác phòng chống tội phạm xuyên quốc gia; cơ chế giải quyết tranh chấp.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về quá trình hình thành và phát triển của ASEAN nói chung và Cộng đồng ASEAN nói riêng, các mô hình liên kết của Cộng đồng ASEAN.
- CO2: Có kỹ năng tìm kiếm các văn bản pháp lý, hiệp định, điều ước quốc tế liên quan; có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng phân tích, bình luận và đánh giá khoa học các vấn đề về ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN.
- CO3: Có tính chủ động, khả năng phản biện, tranh luận, tư duy ứng xử, làm việc nhóm, phối hợp với nhau để giải quyết các tình huống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được quá trình hình thành; mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và hệ thống thiết chế pháp lý của ASEAN và Cộng đồng ASEAN.
- CLO2: So sánh được với mô hình liên kết của Cộng đồng ASEAN với các tổ chức khu vực, quốc tế khác.
- CLO3: Hình thành được kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về ASEAN và pháp luật Cộng đồng ASEAN.
- CLO4: Hình thành được tính chủ động trong phản biện, tranh luận; có tinh thần làm việc nhóm, biết phối hợp với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết công việc.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan pháp luật Cộng đồng ASEAN 1.1 Khái quát về ASEAN 1.2 Khái quát về Cộng đồng ASEAN và Pháp luật Cộng đồng ASEAN	4	4				20
Chương 2: Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) 2.1 Khái quát về khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) 2.2. Tự do hoá thương mại hàng hoá 2.3. Quy tắc xuất xứ hàng hoá	4	4				20
Chương 3: Tự do hoá thương mại dịch vụ ASEAN 3.1. Khái quát về dịch vụ, thương mại dịch vụ 3.2. Xoá bỏ rào cản thương mại dịch vụ ASEAN	2	4				10
Chương 4: Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) 4.1. Khái quát về khu vực đầu tư ASEAN 4.2. Các nội dung pháp lý của Khu vực đầu tư ASEAN	2	4				10
Chương 5: Phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và tương trợ tư pháp hình sự ASEAN 5.1. Khái quát tội phạm xuyên quốc gia 5.2. Phòng chống tội phạm xuyên quốc gia trong ASEAN 5.3. Tương trợ tư pháp hình sự ASEAN	2	4				10
Chương 6: Cơ chế giải quyết tranh chấp ASEAN 6.1. Khái quát về cơ chế giải quyết tranh chấp của ASEAN 6.2. Giải quyết tranh chấp theo qui định của Hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á (TAC) 1976 6.3. Giải quyết tranh chấp theo qui định của Nghị định thư 2010 6.4. Giải quyết tranh chấp theo quy định của Nghị định thư Viêng - chă 2004	4	4				20
Tổng	18	24				90

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thảo luận, thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3,4	30%
2	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Thuận, TS. Lê Minh Tiến (chủ biên), (2020), *Giáo trình Pháp luật cộng đồng ASEAN*, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. TS. Luận Thùy Dương, (2017), *Cộng đồng Văn hóa-xã hội ASEAN tầm nhìn tới năm 2025*, Nxb. CTQGST.

6.10b. LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM/ HISTORY OF THE STATE AND LAW OF VIETNAM

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24TL)
- Mã học phần: 197059
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp các kiến thức về: Quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kì lịch sử: Từ nguồn gốc đến thế kỷ X, giai đoạn đấu tranh đồng hóa của phong kiến Trung Quốc, thời kỳ phong kiến Việt Nam, thời kỳ Pháp thuộc và giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay. Giai đoạn từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến nay chia làm 4 thời kỳ: từ 1945-1954, từ 1954-1975, từ 1975-1986 và nhà nước, pháp luật thời kỳ đổi mới.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Cung cấp kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam trong tiến trình lịch sử;
- CO2: Hình thành khả năng vận dụng kiến thức lịch sử về nhà nước và pháp luật để phân tích, đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn, đưa ra được các ý kiến cá nhân về các vấn đề trong đời sống nhà nước và pháp luật hiện nay.
- CO3: Hình thành kỹ năng tìm kiếm, thu thập, hệ thống hoá, tổng hợp và xử lí các nguồn sử liệu một cách khoa học, khách quan;
- CO4: Có thái độ trân trọng, giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống về văn hoá chính trị- pháp lí trong lịch sử Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích và hệ thống được quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam trong tiến trình lịch sử;
- CLO2: Phân tích, đánh giá được các vấn đề lí luận và thực tiễn, từ đó đưa ra được các ý kiến cá nhân về các vấn đề trong đời sống nhà nước và pháp luật hiện nay;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng tìm kiếm, thu thập, hệ thống hoá, tổng hợp và xử lí các nguồn sử liệu một cách khoa học, khách quan;
- CLO4: Phát huy được các giá trị truyền thống về văn hoá chính trị- pháp lí trong lịch sử Việt Nam.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC ĐẦU TIÊN Ở VIỆT NAM- NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC 1.1. Quá trình ra đời nhà nước đầu tiên ở Việt Nam - Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc	2	2				10

1.2. Nhà nước trong trạng thái đang hình thành ở thời Hùng Vương 1.3. Nhà nước sơ khai ở An Dương Vương 1.4. Pháp luật Văn Lang - Âu Lạc.						
CHƯƠNG II: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM THỜI BẮC THUỘC (179TCN-938) 1.1. Bộ máy chính quyền đô hộ của phong kiến Trung Quốc ở nước ta 1.2. Các chính quyền độc lập, tự chủ của người Việt. 1.3. Pháp luật thời Bắc thuộc.	2	2				10
CHƯƠNG III: NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN VIỆT NAM (938-1884) 1.1. Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam. 1.2. Các yếu tố cấu thành thể chế chính trị quân sự quân chủ phong kiến Việt Nam	2	2				10
CHƯƠNG IV: PHÁP LUẬT PHONG KIẾN VIỆT NAM 1.1. Khái quát thành tựu lập pháp của nhà nước phong kiến Việt Nam. 1.2. Nguồn hình thành nội dung và hình thức của pháp luật phong kiến Việt Nam. 1.3. Một số chế định cơ bản của pháp luật phong kiến Việt Nam. 1.4. Đặc điểm của pháp luật phong kiến Việt Nam.	2	2				10
CHƯƠNG V: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC 1.1. Chế độ toàn quyền Đông Dương và các quy chế chính trị, toàn quyền Đông Dương và các cơ quan phụ tá 1.2. Bộ máy cai trị của Pháp ở Bắc Kỳ 1.3. Bộ máy cai trị của Pháp ở Trung Kỳ 1.4. Bộ máy cai trị của Pháp ở Nam Kỳ 1.5. Chính quyền triều Nguyễn 1.6. Pháp luật, tòa án thời kì Pháp thuộc	4	4				20

CHƯƠNG VI: CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ SỰ CẦN THIẾT SỰ THIẾT LẬP NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954) 1.1. Quá trình giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám. Tuyên ngôn độc lập khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 186 1.2. Bảo vệ, củng cố chính quyền và xây dựng pháp luật trong năm đầu sau cách mạng tháng Tám (1945-1946) 1.3. Nhà nước và pháp luật trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954)	2	4				10
CHƯƠNG VII: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT THỜI KÌ CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1954-1976) 1.1. Nhà nước và pháp luật Việt Nam dân chủ cộng hòa 1.2. Chính quyền và pháp luật của ngụy quyền miền Nam 1.3. Nhà nước Cộng hòa miền Nam Việt Nam (1954 - 1975)	2	4				10
CHƯƠNG VIII: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM (1976 ĐẾN NAY) 1.1. Sự thành lập Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.2. Nhà nước và pháp luật trong giai đoạn 1975 - 1986 1.3. Nhà nước và pháp luật trong những năm vừa qua của công cuộc đổi mới	2	4				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thảo luận theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 4	30%
2	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO 1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	
III. Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. GS.TS. Lê Minh Tâm, ThS. Vũ Thị Nga (chủ biên) (2015), “*Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam*”, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. Nhiều tác giả (2018), *Xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước CHXHCNVN*, Nxb. Hồng Đức.

2. GS.TS Nguyễn Minh Đoan, TS. Nguyễn Văn Năm (2017), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp.

6.11,12a. LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL LOGICS

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 196025
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lý luận Mác - Lênin.
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả học phần

Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học, nội dung chương trình môn học được chia thành 5 chương. Chương 2 giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của logic hình thức. Các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác của tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ nhằm.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hệ thống hóa nội dung của các hình thức cơ bản của tư duy : Khái niệm, phán đoán, suy luận. Có khả năng phân tích, luận giải được tính đúng đắn hoặc sai lầm của các tư tưởng trong quá trình lập luận. Lấy ví dụ cho các trường hợp vi phạm các quy luật cơ bản của tư duy
- CO2: Có khả năng rèn luyện tư duy logic để nâng cao năng lực nhận thức khoa học. Vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt các thao tác logic trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học
- CO3: Người học khẳng định được năng lực của bản thân trong học tập và nghiên cứu. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức và phản biện.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tái lập có hệ thống các kiến thức về đặc trưng, kết cấu logic của khái niệm, mối quan hệ giữa các khái niệm, các thao tác logic trên khái niệm ; các loại phán đoán ; suy luận suy diễn và suy luận quy nạp ; các quy luật cơ bản của tư duy ; Các quy tắc trong chứng minh và bác bỏ.
- CLO2: Rèn luyện được tư duy logic để nâng cao năng lực nhận thức khoa học. Vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt các thao tác logic trong khái niệm, phán đoán, suy luận trong học tập cũng như trong nghiên cứu khoa học
- CLO3: Khẳng định được năng lực của bản thân trong học tập và nghiên cứu. Có thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức và phản biện. Có niềm tin vào chân lý. Đấu tranh chống lại những tư tưởng sai lầm trong nghiên cứu khoa học cũng như trong thực tiễn xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Tự học
	Giờ lên lớp			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Đối tượng nghiên cứu và ý nghĩa của Logic học	2	0				10
Khái niệm	3	4				15
Phán đoán	3	6				15
Các quy luật cơ bản của tư duy	2	2				10
Suy luận	6	8				30
Chứng minh và bác bỏ	2	4				10
Tổng	18	24				90

5. Hình thức dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời và đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; đàm thoại, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, trình bày trực quan...

6. Hình thức, phương pháp đánh giá học phần

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric Chuyên cần	CLO1 CLO2	30%
	Thảo luận/ thuyết trình theo nhóm	Rubric Thảo luận nhóm/thuyết trình	CLO1 CLO2 CLO3	
	Trắc nghiệm hoặc tự luận	Rubric trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
	Bài tập cá nhân, Tự học,...	Rubric bài tập cá nhân, tự học,...		
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
2	Trắc nghiệm, tự luận	Rubric 3 Trắc nghiệm, tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III. Thi kết thúc học phần				
3	Tự luận	Rubric 3 Tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên lên lớp theo đúng số tiết đã được quy định (Dự lớp ít nhất là 80% số tiết lên lớp) mới được dự thi.
- Đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ, cuối kỳ.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập (chuẩn bị thảo luận, làm bài tập đầy đủ theo yêu cầu của CBGD...).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Vương Tất Đạt, (2000), *Lógica học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội

* Tài liệu tham khảo:

1. PTS. Lưu Hà Vĩ, (1996), *Lógica hình thức*, Nxb. CTQG
2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 1, (2007), *Giáo trình Lógica học* (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Chính trị Quốc gia.

6.11,12b. LỊCH SỬ HỌC THUYẾT CHÍNH TRỊ/ HISTORY OF POLITICAL THEORY

- Số tín chỉ: 2 (18 LT, 24 TL)
- Mã số học phần: 196050
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Lịch sử Đảng & Tư tưởng Hồ Chí Minh
- Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Lịch sử các Học thuyết chính trị cung cấp những tri thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế lẫn nhau của những tư tưởng, quan điểm, học thuyết chính trị tiêu biểu trong lịch sử nhân loại qua các thời kỳ từ cổ đại, trung đại, cận đại đến hiện đại, lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam, học thuyết chính trị Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Trang bị cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống những tư tưởng, quan điểm chính trị tiêu biểu trong lịch sử nhân loại qua các thời kỳ từ cổ đại, trung đại, cận đại đến hiện đại, lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam, nhất là tư tưởng chính trị Mác - Lênin, Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

- CO2: Đánh giá một cách có hệ thống những hiện tượng, những quá trình chính trị trong lịch sử, từ đó, biết vận dụng những kiến thức đã học vào việc xây dựng, bảo vệ đất nước trong điều kiện mới.. có bản lĩnh chính trị vững vàng, đấu tranh chống lại các trào lưu tư tưởng phản động, có ý thức trách nhiệm đối với đất nước, ý thức phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu rõ về sự ra đời, nội dung, giá trị của các Học thuyết chính trị theo lịch đại qua các giai đoạn từ cổ đại, trung đại, cận đại đến hiện đại, lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam, đặc biệt là giá trị của tư tưởng chính trị Mác - Lênin, Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

- CLO2: Đánh giá được những hiện tượng, những quá trình chính trị đã và đang xảy ra cũng như những giá trị và hạn chế của các thể chế theo lịch đại.

- CLO3: Củng cố niềm tin vào tính đúng đắn của đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

- CLO4: Có cơ sở lý luận và thực tiễn để đấu tranh thắng lợi trước những tư tưởng chính trị phản động của các trào lưu tư tưởng phi Macxit.

4. Nội dung học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương mở đầu: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử các Học thuyết chính trị	1	0				10
Chương 1: Học thuyết chính trị phương Đông cổ đại	1	2				10

Chương 2: Học thuyết chính trị phương Tây cổ đại (Hy Lạp – La Mã cổ đại)	2	0				15
Chương 3. Học thuyết chính trị phương Tây trung đại và cận đại	2	2				15
Chương 4: Học thuyết chính trị của Mac - Ăngghen	4	4				10
Chương 5: Lênin bảo vệ và phát triển Học thuyết chính trị của Mac - Ăngghen	2	2				10
Chương 6: Tư tưởng chính trị Việt Nam	2	2				10
Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị	4	12				10
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp: Thuyết trình, đặt vấn đề, gợi mở, thảo luận nhóm....

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Bài tập cá nhân/tuần:1 bài. Hình thức: viết	Rubric 1	CLO 1 CLO 2	30%
2	Bài tập nhóm/ tháng: 1 bài. Hình thức: viết	Rubric 2	CLO 2 CLO 3	
3	Bài thảo luận: 1 bài. Hình thức: vấn đáp	Rubric 3	CLO 1 CLO 2 CLO 3	
II	Kiểm tra giữa kỳ: (01)			
	Hình thức: viết	Rubric 5	CLO1 CLO2 CLO3	20%
III	Thi cuối kì			
	Hình thức: Thi viết	Rubric 6	CLO 1 CLO 2 CLO 3	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

7.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho trước khi dự lớp.
- Hoàn thành các bài tập được giao.
- Chuẩn bị nội dung thảo luận của học phần.

7.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Sinh viên phải dự lớp đầy đủ, đảm bảo tối thiểu 80% các buổi học trên lớp
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao đối với học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

** Giáo trình bắt buộc:*

1. GS.TS. Dương Xuân Ngọc (chủ biên), (2009), *Lịch sử tư tưởng chính trị*, Nxb. CTQG.

** Tài liệu tham khảo:*

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Vĩnh (chủ biên), (2009), *Tập bài giảng Chính trị học*, Nxb. CTQG.

6.11,12c. TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG/ GENERAL PSYCHOLOGY

- Số tín chỉ: 2 (18LT, 24 TH)
- Mã học phần: 181145
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tâm lý học
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần:

Nội dung học phần: Tâm lý học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học được trang bị kiến thức cơ bản về Tâm lý con người dưới góc độ khoa học duy vật biện chứng
- CO2: Vận dụng được nội dung kiến thức của học phần để: Phân tích, khái quát, đánh giá các vấn đề liên quan đến tâm lý con người; Giải thích các hiện tượng tâm lý người trong đời sống; Qua quá trình tham gia tích cực, tự giác học tập dưới sự tổ chức, hướng dẫn của người dạy, người học hình thành, phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm hoàn thiện nhân cách bản thân đáp ứng linh hoạt, hiệu quả những yêu cầu của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai.
- CO3: Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của nội dung kiến thức học phần trong cuộc sống, hoạt động nghề nghiệp để hình thành thái độ đúng đắn, tự giác, tích cực, hứng thú đối với việc tiếp thu kiến thức; tích cực tự học, tự nghiên cứu hiệu quả nhằm hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của hoạt động sống và hoạt động nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất của tâm lý người, chức năng của tâm lý, phân loại các hiện tượng tâm lý; các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.
- CLO2: Phân tích, lý giải được khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động, giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.
- CLO3: Phân tích được khái niệm, các qui luật của hoạt động nhận thức; mô tả được các quá trình cơ bản của trí nhớ và hoạt động ngôn ngữ của con người.
- CLO4: Phân tích, lý giải được bản chất nhân cách, các thuộc tâm lý của nhân cách như xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực và chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách. Các sai lệch hành vi về mặt tâm lý và cách khắc phục.
- CLO5: Vận dụng kiến thức tâm lý học đại cương vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý người khoa học trong hoạt động thực tiễn, trong quan hệ ứng xử; làm bài tập theo nhiệm vụ.
- CLO6: Hình thành, phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm hoàn thiện nhân cách bản thân đáp ứng linh hoạt, hiệu quả những yêu cầu của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai.

- CLO7: Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của nội dung kiến thức môn học trong cuộc sống, trong hoạt động nghề nghiệp để hình thành thái độ đúng đắn, tự giác, tích cực, hứng thú đối với việc tiếp thu kiến thức hiệu quả.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tâm lý học là một khoa học	3	3				13,5
Chương 2: Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức	3	3				13,5
Chương 3: Hoạt động nhận thức	6	9				31,5
Chương 4: Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách	6	9				31,5
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần sử dụng hợp lý, linh hoạt các phương pháp dạy học sau: Phương pháp thuyết trình; Thảo luận, cemina nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số	
I		Kiểm tra thường xuyên (03)			
1	Chuyên cần	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO7	10%	30%
2	Bài tập cá nhân, tự học	Rubric đánh giá bài tập cá nhân	CLO1,2,3,4,5	10%	
3	Bài tập nhóm	Rubric đánh giá bài tập nhóm	CLO1,2,3,4,5,6	10%	
II		Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Viết	Rubric đánh giá giữa kì	CLO1,2,3,4,5,6	20%	
III		Thi cuối kì (01)			
	Viết	Rubric đánh giá cuối kỳ	CLO1,2,3,4,5,6	50%	

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao;

- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc :**

1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang, (2018), *Giáo trình tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học sư phạm.

*** Tài liệu tham khảo :**

1. Nguyễn Xuân Thúc, (2017), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học sư phạm;

2. Phan Trọng Ngọ, (2005), *Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn tâm lý học đại cương*, Nxb. Đại học sư phạm.

6.13. CÔNG NGHỆ SỐ/DIGITAL TECHNOLOGY

- Số tín chỉ: 3 (20, 0, 50)
- Mã học phần: 172555
- Bộ môn quản lý học phần: Mạng máy tính và Ứng dụng
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ số gồm các nội dung: Kiến thức, kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin trong thế giới hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc chuyển đổi số.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- CO2: Hợp tác và làm việc trong môi trường số.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;
- CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của công nghệ số;
- CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;
- CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;
- CLO5: Hợp tác trong môi trường số.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Chương 1: Máy tính và xã hội tri thức (3, 0, 2) 1.1. Các khái niệm cơ bản 1.2. Phần mềm hệ thống và phần mềm ứng dụng 1.3. Vai trò của máy tính và các thiết bị thông minh trong nền kinh tế tri thức 1.4. Thế giới thiết bị số	3	0	0	2		12
Chương 2: Mạng máy tính và Internet (2, 0, 3) 2.1. Mạng máy tính 2.2. Internet và Internet of Things 2.3. Các dịch vụ Internet 2.4. An toàn, an ninh mạng	2	0	0	3		10
Chương 3: Chuyển đổi số (5, 0, 0) 3.1. Giới thiệu 3.2. Cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư	5	0	0	0		15

3.3. Chuyển đổi số trong doanh nghiệp						
3.4. Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước						
3.5. Chuyển đổi số trong xã hội						
Chương 4. Giáo dục công dân số (3, 0, 0)						
4.1. Cơ sở pháp lý trong môi trường số	3	0	0	0		9
4.2. Kỹ năng công dân số						
4.3. Giáo dục công dân số						
Chương 5: Các ứng dụng văn phòng số (4, 0, 35)						
5.1. Soạn thảo văn bản						
5.2. Sử dụng phần mềm trình chiếu	4	0	0	35		65
5.3. Sử dụng phần mềm bảng tính						
5.4. Phân tích dữ liệu với phần mềm bảng tính						
Chương 6. Một số công cụ hỗ trợ trên môi trường số (3, 0, 10)						
6.1. Công cụ lưu trữ dữ liệu	3	0	0	10		24
6.2. Công cụ giao tiếp trực tuyến						
6.3. Công cụ điều tra/khảo sát trực tuyến						

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thực hành.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Các câu hỏi về kiến thức chung của học phần công nghệ số - Trắc nghiệm (online hoặc trên giấy tùy điều kiện thực hiện) - Mục đích: giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học - Yêu cầu: Sinh viên làm việc độc lập	Rubric 1	CLO1, CLO4, CLO5	30%
2	Kỹ thuật trình chiếu - Báo cáo sản phẩm - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung kỹ thuật trình chiếu - Yêu cầu: sinh viên làm việc theo nhóm hoàn thiện một sản phẩm là bản trình chiếu phù hợp với cụ thể với một chủ đề theo yêu cầu.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
3	Thực hành bảng tính - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung bảng tính	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3	

	- Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập			
4	Thực hành các công cụ hỗ trợ (Google Driver, Google Form,...) - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập nội dung sử dụng các công cụ hỗ trợ - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 4	CLO1, CLO2, CLO3	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Soạn thảo văn bản - Thực hành trên máy tính - Mục đích: Đánh giá kỹ năng soạn thảo văn bản – là một trong các kỹ năng sử dụng máy tính gắn với việc học tập và công việc suốt cuộc đời. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 5	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	- Hình thức: + <i>Phần lý thuyết</i> : thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian làm bài 30 phút + <i>Phần thực hành</i> : thi thực hành trên máy tính về kỹ năng sử dụng phần soạn thảo văn bản Word và xử lý bảng tính Excel, thời gian làm bài 45 phút - Mục đích: Đánh giá kết quả học tập của học phần. - Yêu cầu: sinh viên làm việc độc lập	Rubric 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Tham dự giờ lên lớp: tối thiểu 80% số tiết học trên lớp,
- Thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thực hành theo hướng dẫn của giáo viên;
- + Thực hiện đầy đủ các bài thực hành được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Lê Thị Hồng, Phạm Thế Anh, Nguyễn Thế Cường, Phạm Thị Hồng, (2020), *Tin học căn bản*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Thông tin và truyền thông, (2021), *Cẩm nang chuyển đổi số*, Nxb. Thông tin và truyền thông.

6.14. MÔI TRƯỜNG VÀ CON NGƯỜI/ ENVIRONMENT AND HUMAN

- Số tín chỉ: 02 (18LT, 24TL)
- Mã số học phần: 118001
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Sinh học, Khoa KHTN.
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần:

Nội dung học phần: Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn và vệ sinh lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về môi trường; vai trò, mối quan hệ của môi trường đối với con người; các vấn đề sinh thái, phát triển bền vững; các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động trong lao động sản xuất và cuộc sống.
- CO2: Người học được trang bị các kỹ năng để nhận diện các vấn đề về môi trường, các vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động cũng như việc xử lý các vấn đề nói trên trong thực tiễn.
- CO3: Người học có ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự chịu trách nhiệm trong ứng xử với môi trường.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- CLO2: Nhận diện và phân tích được những vấn đề về vệ sinh và an toàn lao động.
- CLO3: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.
- CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó xây dựng được ý thức, trách nhiệm, lối sống thân thiện với môi trường, có khả năng tự giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh trong thực tiễn
- CLO5: Có kỹ năng bảo vệ môi trường và vệ sinh, an toàn lao động.
- CLO6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;

4. Nội dung chi tiết học phần:

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Các vấn đề chung về môi trường và khoa học môi trường						
1.1. Khái niệm, phân loại môi trường	2	3				15
1.1.1.Khái niệm về môi trường						
1.1.2. Phân loại môi trường						

1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học môi trường 1.2.1. Đối tượng 1.2.2. Nhiệm vụ 1.3. Chức năng của môi trường 1.3.1. Chức năng cung cấp không gian sinh sống cho con người và sinh vật 1.3.2. Chức năng chứa đựng và cung cấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên 1.3.3. Chức năng chứa đựng và tự làm sạch các phế thải của con người và sinh vật 1.3.4. Chức năng lưu trữ và cung cấp các nguồn thông tin						
Chương 2. Các nguyên lý sinh thái học trong khoa học môi trường 2.1. Nhân tố sinh thái. 2.1.1. Khái niệm chung. 2.1.2. Các định luật có liên quan. 2.2. Ảnh hưởng của nhân tố sinh thái. 2.2.1. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái vô sinh lên đời sống sinh vật. 2.2.2. Ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái hữu sinh lên đời sống sinh vật. 2.3. Quần thể và quần xã sinh vật. 2.3.1. Khái niệm về quần thể và những đặc trưng của quần thể. 2.3.2. Quần xã sinh vật và những đặc trưng của quần xã. 2.4. Hệ sinh thái. 2.4.1. Định nghĩa và cấu trúc của hệ sinh thái. 2.4.2. Đặc trưng của hệ sinh thái. 2.5. Hệ sinh thái và con người. 2.5.1. Vị trí của con người trong hệ sinh thái. 2.5.2. Ảnh hưởng của thức ăn lên con người. 2.5.3. Tác động của con người lên hệ sinh thái qua các thời kỳ lịch sử.	3	4				15
Chương 3. Dân số và vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên 3.1. Dân số	4	6				15

3.1.1. Một số chỉ số cơ bản của dân số 3.1.2. Gia tăng dân số trên thế giới - Lịch sử gia tăng dân số và bùng nổ dân số - Tình hình gia tăng dân số giữa các nhóm nước phát triển và đang phát triển - Dự báo phát triển dân số trên thế giới 3.1.3. Gia tăng dân số của Việt Nam 3.1.4. Hậu quả của gia tăng dân số nhanh 3.2. Một số vấn đề chung về tài nguyên thiên nhiên 3.2.1. Khái niệm TNTN 3.2.2. Phân loại TNTN 3.2.3. Vai trò của TNTN 3.2.4. Một số vấn đề về sử dụng TNTN 3.3. Một số loại TNTN						
Chương 4. Ô nhiễm môi trường 4.1. Khái quát về ô nhiễm môi trường 4.2. Ô nhiễm môi trường nước 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước 4.2.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường nước trên thế giới 4.2.4. Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước và giải pháp khắc phục 4.3. Ô nhiễm môi trường không khí 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các nguồn và tác nhân gây ô nhiễm môi trường không khí 4.3.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường không khí 4.3.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường không khí và giải pháp khắc phục 4.4. Ô nhiễm môi trường đất 4.4.1. Khái niệm 4.4.2. Các tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất 4.4.3. Hiện trạng ô nhiễm môi trường đất 4.4.4. Hậu quả ô nhiễm môi trường đất và giải pháp khắc phục 4.5. Các ô nhiễm khác	3	4				15

Chương 5. Những vấn đề môi trường toàn cầu và phát triển bền vững 5.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu 5.1.1. Lắng đọng axit 5.1.2. Hiệu ứng nhà kính 5.1.3. Suy thoái tầng ôzôn 5.2. Các công cụ quản lý môi trường 5.2.1. Công cụ pháp lý 5.2.2. Công cụ kinh tế 5.2.3. Công cụ kỹ thuật 5.3. Phát triển bền vững 5.3.1. Khái niệm và yêu cầu của PTBV 5.3.2. Nguyên tắc của PTBV 5.3.3. Nội dung của PTBV 5.3.4. Chiến lược phát triển bền vững của Việt nam	3	4			15
Chương 6: Vệ sinh, an toàn lao động 6.1. Một số vấn đề chung về vệ sinh và an toàn lao động 6.2. Chính sách, pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động; 6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động ở cơ sở; 6.4. Các yếu tố nguy hiểm, có hại đời sống, sản xuất và biện pháp khắc phục, phòng ngừa.	3	3			15
Tổng	18	24			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp và phương tiện dạy học, trong đó chú trọng đến các phương pháp dạy học tích cực như: Vấn đáp; dạy học theo dự án; thảo luận nhóm; tự học, tự nghiên cứu ...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	30%
2	Kiểm tra viết tự luận, trắc nghiệm	Rubric viết	CLO1,2,4,5	

3	Chuyên cần	Rubric chuyên cần (tinh thần thái độ học tập, xây dựng bài, ý thức xây dựng phong trào học tập của lớp...)	CLO1,2,3,4	
4	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm (Kết quả bài thảo luận, sự hợp tác nhóm, khả năng làm việc nhóm...)	CLO1,2,3,4	
5	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3,4,5,6	
Kiểm tra giữa kỳ				20%
1	Tự luận, trắc nghiệm	Đề thi và đáp án	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm trên máy	CLO1,2,3,4,5,6	
2	Bài tập lớn theo quy định	Rubrics BTL	CLO1,2,3,4,5,6	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có đủ 03 bài điểm, 01 bài điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Học liệu:

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb. GDHN

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), *Giáo trình Môi trường và con người*, Nxb. Giáo dục
2. *Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14).*

6.15. TIẾNG ANH 1/ (ENGLISH 1)

- Số tín chỉ: 4 (36,24,24)
- Mã học phần: 133031
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ A2(bậc 2/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh ở trình độ A2, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác các từ, cụm từ đã học. Nhận diện, phân loại được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, tổng hợp các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại ngắn, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại và trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn ngắn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Test đầu vào (Kiểm tra thường xuyên: Bài số 1). 1.2. IPA: phonemic chart - vowels, consonants, monothongs, diphthongs	10	3	3	4	2	52

1.3. Verb “to be”, Possessive Pronoun, Reflexive Pronoun, Lesson 1A, 1B. 1.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Writing, p.p. 15-17) 1.5. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 1.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 1, Listening, p.p. 18-24) 1.7. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 2 - Adjective and Adverb - Verb - Lesson 2B, 2C						
Nội dung 2: 2.1. Simple Present - Lesson 3A, B, C 2.2. Write a paragraph in about 120 words to describe a famous person - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Reading, p.p.26-34) 2.3. Preposition - Lesson 4B, 4C 2.4. Possessive Adjective - Article - Lesson 1C, 4A, 2A 2.5. Kiểm tra giữa kỳ Lesson 5A, 6B, 6C 2.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 2, Listening, p.p.38-44)	11	3	3	5	1	52
Nội dung 3: 3.1. Simple Past - Lesson 7A, 7B, 7C 3.2. Workbook Unit 7A,B,C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Reading, p.p.46-54) 3.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 - Past Continuous - Past Simple & Past Continuous - Lesson 8C 3.4. Workbook Lesson 8C - Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Writing, p.p.55-57) 3.5. Noun	11	3	3	5	1	52

- Lesson 8B, 9A, 9B 3.6. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 3, Listening, p.p.58-64) - Make a video on topic given by teacher. 3.7. Comparison of Adjective and Adverb.						
Nội dung 4: 4.1. Future Expression with “be going to”, Future Structures - Simple Present - Lesson 10B, 10C 4.2. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Writing, p.p.75-77) 4.3. Kiểm tra thường xuyên: Bài số 4 4.4. Present Perfect - Lesson 12A, B 4.4. Cambridge Preliminary English Test 2. (Test 4, Listening and speaking p.p.78-85)	4	3	3	4	2	24

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
4	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
5	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	20%
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012, *English File–Elementary 3rd edition*, Oxford University Press.
2. Nguyễn Thị Quyết, (2018), *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*, Nxb. Thanh Hoá.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Raymond Murphy, (2013), *English Grammar in use. 130 bài ngữ pháp tiếng anh*, Nxb. Thời đại.
2. Cambridge ESOL, (2011), *Cambridge Preliminary English Test 2*, Cambridge University Press.

6.16. TIẾNG ANH 2/(ENGLISH 2)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133032
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa đầu trình độ B1(bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa đầu trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Present perfect vs. past simple tense Present perfect continuous Present perfect continuous or present perfect simple Past perfect Past perfect continuous Future perfect and future perfect continuous 1.2. Could have (done), Must (have) and can't (have), May (have) and might (have), Ought to, should, have to Conditional sentences type 1 and 2 Conditional sentences type 3 Review 1/Subjunctive/Passive 1.3. Bài kiểm tra điều kiện 1 1.4. Reported speech -ing and the infinitive Be/get used to something (I'm used to...) Prefer and would rather, Had better do something; It's time someone did something Defining relative clauses Non-defining relative clauses	7	2	2	3	1	33
Nội dung 2: 2.1. Still and yet, Anymore / any longer / no longer, Although/though/even though, In spite of / despite, Even; - Review 2; - Unit 1 A, B 2.2. Unit 1C; 2 A, B 2.3. Kiểm tra giữa kỳ - Unit 2C - Revise & Check 1&2 - Unit 3 A 2.4. Make a discussion in a group on the contents of lessons. - Do the exercises on the textbook - Do exercises on Unit 2C, 3A	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Unit 3B, C	7	3	2	4	1	33

- Exercises in the textbook Unit3B - Exercises in the textbook Unit 3C - Exercises in workbook Unit 3B, 3C 3.2. Unit 4A, B - Exercises in Unit 4B, C - Talk about your shopping habit 3.3. Bài kiểm tra thường xuyên 2 - Unit 4C; - Revise and check 3&4, 3.4. Exercises in HLBB1 Unit 4C, Revise and check 3&4						
Nội dung 4: 4.1. Unit 5A, B - Exercises in Unit 5A, B, C 4.2. Exercises in workbook Unit 5A, B Unit 5C, 6A 4.3. Consult Unit 5C, 6 A, - Exercises in workbook Unit 5C, 6 A. 4.4. Unit 6B, C 4.5. Listen to “Spotlight English News” and summarize the main content. - Write a composition on the given topic Kiểm tra thường xuyên: Bài số 3 4.6. Revise and check 5&6; - Exercises in workbook Revise and check 5&6	6	2	3	2	2	36

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			30%
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	20%
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	50%
III	Thi cuối kì			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như đọc hiểu, phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012. *English File–Preintermediate 3rd edition*. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)
2. Nguyễn Thị Quyết, 2018. *Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A*. Nhà xuất bản Thanh Hoá. (Ký hiệu HLBB2)

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Raymond Murphy (2013), *English Grammar In Use*, NXB Thời đại (HLTK1).
2. Cambridge ESOL (2011). *Cambridge Preliminary English Test 3*, Cambridge University Press. (HLTK2).
3. Cambridge ESOL (2014). *Cambridge Preliminary English Test 4*, Cambridge University Press. (HLTK3).

6.17. TIẾNG ANH 3/(ENGLISH 3)

- Số tín chỉ: 3 (27,18,18)
- Mã học phần: 133033
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Ngoại Ngữ không chuyên – khoa Ngoại Ngữ
- Điều kiện tiên quyết: Sinh viên học tích lũy xong học phần tiếng Anh 2

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Giới thiệu ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh nửa cuối trình độ B1 (bậc 3/6) theo chuẩn năng lực ngoại ngữ chung được quy định bởi Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp cho người học kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cấu trúc tiếng Anh của nửa cuối trình độ B1, vận dụng, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết theo các chủ đề cụ thể trong môn học.

- CO2: Rèn luyện khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra quan điểm của bản thân, làm việc cá nhân, làm việc theo cặp, theo nhóm hiệu quả. Xây dựng bài thuyết trình theo nhóm, đánh giá bài thuyết trình của nhóm khác. Thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo và hợp tác trong nhiệm vụ được giao.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

- CLO1: Nhận trọng âm, âm điệu các nhóm từ, câu đã học một cách tương đối chính xác. Nhận diện, phân loại, tổng hợp được các chủ đề ngữ pháp một cách có hệ thống, phân loại, chọn lọc các từ vựng liên quan đến các chủ đề trong bài, vận dụng, phân tích, tổng hợp các cấu trúc theo nội dung học.

- CLO2: Sử dụng từ và cấu trúc để thành lập đoạn hội thoại, kết hợp câu để thành lập đoạn hội thoại, bài thuyết trình ngắn và trình bày về các chủ đề của học phần; sử dụng từ vựng và cấu trúc để thành lập câu, nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu, kết hợp câu thành đoạn văn, bài văn theo chủ đề; tóm tắt, giải thích, thực hành làm các bài Đọc, kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết; phân tích, lựa chọn được đáp án chính xác khi Nghe, kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết;

- CLO3: Người học nhận thức được tầm quan trọng của môn học, chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau.

- CLO4: Người học đánh giá, cho ý kiến, tổng hợp, đề xuất, áp dụng kỹ năng giao tiếp khi làm việc nhóm, áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các nhiệm vụ, vận dụng kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện công việc, có kỹ năng quản lý thời gian, quản lý hoạt động của bản thân.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy – học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	KT-ĐG	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Nội dung 1: 1.1. Course Introduction - Course Orientation Bài 7A (1) & Bài 1.2 (2) - Grammar: Infinitive with “to” 1.2. Bài tập luyện 2.1 (2): 1.3. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test. Bài 7B (1) & Bài 1.1 (2) 1.4. Group discussion: giving opinion to a person using adjective describing people. 1.5. 7C (1) & Bài 8.1. (2) 1.6. Progress test 1: Multiple choice test 1.7. Practice doing test more outside the classroom - Build up skills in practice test.	7	2	2	3	1	44
Nội dung 2: 2.1. Unit 8B (1) & 9.2 (2) Topics: Environment 2.2. Share their idea about the things can do to help the environment 2.3. Bài 9A & Bài 10.1 Topic: What would you do if... 2.4. Give a report to the class about giving advice 2.5. Mid-term Test 2.6. Unit 9C (1) & 2 7.2 (2) Topics: Leisure 2.5. Apply grammar theory to do different exercises.	7	2	2	4	1	33
Nội dung 3: 3.1. Bài 10B (1)& Bài 3.1 (2) Topic: famous people 3.2. Bài 10C (1)& Bài 10.2 (2) Topics: Music and festival 3.3. Progress test 2 – Writing test 3.4. Bài 11A (1)& 7.1 (2) Topic: Bad losers	7	3	2	4	1	33

Nội dung 4: 4.1. Bài 11B (1) & Bài 4.1 (2) Topics: Morning person 4.2. Bài 12A (1)& Bài 12.1 (2) Topic: News around the world 4.3. Bài 12B (1)& Bài 12.2 (2) Topic: Gossips 4.4. Progress Test 3 – speaking test	6	2	3	2	2	25
--	---	---	---	---	---	----

5. Phương pháp dạy – học: Trình bày, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm

6. Phương pháp kiểm tra – đánh giá:

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên: 05			
1	Bài kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án chấm trắc nghiệm	CLO1, CLO2,	30%
2	Bài kiểm tra viết	Rubric 1	CLO1, CLO2,	
3	Bài kiểm tra nói	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO4	
4	Đánh giá chuyên cần	Rubric 3	CLO3 CLO4	
II	Kiểm tra giữa kỳ: 01			
	Bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận (Viết)	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2	20%
III	Thi cuối kỳ			
	Ngân hàng đề thi	Đáp án chấm trắc nghiệm + Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Sinh viên phải tham đầy đủ các giờ học trên lớp theo qui định (80% trở lên).
- Có thái độ học tập tốt, tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp như phát biểu ý kiến xây dựng bài, thảo luận nhóm.....
- Hoàn thành tất cả các bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
- Tham gia thi kiểm tra, đánh giá đầy đủ.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo:

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2012. *English File– Pre-intermediate 3rd edition*. Oxford University Press.
2. Sue Ireland, Joanna Kosta. *Target PET*. Richmond Publishing.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Cambridge ESOL (2011), *Cambridge Preliminary English Test 5*, Cambridge University Press
2. Cambridge ESOL (2015), *Cambridge Preliminary English Test 6*, Cambridge University Press

V. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Giáo dục thể chất 1/ Physical edycation 1

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191004
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần (*Mô tả tóm tắt nội dung học phần*)

Nội dung học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường Đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, hoạt động ngoại khóa; bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác; lịch sử hình thành và phát triển, nguyên lý kỹ thuật động tác môn đá cầu.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất và hiểu được nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác và kỹ thuật động tác môn đá cầu.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác bài thể dục phát triển chung 9 động tác và thực hiện tốt kỹ thuật động tác môn đá cầu vào trong quá trình tập luyện
- CO4: Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của bài TD tay không và môn Đá cầu rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất trong trường đại học; lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức tập luyện thi đấu, hoạt động ngoại khóa bài thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ thuật môn đá cầu. Rèn luyện thể lực chung và chuyên môn cho người học.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác bài Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật đá cầu.
- CLO3: Vận dụng vận dụng các kiến thức lý luận bài tập Thể dục phát triển chung tay không 9 động tác và môn Đá cầu.vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) - Giáo dục thể chất trong các trường đại học - Sự hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện và một số điều luật cơ bản.	2					6
Nội dung 2: II. (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác: - Động tác: Tay - Động tác: Lườn - Động tác: Vặn mình			2			6
Nội dung 3: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Bụng - Động tác: Lưng - Động tác: Chân			2			6
Nội dung 4: (TH) Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác. - Động tác: Toàn thân - Động tác: Thăng bằng - Động tác: bật nhảy			2			6
Nội dung 5: (TH) Ôn Tập phối hợp bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 6: (TH) Ôn tập và kiểm tra bài tập phát triển chung tay không 9 động tác (Tay, Lườn, Vặn mình; Bụng, Lưng, Chân, Toàn thân, Thăng bằng và bật nhảy).			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu môn học, lịch sử, luật thi đấu môn đá cầu			2			6

- Học các động tác khởi động hỗ trợ chuyên môn. - Học kỹ thuật tăng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân)						
Nội dung 8: (TH) - Ôn tập kỹ thuật tăng cầu. kỹ thuật tăng cầu (mu chính diện, lòng bàn chân, đùi, má ngoài bàn chân).			2			6
Nội dung 9: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng đùi và chuyển cầu bằng mu bàn chân bên thuận và không thuận.			2			6
Nội dung 10: (TH) - Học kỹ thuật đỡ cầu bằng ngực và chuyển cầu bằng mu bàn chân.			2			6
Nội dung 11: (TH) - Học kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện.			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng	2		28			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Liệt kê các phương pháp kiểm tra đánh giá sử dụng trong quá trình đào tạo (*chuyên cần, bài tập, hoạt động nhóm, báo cáo, thuyết trình, vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận,...*).

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubic 1)	CLO.3.4	
3	Thực hành	Kỹ thuật tăng cầu (Rubric1)	CLO. 5.6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Bài tập thể dục phát triển chung tay không 9 động tác (Rubric 2)	CLO.4.5.6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật tăng cầu nhiều điểm trạm - Kỹ thuật phát cầu thấp chân bằng mu chính diện (Rubric 3)	CLO.2.3.4.5.6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), Lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học. Nxb. TĐTT, Hà Nội
2. Nguyễn Xuân Sinh (2009), Thể dục, Nxb. TĐTT, Hà Nội.
3. Đặng Ngọc Quang (2003), Giáo trình Đá cầu, Nxb. ĐHSP.

* *Tài liệu tham khảo:*

4. ỦY BAN TĐTT (2003), Luật Đá cầu, Nxb. TĐTT.

Giáo dục thể chất 2/ Physical edycation

Chọn 1 trong 5 học phần:

a. Học phần tự chọn môn Bóng chuyền

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191031
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng - Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

- *Nội dung học phần:* Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cao tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền.

- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng, Biết kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng, có thể tham thi đấu phong trào môn bóng chuyền.

- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay, cao tay trước mặt và luật thi đấu bóng chuyền.

- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng chuyền: Tur thể chuẩn bị và di chuyển trong bóng chuyền, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật phát bóng.

- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.

- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.

- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1. Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; Các kỹ thuật bóng chuyền, luật thi đấu và trọng tài bóng chuyền; Tư thế chuẩn bị và di chuyển.			2			6
Nội dung 2. Tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt; Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng)..			2			6
Nội dung 3. - Ôn tập tư thế chuẩn bị và di chuyển: Đi, chạy, nhảy, trượt, lướt. - Học kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 4. Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 5. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Học kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 6. Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 7. - Ôn tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). - Ôn kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 8. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng).			2			6
Nội dung 9. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng			2			6

thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt.						
Nội dung 10. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật đập bóng cơ bản chính diện theo phương lấy đà ở vị trí số 4.			2			6
Nội dung 11. - Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam). - Giới thiệu kỹ thuật chắn bóng cá nhân.			2			6
Nội dung 12. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 13. Luyện tập kỹ thuật chuyền bóng thấp tay (Đệm bóng). Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ). Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 14. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Nội dung 15. Ôn tập và kiểm tra kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt (Nữ), phát bóng cao tay trước mặt (Nam).			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển(Rubric 1)	CLO.3,4,5	
3	Thực hành	Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt đối với nam và thấp tay trước mặt đối với nữ (Rubric 1)	CLO.4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng (Rubric 2)	CLO.5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Chuyên bóng thấp tay trước mặt (Đệm bóng) có người tung bóng. - Phát bóng cao tay trước mặt đối với Nam và phát bóng thấp tay trước mặt đối với Nữ. (Rubric 3)	CLO.1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (2007), *Giáo trình Bóngchuyên*, NXB ĐHSPT

* **Tài liệu tham khảo:**

2. Ủy ban TDTT (2007), *Luật bóng chuyên - Bóng chuyên bãi biển*, NXB, TDTT.

3. Đinh Văn Lắm (Chủ biên) (2006), *Giáo trình Bóng chuyên*, NXB TDTT, Hà Nội.

b. Học phần tự chọn môn Bóng đá

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191033
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng đá gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản (Các kỹ thuật đá bóng, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức tập luyện và trọng tài);

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng đá.
- CO2: Sinh viên hiểu được các nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển; chuyển bóng, ném biên.
- CO3: Kỹ năng thực hiện chính xác kỹ thuật: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyển bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật sút bóng cầu môn, Kỹ thuật chuyển bóng, Biết kỹ thuật ném biên cơ bản đứng tại chỗ và luật thi đấu bóng đá.
- CLO2: Có kỹ năng thực hiện chính xác các kỹ thuật của môn bóng đá: Tư thế chuẩn bị và di chuyển trong bóng đá, Kỹ thuật chuyển bóng lòng trong bàn chân, Kỹ thuật sút bóng bằng mu chính diện.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá để rèn luyện giáo dục thể chất vào trong cuộc sống hàng ngày.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: (LT) Lịch sử phát triển của Bóng đá, tính năng tác dụng. Luật bóng đá, Giới thiệu các Kỹ thuật trong môn bóng đá			2			6
Nội dung 2: (TH) Bài tập khởi động Học một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng.			2			6
Nội dung 3: (TH) Luyện tập một số kỹ thuật dừng và đỡ bóng, kỹ thuật tăng bóng. KT đá bóng bằng mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 4: (TH) Luyện tập đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. <i>Kiểm tra bài số 1</i>			2			6
Nội dung 5: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân.			2			6
Nội dung 6: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân, mu trong bàn chân			2			6
Nội dung 7: (TH) Học kỹ thuật ném biên, Giới thiệu kỹ thuật đá bóng mu lai má trong bàn chân. <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>			2			6
Nội dung 8: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Giới thiệu KT đá bóng bằng mu chính diện.			2			6
Nội dung 9: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên			2			6

Nội dung 10: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên.			2			6
Nội dung 11: (TH) Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân, kỹ thuật ném biên Giới thiệu kỹ thuật đánh đầu. <i>Kiểm tra bài số 2</i>			2			6
Nội dung 12: (TH) Luyện tập kỹ thuật ném biên. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyển bóng sút cầu môn			2			6
Nội dung 13: (TH) Luyện tập ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân. Giới thiệu bài tập chuyển bóng đánh đầu vào cầu môn. Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. <i>Kiểm tra bài số 3</i>			2			6
Nội dung 14: (TH) Giới thiệu bài tập phối hợp 2 đánh 1 sút cầu môn. Giới thiệu bài tập đá phạt hàng rào. Giới thiệu bài tập thi đấu và trọng tài.			2			6
Nội dung 15: (TH) Giới thiệu các bài tập phòng thủ: Nhóm, khu vực. Kiểm tra bổ sung, kết thúc nội dung học tập.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Phương pháp thuyết trình (Lý thuyết); Phương pháp phân tích và thị phạm động tác (Phương pháp trực quan); Phương pháp trò chơi vận động; Giảng dạy phân chia – hợp nhất; Giảng dạy tập luyện nguyên vẹn động tác; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp, thực hành động tác; Phương pháp thi đấu, trọng tài; Phương pháp củng cố-sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Đánh giá nhanh trên lớp (Rubric 1)	CLO.1.2	30%
2	Thực hành	Đá bóng bằng lòng bàn chân vào ô 2x2m (Nam 12m, Nữ 10m) (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Ném biên trong hành lang 3m (Rubric1)	CLO. 5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 15m, Nữ 12m) (Rubric 2)	CLO. 4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Ném biên trong hành lang 3m - Đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu môn 2 x 3m (Nam 20m, Nữ 16m50) (Rubric 3)	CLO.1.2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. PGS.TS Trần Đức Dũng, Giáo trình Bóng Đá, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Ủy ban TDTT, Luật Bóng đá sân 5,11 người, Nxb TDTT.
2. TS. Phạm Quang, Giáo trình Bóng đá, Nxb TDTT, Hà Nội 2007

c. Học phần tự chọn môn Bóng rổ

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191034
- Bộ môn quản lý học phần: Bóng – Điền kinh
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sau khi học xong học phần này sinh viên có được hệ thống những kiến thức cơ bản về môn Bóng rổ.
- CO2: Người học biết vận dụng các kiến thức lý luận môn bóng rổ, thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và có kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.
- CO3: Có năng lực, kỹ năng hoàn thành công việc cơ bản vào thực tiễn học tập và rèn luyện ngoại khóa, tổ chức tập luyện và thi đấu phong trào.
- CO4: Vận dụng các kiến thức lý luận, kỹ thuật bóng rổ vào quá trình học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực góp phần tham gia các hoạt động học tập khác trong trường học ở các điều kiện khác nhau.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng rổ; các nguyên lý, nguyên lý kỹ thuật, yếu lĩnh động tác môn Bóng rổ; Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng trước mặt, cao tay trước mặt.
- CLO 2: Thành thạo một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện, kỹ năng hoàn thành thuần thục chính xác, thực hiện tốt kỹ thuật và tổ chức tập luyện môn bóng rổ.
- CLO 3: : Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Vị trí, tác dụng tập luyện - Lịch sử phát triển môn bóng rổ. - Luật thi đấu bóng rổ: - Giới thiệu kỹ thuật môn học			2			6
Nội dung 2: (TH) - Luật dẫn bóng - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh			2			6
Nội dung 3: (TH) Ôn tập : - Kỹ thuật di chuyển không bóng: Di chuyển ngang phải, trái, tiến lùi, chạy nghiêng, chạy đổi hướng - Kỹ thuật dẫn bóng: + Dẫn bóng tại chỗ + Dẫn bóng di chuyển một tay và hai tay luân phiên + Dẫn bóng nhanh Kiểm tra bài 1: Luật Bóng rổ.			2			6
Nội dung 4: (TH) - Ôn kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Học kỹ thuật tại chỗ ném rổ một tay trên cao - Giới thiệu kỹ thuật tại chỗ ném rổ 2 tay trước ngực			2			6
Nội dung 5: (TH) Học kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ: + Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao			2			6

+ Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay dưới thấp (Giới thiệu)						
Nội dung 6: (TH) Ôn: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rổ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Học kỹ thuật chuyền - bắt bóng: + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật phối hợp di chuyển chuyền bắt bóng bằng 2 tay trước ngực + Kỹ thuật chuyền, bắt bóng bằng 1 tay.			2			6
Nội dung 7: (TH) - Giới thiệu chiến thuật: + Tấn công nhanh + Phòng thủ khu vực. Kiểm tra giữa kỳ: - Kỹ thuật dẫn bóng nhanh Nội dung kiểm tra: Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20m tính thời gian Cách thực hiện kỹ thuật : - Sinh viên đứng sau vạch xuất phát cầm bóng, khi có hiệu lệnh của giáo viên thì sinh viên đẩy bóng rồi thực hiện dẫn bóng nhanh 20 m - Thực hiện dẫn bóng kỹ thuật, dẫn bằng một tay hoặc hai tay luân phiên. Dẫn bóng theo đường thẳng từ vạch xuất phát đến điểm đích 20m, Khi qua vạch đích phải kiểm soát được bóng không được bỏ bóng chạy qua vạch đích Dẫn bóng phạm luật: - Không được bỏ bóng chạy rồi bắt bóng tiếp tục dẫn bóng - Không được ngửa lưng bàn tay giữ bóng để dẫn bóng. - Không được dẫn bóng bằng cả hai tay cùng tiếp xúc bóng. - Không được để bóng chạm chân trong quá trình dẫn bóng			2			6

- Không được bật nhảy khống chế bóng rồi dẫn bóng - Không được lăn bóng bắt bóng rồi dẫn bóng						
Nội dung 8: (TH) - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. - Ôn tập kỹ thuật: + Kỹ thuật di chuyển 2 bước ném rỏ một tay trên cao + Kỹ thuật dẫn bóng nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 9: (TH) Kỹ thuật tại chỗ nhảy ném rỏ một tay trên cao - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 10: (TH) Chiến thuật: - Tấn công nhanh - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 11: (TH) Chiến thuật phòng thủ khu vực 2-1-2, 2-3 Chiến thuật phòng thủ kèm người 1/2 sân - Tổ chức thi đấu			2			6
Nội dung 12: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 13: (TH) Hoàn thiện kỹ thuật và đấu tập.			2			6
Nội dung 14: (TH) - Hoàn thiện kỹ thuật môn học kiểm tra kỹ thuật: - Dẫn bóng nhanh 20 m - Di chuyển hai bước bật nhảy ném rỏ tựa bằng một tay trên cao.			2			6
Nội dung 15: (TH) - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học.			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác

nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp	Câu hỏi(Rubric 1)	CLO.1.2.3	30%
2	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng (Rubric 1)	CLO.3.4.	
3	Thực hành	Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao (Rubric1)	CLO.5.6.	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. (Rubric 2)	CLO.4.5.6.	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	- Kỹ thuật dẫn bóng nhanh 20 m tính thời gian. - Kỹ thuật di chuyển hai bước bật nhảy ném rổ tựa bằng bằng một tay trên cao. (Rubric 3)	CLO2.3.4.5.6.	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), Giáo trình Bóng rổ, NXB, ĐHSP.

* **Tài liệu tham khảo:**

1. Ủy ban thể dục thể thao (2006), Luật Bóng rổ, NXB TDTT.
2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), Giáo trình bóng rổ, NXB ĐH Thái Nguyên.

d. Học phần tự chọn môn Thể dục Aerobic

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 193032
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần: Thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Sinh viên có được những kiến thức lý thuyết cơ bản về ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn Thể dục Aerobic.
- CO2: Sinh viên hiểu các nguyên lý, kỹ thuật, nhịp và tính chất nghệ thuật của bài Thể dục Aerobic.
- CO3 : Sinh viên có kỹ năng hoàn thành, thực hiện tốt kỹ thuật động tác chính xác và đẹp bài Thể dục Aerobic
- CO4: Vận dụng được những kiến thức đã học của Aerobic vào rèn luyện sức khỏe và đời sống.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Sinh viên hiểu được kiến thức cơ bản về môn Thể dục Aerobic và biết vận dụng các kiến thức về môn Thể dục Aerobic vào quá trình học tập và rèn luyện sức khỏe.
- CLO2: Kỹ năng thực hiện kỹ thuật động tác trong môn Thể dục Aerobic chính xác, đúng nhịp và nhạc.
- CLO3: Vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Thể dục Aerobic để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày phục vụ mục tiêu rèn luyện sức khỏe và thẩm mỹ.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn TDTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Lịch sử phát triển, ý nghĩa tác dụng, của môn Aerobic - Tổ chức thi đấu Aerobic; - Bảy bước cơ bản			2			6
Nội dung 2 Các tư thế cơ bản			2			6
Nội dung 3: - Các tư thế cơ bản - Nhóm độ khó, thấp, - Học mới tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3)			2			6
Nội dung 4: - Ôn Nhóm độ khó, thấp, tổ hợp I (động tác 1 đến động tác 3) - Học mới tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7)			2			6
Nội dung 5: - Ôn tổ hợp II (động tác 4 đến động tác 7) - Học mới tổ hợp III (động tác 8 đến động tác 11)			2			6
Nội dung 6: - Ôn Liên kết 3 tổ hợp I,II,III -Học mới tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15)			2			6
Nội dung 7: - Ôn tổ hợp IV (động tác 12 đến động tác 15) - Học mới tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19)			2			6
Nội dung 8: - Ôn tổ hợp V (động tác 16 đến động tác 19) Liên kết 5 tổ hợp từ I - V			2			6

Nội dung 9: - Liên kết 5 tổ hợp từ I – V - Học mới tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23)			2			6
Nội dung 10: - Ôn tổ hợp VI (động tác 20 đến động tác 23) - Học mới tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26)			2			6
Nội dung 11: - Ôn tổ hợp VII (động tác 24 đến động tác 26) - Hoàn thiện Liên kết tổ hợp từ I – VII			2			6
Nội dung 12: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 13: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 14: Hoàn thiện bài liên kết			2			6
Nội dung 15: - Ôn bài hoàn thiện. - Kiểm tra đánh giá nội dung môn học			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia - hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi - Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra - đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Thực hành	Các tư thế cơ bản, nhóm độ khó, thấp (7 bước cơ bản, Nhóm độ dẻo) (Rubric 1)	CLO1,2,3	30%
2	Thực hành	Các tổ hợp đơn lẻ (tổ hợp I,II)	CLO1,2,3,4	

		(Rubric 1)		
3	Điểm danh và kiểm tra	Ý thức học tập, chuyên cần.	CLO 4,5,6	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Liên kết tổ hợp đơn lẻ từ I đến III (Rubric 2)	CLO1,2,3,4,5	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Toàn bộ bài Aerobic tổ hợp I đến VII (Rubric 3)	CLO1,2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên:

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* **Giáo trình/Bộ giáo trình bắt buộc :**

1. Đinh Khánh Thu (2014) *Giáo trình Thể dục Aerobic*; TDDT HN.

* **Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo:**

1. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lắm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) *Thể dục*; TDDT HN.
2. Đặng Quốc Nam (2014), *Thể dục tập I, II* NXB TDDT

e. Học phần tự chọn môn võ Vovinam

- Số tín chỉ: 02
- Mã học phần: 191005
- Bộ môn quản lý học phần: LL&PPGD-GDTC
- Điều kiện tiên quyết: GDTC 1

1. Mô tả học phần (Mô tả tóm tắt nội dung học phần)

Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chào mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức tập luyện của môn vovinam.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Trang bị cho sinh viên hiểu biết về các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và nhận thức đúng về tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo
- CO2: Vận dụng được kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo và thực hiện chính xác các thế tấn, đòn tay, đòn chân, chiến lược, phương pháp tập luyện bài long hổ quyền rèn luyện thể lực cho người học.
- CO3: Sinh viên thực hiện chính xác về Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản như trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam.
- CO4: Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức về môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất đưa vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức cơ bản về: Lý luận chung về chấn thương TDDT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chào mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp.
- CLO2: Thực hiện chính xác các kỹ thuật động tác của môn Vovinam: Tư thế chuẩn bị và các kỹ thuật động tác cơ bản trung bình tấn; chào mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực.
- CLO3: Biết vận dụng vận dụng các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn Vovinam để rèn luyện giáo dục thể chất vào cuộc sống hàng ngày và trong nghề nghiệp sau này.
- CLO4: Tổ chức các hoạt động học tập và tập luyện ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực vận động và thể lực chung, nhằm phát triển toàn diện, phát triển các tố chất vận động và khả năng hoạt động thể lực.
- CLO5: Sinh viên có thái độ nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy chế lớp học; tích cực thực hiện tốt nội dung học tập, năng động sáng tạo và nghiêm túc trong các giờ học thực hành cũng như lý thuyết.
- CLO6: Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập đặc biệt là trong các giờ học có các kỹ thuật động tác khó và hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tập luyện các môn

TĐTT. Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc học tập nhằm phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất.

4. Nội dung học phần

7. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập/ Thực hành			
Nội dung 1: - Trung bình tấn - Đỉnh tấn - Chảo mã tấn - Hạc tấn (Độc cước tấn) - Hồi tấn			2			6
Nội dung 2: - Đấm thẳng - Đấm ngang (Đấm móc) - Đấm móc			2			6
Nội dung 3: -Đá thẳng -Đá vòng cầu (Đá tạt) -Đá cạnh chân			2			6
Nội dung 4: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 5: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 1 – 10)			2			6
Nội dung 6: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 7: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 10 – 20)			2			6
Nội dung 8: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 9: (Ôn tập) Bài Long hổ quyền (Từ động tác 21 – 30)			2			6
Nội dung 10: Bài Long hổ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6

Nội dung 11: (Ôn tập) - Bài long hồ quyền (từ động tác 31-40)			2			6
Nội dung 12: - Bài Long hồ quyền (Từ động tác 31 – 40)			2			6
Nội dung 13: (TH) Bài Long hồ quyền (Từ động tác 41 –45)			2			6
Nội dung 14: (TH) Hoàn thiện bài long hồ quyền (Từ động tác 1 – 45)			2			6
Nội dung 15: (TH) - Ôn tập và KT bài Long hồ quyền			2			6
Tổng			30			90

5. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), Phương pháp phân tích và thị phạm động tác; Phương pháp trực quan; Phương pháp trò chơi vận động; Phương pháp giảng dạy phân chia – hợp nhất; Phương pháp giảng dạy tập luyện nguyên vẹn; Phương pháp giảng dạy tập luyện lặp lại; Phương pháp hỏi – Đáp; Phương pháp thi đấu; Phương pháp củng cố- sửa sai động tác; Phương pháp kiểm tra – đánh giá.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá nhanh trên lớp/ Chuyên cần	Câu hỏi (Rubric 1)	CLO.1,2	30%
2	Thực hành	Tấn pháp, thủ pháp (Rubric 1)	CLO.3,4	
3	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đâm (Rubric 1)	CLO.3,4,5	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
	Thực hành	Kiểm tra kỹ thuật động tác các đòn đá (Rubric 2)	CLO.4,5,6	20%
III	Thi cuối kì			
	Thực hành	Bài long hồ quyền (Rubric 3)	CLO.2,3,4,5,6	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 3 điểm thường xuyên một điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu (2008) “*Kỹ thuật Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*” tập 1, NXB TDTT.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Nguyễn Chánh Tứ (2014). *Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)*
2. Nguyễn Chánh Tứ (2014), *Vovinam phân thể Nhu khí công quyền 2*, NXB TDTT, HN.

*** GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG/MILITARY EDUCATION 165 tiết**

I. Học phần 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam/*National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam*

- Số tín chỉ: 3 (37, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Học phần tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu của học phần.

- CO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của lý luận, quan điểm của Đảng; tính tất yếu, yêu cầu đặt ra về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp; làm việc độc lập và phối hợp nhóm. Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong quân sự trong học tập.

- CO3: Xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, nêu cao cảnh giác cách mạng, tích cực phòng chống “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- CLO2: Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Tự học
	Giờ lên lớp				Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập	Thực hành		
Bài 1: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu môn học	2					10
Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	2	2				10
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	4					15
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân	4					15
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	4					15
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	4	2				15
Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	4					15
Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng	4	2				15
Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	2	2				10
Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội						10

5. Phương pháp dạy học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề (kết thúc bài 7), sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 45 phút	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Đào Huy Hiệp, *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017. *Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

2. Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vàng, 2014. *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

II. Học phần 2: Công tác quốc phòng và an ninh

- Số tín chỉ: 2 (22, 8, 0)
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Chính trị
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với cách mạng Việt Nam. Những kiến thức cơ bản trong phòng, chống vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực (môi trường; trật tự an toàn giao thông; xâm hại danh dự, nhân phẩm; vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống).

- CO2: Phát triển tư duy sáng tạo, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp về quốc phòng và an ninh. Hình thành lối sống kỷ luật và tác phong quân sự.

- CO3: Phát huy truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng, sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng và an ninh.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay.

- CLO2: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng.

- CLO3: Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Bài 1: Phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	4					
Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	4	2				
Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4					
Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông	4					
Bài 5: Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác	2	2				
Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng	2	2				
Bài 7: An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	2	2				

5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng các phương pháp thuyết trình, đặt vấn đề - gợi mở, thảo luận.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CDR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
1	+ Mức độ chuyên cần và ý thức, thái độ của sinh viên trong học tập (sự hiện diện trên lớp; thực hiện nội quy, quy định; ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong quân sự; ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	25%
2	+ Khả năng nhận thức nội dung học tập của sinh viên (viết tiểu luận, hoặc kiểm tra bài cũ hay kiểm tra nhận thức trên lớp, hoặc kết quả tham gia thảo luận, hoặc chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn ...)	Rubric 1	CLO1, CLO2, CLO3,	
II	Kiểm tra giữa kỳ			
	Sau khi học một số chuyên đề sinh viên sẽ làm bài kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm (dạng điền khuyết và dạng nhiều lựa chọn). * Tiêu chí đánh giá đối với bài trắc nghiệm: - Thời gian: 15 phút - Tổng số câu trắc nghiệm: 10 câu (Trong đó	Rubric 2	CLO1, CLO2, CLO3,	25%

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
	có 5 câu dạng điền khuyết). - Sinh viên lựa chọn nội dung trả lời điền vào chỗ trống đối với dạng điền khuyết và khoanh tròn vào phương án đúng với dạng câu hỏi nhiều lựa chọn; mỗi câu đúng được tính 01 điểm.			
III	Thi cuối kì			
	- Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 35 phút	Rubric 3	CLO1, CLO2, CLO3,	50%

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

- Đào Huy Hiệp, *Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1*, Nxb. Giáo dục.
- Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, 2012, *Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự*, Nxb Giáo dục. - *an ninh* (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam.

* *Tài liệu tham khảo:*

- Bộ Giáo dục và đào tạo, 2017, *Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh*, 2017.
- Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng, 2014, *Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh*, Nxb. Giáo dục.

III. Học phần 3: Quân sự chung

- Số ĐVHT: 02 (Lý thuyết:14; Thực hành: 16)
- Mã học phần: GDQP 3
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần gồm: Chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, các động tác về điều lệnh đội ngũ; kiến thức về quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ quân sự, cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Sinh viên nắm được các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ địa hình quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Biết vận dụng một cách sáng tạo các nội dung đã học vào học tập các nội dung mới.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Rèn luyện thuần thục động tác điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết cách thực hành tập hợp đội ngũ tiểu đội, trung đội. Thành thạo điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQPAN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường. Biết thực hành định hướng bản đồ, xác định điểm đứng, xác định toạ độ, chỉ thị mục tiêu, đo cự li diện tích trên bản đồ.

- CO3: Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng Nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập. Xây dựng phương pháp học tập khoa học, thái độ nghiêm túc.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm vững được nội dung, thuần thục động tác, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Có kỹ năng sống trong học tập, công tác theo tác phong quân sự, phát triển khả năng tư duy sáng tạo trong hoạt động quân sự.

- CLO3: Có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Có ý thức học tập và rèn luyện, thành thạo sử dụng các loại vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học phần		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần	2	2	
2	Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại	2	2	
3	Điều lệnh đội ngũ đơn vị	4		4
4	Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	4		4
5	Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội	4	4	
6	Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự	4	2	2
7	Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao	4	2	2
8	Ba môn quân sự phối hợp	6	2	4
	Cộng	30	14	16

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động...

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số TC +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập).	Rubric đánh giá chuyên cần	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm, thời gian thi 30 phút	Rubric kiểm tra trắc nghiệm	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHD ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012. *Giáo trình giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 2*. NXB giáo dục Việt Nam.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng, 2005, *Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1, Quân sự chung*, (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).

2. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

3. Bộ quốc phòng 2015. *Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam*. NXB Quân đội nhân dân.

IV. Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

- Số ĐVHT: 04 (Lý thuyết:04, Thực hành: 56)
- Mã học phần: GDQP 4
- Bộ môn quản lý học phần: Quân sự
- Điều kiện tiên quyết:

1. Mô tả học phần

Nội dung học phần kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật gồm: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn.

2. Mục tiêu của học phần.

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

- CO1: Nắm chắc được tác dụng, tính năng, cấu tạo chung của súng tiểu liên AK và thuần thục động tác bắn súng tiểu liên AK. Tác dụng, tính năng, cấu tạo chung và biết sử dụng lựu đạn. Đặc điểm và cách đánh một số mục tiêu trong chiến đấu tiến công và biết cách phòng ngự đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO2: Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Rèn luyện thành thục tư thế, động tác bắn cơ bản, biết cách thực hành bắn trúng, bắn chụm vào mục tiêu ban ngày bằng súng tiểu liên AK. Biết cách lợi dụng địa hình, địa vật và thực hiện tốt các tư thế động tác vận động trong chiến đấu, xử lý được một số tình huống trong quá trình tiến công địch cũng như trong quá trình phòng ngự, đánh bại các đợt tiến công của địch.

- CO3: Không ngừng học tập và rèn luyện, nâng cao trình độ sử dụng vũ khí trang bị, xây dựng lòng tin vào vũ khí trang bị hiện có, đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thông qua môn học giúp sinh viên nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh. Xây dựng ý thức trách nhiệm và nêu cao tinh thần giữ gìn, bảo quản tốt vũ khí, trang bị được giao trong quá trình học tập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nắm chắc nội dung, thuần thục động tác có ý thức tổ chức kỷ luật cao vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại Trung tâm và nhà trường.

- CLO2: Tư thế, tác phong nhanh nhẹn, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao, biết vận dụng một cách linh hoạt vào trong quá trình học tập. Thuần thục và thành thạo tư thế, động tác nằm chuẩn bị bắn súng tiểu liên AK.

- CLO3: Có ý thức học tập và rèn luyện, tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong việc chấp hành các nội quy của Trung tâm GDQPAN góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh đáp ứng tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học HP		
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành
1	Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)	4		4
2	Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1	8	2	6
3	Từng người trong chiến đấu tiến công	16		16
4	Từng người trong chiến đấu phòng ngự	8		8
5	Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	24	2	22
	Cộng	60	4	56

5. Phương pháp dạy - học

- Sử dụng phương pháp thuyết trình, phân tích giảng giải nội dung.
- Sử dụng phương pháp thực hành làm mẫu động tác theo 3 bước: Làm nhanh khái quát động tác; làm chậm, phân tích động tác; Làm tổng hợp có phân chia các cử động.
- Sử dụng phương pháp nêu tình huống, kết luận hướng dẫn hành động

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (Số ĐVHT +01)			
1	Đánh giá chuyên cần bao gồm: (ý thức chấp hành kỷ luật trong học tập, mang mặc trang phục trong học tập, ghi chép bài, thời gian tham gia học tập). Nắm chắc các nội dung, thái độ học tập của sinh viên	Rubric đánh giá chuyên cần, rubric rèn luyện	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%
2	Kiểm tra viết (02 bài)	Rubric kiểm tra	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
3	Kiểm tra thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	
II	Thi kết thúc học phần			
	Sinh viên đủ điều kiện theo quy định sẽ tham gia thi kết thúc học phần bằng hình thức thi thực hành bắn súng trên máy bắn tập MBT-03	Rubric đánh giá kỹ năng thực hành	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các bài kiểm tra học trình, thi kết thúc học phần theo quy định và phải có đủ 80% đối với sinh viên hệ chính quy hoặc 75% đối với hệ vừa làm vừa học thời gian có mặt nghe giảng lý thuyết trên lớp và thực hành tại thao trường (theo Quyết định số 1690/2021/QĐ-ĐHHĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021 về quy định tổ chức dạy học và đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh).

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** *Giáo trình bắt buộc:***

1. Nguyễn Đức Đăng, 2012, *Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2*, NXB giáo dục Việt Nam.

*** *Tài liệu tham khảo:***

1. Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn, 2012, *Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, tập 1*, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam.

6.18. LÝ LUẬN NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT/ GENERAL THEORY OF THE STATE AND LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 199027
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, các kiểu nhà nước: nhà nước chủ nô, nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa; vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với các hiện tượng xã hội khác; quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; nhà nước pháp quyền.

2. Mục tiêu của học phần:

- CO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; Mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với các hiện tượng xã hội khác; quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật;
- CO2: Có kiến thức lý luận về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; nhà nước pháp quyền;
- CO3: Đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề nhà nước và pháp luật; lý giải, phản biện về hiện tượng nhà nước và pháp luật;
- CO4: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về nhà nước và pháp luật; Có thái độ khách quan và khoa học trong nghiên cứu và trao đổi những vấn đề về nhà nước và pháp luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về tất cả những vấn đề nhà nước và pháp luật;
- CLO2: Phân tích, đánh giá, phản biện được các hiện tượng pháp lý về nhà nước và pháp luật;
- CLO3: Vận dụng được những kiến thức đã học vào nghiên cứu các khoa học pháp lý khác, nhất là các môn khoa học pháp lý chuyên ngành luật trong chương trình đào tạo cử nhân luật; vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề của thực tiễn nhà nước và pháp luật;
- CLO4: Hình thành được ở người học kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tư duy logic; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận về các vấn đề cơ bản nhà nước và pháp luật;
- CLO5: Hình thành được ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lý trong đời sống xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG 1. NHẬP MÔN LÝ LUẬN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT 1.1. Lí luận nhà nước và pháp là một ngành khoa học pháp lý 1.2. Lý luận chung về nhà nước và pháp luật - một môn học	1	2				5
CHƯƠNG 2. NGUỒN GỐC VÀ KIỂU NHÀ NƯỚC 2.1. Khái niệm, đặc trưng nhà nước 2.2. Nguồn gốc nhà nước 2.3. Kiểu nhà nước	2	2				10
CHƯƠNG 3. BẢN CHẤT NHÀ NƯỚC 3.1 Khái niệm bản chất nhà nước 3.2. Bản chất của nhà nước Việt Nam hiện nay	2	2				10
CHƯƠNG 4. CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC 4.1. Khái niệm chức năng nhà nước 4.2. Phân loại chức năng nhà nước 4.3. Chức năng nhà nước qua các kiểu nhà nước 4.4. Chức năng nhà nước Việt Nam hiện nay	2	2				10
CHƯƠNG 5. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC 5.1. Khái niệm, đặc điểm bộ máy nhà nước 5.2. Bộ máy nhà nước qua các kiểu nhà nước 5.3. Một số nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của BM nhà nước hiện đại 5.4. Bộ máy nhà nước Việt Nam hiện nay	2	3				10
CHƯƠNG 6. HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC 6.1. Khái niệm hình thức nhà nước 6.2. Hình thức nhà nước qua các kiểu nhà nước 6.3. Hình thức nhà nước Việt Nam hiện	1	3				5

nay						
CHƯƠNG 7. NHÀ NƯỚC TRONG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 7.1. Khái niệm, đặc điểm hệ thống chính trị 7.2. Vị trí, vai trò của nhà nước trong hệ thống chính trị 7.3. Quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị 7.4. Nhà nước trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay	2	2				10
CHƯƠNG 8. NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN 8.1. Khái niệm nhà nước pháp quyền 8.2. Các đặc trưng và giá trị cơ bản của nhà nước pháp quyền 8.3. Xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay	1	2				5
CHƯƠNG 9. NGUỒN GỐC VÀ KIỂU PHÁP LUẬT 9.1. Khái niệm pháp luật 9.2. Nguồn gốc pháp luật 9.3. Kiểu pháp luật	1	2				5
CHƯƠNG 10. BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT 10.1. Bản chất pháp luật 10.2. Vai trò của pháp luật	1	2				5
CHƯƠNG 11. HÌNH THỨC VÀ NGUỒN CỦA PHÁP LUẬT 11.1. Khái niệm hình thức, nguồn của pháp luật 11.2. Các loại nguồn của pháp luật 11.3. Nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay	1	2				5
CHƯƠNG 12. QUY PHẠM PHÁP LUẬT 12.1. Khái niệm quy phạm pháp luật 12.2. Cơ cấu của quy phạm pháp luật 12.3. Cách trình bày quy phạm pháp luật trong các văn bản quy phạm pháp luật 12.4. Phân loại quy phạm pháp luật	2	2				10

CHƯƠNG 13. QUAN HỆ PHÁP LUẬT 13.1. Khái niệm và phân loại quan hệ pháp luật 13.2. Thành phần của quan hệ pháp luật 13.3. Sự kiện pháp lý	2	3				10
CHƯƠNG 14. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ GIẢI THÍCH PHÁP LUẬT 14.1. Thực hiện pháp luật 14.2. Áp dụng pháp luật 14.3. Giải thích pháp luật	2	3				10
CHƯƠNG 15. VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PL 15.1. Vi phạm pháp luật 15.2. Trách nhiệm pháp lý	3	2				15
CHƯƠNG 16. Ý THỨC PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA PHÁP LÝ 16.1. Ý thức pháp luật 16.2. Văn hóa pháp lý 16.3. Giáo dục pháp luật	2	2				10
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết hoặc Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
III. Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. GS.TS Nguyễn Minh Đoan, TS Nguyễn Văn Năm, (2022), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Tư pháp.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. GS.TS Lê Minh Tâm, PGS.TS Nguyễn Minh Đoan (chủ biên), (2015), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb. CAND.
2. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên), (2007), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. ĐH QG HN.

6.19. LUẬT HIẾN PHÁP /CONSTITUTIONAL LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 199117
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Không

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức về: khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp, môn học luật hiến pháp; chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, chính sách đối ngoại; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; chế độ bầu cử; những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành cụ thể: nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam;
- CO2: Có kiến thức về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, các cơ quan hiến định độc lập;
- CO3: Phân tích, đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật hiến pháp;
- CO4: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của chế độ xã hội hiện hành ở Việt Nam;

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích và đánh giá được chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam;
- CLO2: Nhận diện và đánh giá được các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; các cơ quan hiến định độc lập;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tư duy logic; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của Luật Hiến pháp;
- CLO4: Đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật hiến pháp;
- CLO5: Hình thành được ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khoa học về bản chất của chế độ xã hội hiện hành ở Việt Nam và trong đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Những vấn đề cơ bản về ngành Luật Hiến pháp và khoa học luật Hiến pháp 1.1. Ngành luật hiến pháp Việt Nam 1.2. Khoa học luật hiến pháp Việt Nam 1.3. Môn học Luật Hiến pháp Việt Nam	1	1				5
Chương 2. Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam 2.1. Những vấn đề cơ bản về Hiến pháp 2.2. Lịch sử lập hiến Việt Nam	2	2				10
Chương 3. Chế độ chính trị 3.1. Khái niệm chế độ chính trị 3.2. Chính thể của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 3.3. Bản chất của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 3.4. Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam 3.5. Chính sách đại đoàn kết và đường lối dân tộc của nước CHXHCN Việt Nam 3.6. Chính sách đối ngoại của nước CHXHCN Việt Nam	3	1				15
Chương 4. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.1. Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền con người 4.2. Khái niệm, phân loại, các đặc trưng của quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.3. Các nguyên tắc Hiến pháp của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 4.4. Quyền con người theo Hiến pháp năm 2013 4.5. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo Hiến pháp năm 2013 4.6. Sự phát triển của chế định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công	3	5				15

dân qua các bản hiến pháp Việt Nam						
Chương 5. Chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường						
5.1. Chính sách kinh tế						
5.2. Chính sách xã hội	1	6				5
5.3. Chính sách văn hóa						
5.4. Chính sách giáo dục						
5.5. Chính sách khoa học và công nghệ						
5.6. Chính sách môi trường						
Chương 6. Chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia						
6.1. Chính sách đối ngoại	1	0				5
6.2. Chính sách quốc phòng và an ninh quốc gia						
Chương 7. Chế độ bầu cử						
7.1. Khái niệm chế độ bầu cử						
7.2. Các nguyên tắc bầu cử						
7.3. Tiến trình cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND	1	3				5
7.4. Bãi nhiệm, miễn nhiệm đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND						
Chương 8. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam						
8.1. Khái niệm về bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam						
8.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước	3	6				15
8.3. Sự hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước trong lịch sử lập hiến Việt Nam						
Chương 9. Quốc hội						
9.1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Quốc hội nước ta						
9.2. Vị trí, tính chất, chức năng của Quốc hội						
9.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội	3	4				15
9.4. Cơ cấu tổ chức						
9.5. Kỳ họp Quốc hội						
9.6. Đại biểu Quốc hội						
9.7. Việc bãi nhiệm, mất quyền ĐBQH, việc ĐBQH xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu						
Chương 10. Chủ tịch nước	1	2				5

10.1. Vị trí của Chủ tịch nước trong bộ máy nhà nước						
10.2. Thẩm quyền của Chủ tịch nước						
10.3. Việc bầu Chủ tịch nước và phó Chủ tịch nước						
10.4. Hội đồng quốc phòng và an ninh						
Chương 11. Chính phủ						
11.1. Khái quát về sự ra đời và phát triển của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam						
11.2. Vị trí, tính chất, chức năng	2	3				10
11.3. Nhiệm vụ, quyền hạn						
11.4. Cơ cấu tổ chức						
11.5. Các hình thức hoạt động						
Chương 12. Tòa án nhân dân						
12.1. Sự hình thành và phát triển của Tòa án nhân dân						
12.2. Chức năng, nhiệm vụ của TAND	1.5	0				7.5
12.3. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động						
12.4. Nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ cấu tổ chức của TAND						
12.5. Thẩm phán và hội thẩm						
Chương 13. Viện kiểm sát nhân dân						
13.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của VKSND						
13.2. Chức năng	1.5	0				7.5
13.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND						
13.4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động						
13.5. Hệ thống và cơ cấu tổ chức						
13.6. Kiểm sát viên						
Chương 14. Chính quyền địa phương						
14.1. Hội đồng nhân dân	3	3				15
14.2. Ủy ban nhân dân						
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. GS.TS Thái Vĩnh Thắng, PGS.TS Vũ Hồng Anh (đồng chủ biên), (2015), *Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn, TS. Đặng Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2016), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013*, Nxb. CTQG;

2. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013.*

6.20. LUẬT HÀNH CHÍNH/ADMINISTRATIVE LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 197063
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành Luật Hành chính và quản lý hành chính nhà nước; Quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính; Hình thức và phương pháp trong quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính và quyết định hành chính; Quy chế hành chính của cơ quan hành chính nhà nước; Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; Quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội; Quy chế pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về lý luận và thực tiễn quản lý hành chính nhà nước cũng như pháp luật về quản lý hành chính nhà nước;
- CO2: Có khả năng nhận diện mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước;
- CO3: Vận dụng pháp luật vào thực tiễn quản lý hành chính nhà nước; Biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong quản lý hành chính nhà nước;
- CO4: Có quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay; Nghiêm túc, khách quan trong đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn quản lý hành chính nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức về lý luận và thực tiễn quản lý hành chính nhà nước cũng như pháp luật về quản lý hành chính nhà nước;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước;
- CLO3: Vận dụng được pháp luật vào thực tiễn quản lý hành chính nhà nước; Biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong quản lý hành chính nhà nước;
- CLO4: Hình thành được quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay;
- CLO5: Hình thành được ý thức nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn quản lý hành chính nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Luật hành chính và quản lý nhà nước						
1.1. Khái niệm quản lý, quản lý nhà nước, quản lý hành chính nhà nước	2	3				10
1.2. Ngành Luật hành chính						
1.3. Khoa học Luật hành chính						
1.4. Môn học Luật hành chính						

Chương 2. Quy phạm và quan hệ pháp luật hành chính 2.1. Quy phạm pháp luật hành chính 2.2. Quan hệ pháp luật hành chính	1	6				5
Chương 3. Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước 3.1. Khái niệm và hệ thống các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước 3.2. Các nguyên tắc cơ bản của quản lý hành chính nhà nước	3	2				15
Chương 4. Hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước 4.1. Hình thức quản lý hành chính nhà nước 4.2. Phương pháp quản lý hành chính nhà nước	3	2				15
Chương 5. Thủ tục hành chính 5.1. Khái niệm thủ tục hành chính, các nguyên tắc xây dựng và thực hiện thủ tục hành chính 5.2. Chủ thể của thủ tục hành chính 5.3. Các loại thủ tục hành chính 5.4. Các giai đoạn của thủ tục hành chính 5.5. Cải cách thủ tục hành chính	2	3				10
Chương 6. Quyết định hành chính 6.1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định hành chính 6.2. Phân loại quyết định hành chính 6.3. Trình tự xây dựng và ban hành quyết định hành chính (quyết định quy phạm) 6.4. Phân biệt quyết định hành chính với các loại quyết định pháp luật khác 6.5. Tính hợp pháp và hợp lý của quyết định hành chính	1	3				5
Chương 7. Địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước	3	1				15

7.1. Khái niệm và phân loại cơ quan hành chính nhà nước 7.2. Địa vị pháp lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước 7.3. Cải cách bộ máy hành chính - nội dung quan trọng của cải cách hành chính						
Chương 8. Địa vị pháp lý hành chính của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước 8.1. Khái niệm 8.2. Quy chế pháp lý hành chính của cán bộ, công chức 8.3. Quy chế pháp lý hành chính của viên chức	3	2				15
Chương 9. Quy chế pháp lý hành chính của các tổ chức xã hội 9.1. Khái niệm và đặc điểm của tổ chức xã hội 9.2. Các loại tổ chức xã hội 9.3. Quy chế pháp lý hành chính của tổ chức xã hội	1	0				5
Chương 10. Quy chế pháp lý hành chính của công dân, người nước ngoài 10.1. Quy chế pháp lý hành chính của công dân 10.2. Quy chế pháp lý hành chính của người nước ngoài, người không quốc tịch	2	3				10
Chương 11. Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính 11.1. Vi phạm hành chính 11.2. Trách nhiệm hành chính	3	6				15
Chương 12. Bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước 12.1. Khái niệm và yêu cầu bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước 12.2. Các biện pháp pháp lý bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước	3	5				15
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Trần Minh Hương (chủ biên), (2017), *Giáo trình Luật hành chính*, Nxb. CAND

*** Tài liệu tham khảo:**

1. *Luật tổ cáo năm 2018*;
2. *Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung 2014, 2017)*.

6.21. LUẬT HÌNH SỰ 1/ CRIMINAL LAW 1

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 197016
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm các vấn đề: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam; Nguồn của luật hình sự Việt Nam; Tội phạm; Cấu thành tội phạm; Khách thể của tội phạm; Mặt khách quan của tội phạm; Chủ thể của tội phạm; Mặt chủ quan của tội phạm; Các giai đoạn thực hiện tội phạm; Đồng phạm; Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi; Trách nhiệm hình sự và hình phạt; Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp; Quyết định hình phạt; Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt; Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp các kiến thức của luật hình sự; khái niệm, dấu hiệu của tội phạm, hình phạt và các khái niệm khác liên quan đến tội phạm và hình phạt;
- CO2: Có kiến thức chuyên sâu về nguồn của luật hình sự Việt Nam và nội dung của các văn bản giải thích luật hình sự;
- CO3: Có kỹ năng phân tích tình huống và xác định điều luật cần áp dụng trong tình huống phạm tội cụ thể;
- CO4: Hình thành tính chủ động trong bổ sung, củng cố, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong lĩnh vực tội phạm học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu, phân tích, đánh giá được những vấn đề lý luận về tội phạm, về trách nhiệm hình sự và hình phạt;
- CLO2: Hình thành và phát triển được năng lực thu thập, xử lý thông tin, kỹ năng tổng hợp, so sánh, hệ thống hoá, bình luận, đánh giá các vấn đề trong luật hình sự;
- CLO3: Thành thạo kỹ năng phân tích tình huống và xác định điều luật cần áp dụng trong tình huống phạm tội cụ thể;
- CLO4: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên. Có năng lực phản biện sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học phù hợp với quy định pháp luật.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc của Luật Hình sự Việt Nam 1.1. Khái niệm luật hình sự 1.2. Chức năng chống và phòng ngừa tội phạm của Luật Hình sự	2	2				10

1.3. Các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam						
Chương 2: Nguồn của luật hình sự Việt Nam 2.1. Khái niệm nguồn của luật hình sự 2.2. Hiệu lực của luật hình sự - những nguyên tắc chung 2.3. Bộ luật hình sự Việt Nam - hiệu lực, cấu tạo và vấn đề giải thích pháp luật	2	2				10
Chương 3: Tội phạm 3.1. Khái niệm tội phạm trong luật hình sự Việt Nam 3.2. Phân loại tội phạm 3.3. Tội phạm và các vi phạm pháp luật khác 3.4. Vấn đề nguồn gốc và bản chất giai cấp của tội phạm	2	3				10
Chương 4: Cấu thành tội phạm 4.1. Các yếu tố của tội phạm 4.2. Cấu thành tội phạm 4.3. Ý nghĩa của CTTP	2	3				10
Chương 5: Khách thể của tội phạm 5.1. Khách thể của tội phạm 5.2. Đối tượng tác động của tội phạm	2					10
Chương 6: Mặt khách quan của tội phạm 6.1. Khái niệm 6.2. Hành vi khách quan của tội phạm 5.3. Hậu quả nguy hiểm cho xã hội 5.4. Vấn đề quan hệ nhân quả trong luật hình sự 5.5. Những nội dung biểu hiện khác của mặt khách quan của tội phạm	2	2				10
Chương 7: Chủ thể của tội phạm 7.1. Khái niệm 7.2. Năng lực TNHS 7.3. Tuổi chịu TNHS 7.4. Chủ thể đặc biệt của tội phạm 7.5. Vấn đề nhân thân người phạm tội trong luật hình sự	2	2				10
Chương 8: Mặt chủ quan của tội	2	2				10

phạm 8.1. Khái niệm 8.2. Lỗi 8.3. Động cơ và mục đích phạm tội 8.4. Sai lầm và ảnh hưởng của sai lầm đối với TNHS						
Chương 9: Các giai đoạn thực hiện tội phạm 9.1. Khái niệm 9.2. Chuẩn bị phạm tội 9.3. Phạm tội chưa đạt 9.4. Tội phạm hoàn thành 9.5. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội	2	4				10
Chương 10. Đồng phạm 10.1. Khái niệm 10.2. Các loại người đồng phạm 10.3. Các hình thức đồng phạm 10.4. Vấn đề TNHS trong đồng phạm 10.5. Những hành vi liên quan đến tội phạm cấu thành tội độc lập	2	3				10
Chương 11. Những tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi 11.1. Khái niệm 11.2. Phòng vệ chính đáng 11.3. Tình thế cấp thiết 11.4. Một số tình tiết khác loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi	1	2				5
Chương 12. Trách nhiệm hình sự và hình phạt 12.1. Trách nhiệm hình sự 12.2. Khái niệm và mục đích hình phạt	2	2				10
Chương 13: Hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp 13.1. Hệ thống hình phạt 13.2. Các biện pháp tư pháp	1	2				5
Chương 14: Quyết định hình phạt 14.1. Khái niệm 14.2. Căn cứ quyết định hình phạt 14.3. Quyết định hình phạt trong trường hợp đặc biệt	1	3				5

Chương 15: Các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt 15.1. Thời hiệu thi hành bản án 15.2. Miễn chấp hành hình phạt 15.3. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt 15.4. Ân treo 15.5. Hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù 15.6. Xoá án tích	1	2				5
Chương 16: Trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên phạm tội 16.1. Đường lối xử lý người chưa thành niên phạm tội 16.2. Các biện pháp tư pháp và hình phạt áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội	1	2				5
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. Nguyễn Ngọc Hòa, (2022), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam - Phần chung*, Nxb. Tư pháp.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
2. Lê Đăng Doanh, Cao Thị Oanh, (2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tập 1*, Nxb. Hồng Đức.

6.22. LUẬT HÌNH SỰ 2/ CRIMINAL LAW 2

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 27 TL, 09 TH)
- Mã học phần: 197017
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hình sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những nội dung: Những vấn đề chung về các tội phạm cụ thể; Phần các tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật Hình sự bao gồm: các tội xâm phạm an ninh Quốc gia; các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân; các tội xâm phạm sở hữu; các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình; các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội phạm về ma túy; các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính; các tội phạm về chức vụ; các tội xâm phạm về hoạt động tư pháp; các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân; các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về các tội phạm cụ thể, các yếu tố cấu thành tội phạm đối với từng tội danh;
- CO2: Hình thành kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận đánh giá tính chất nguy hiểm của từng loại tội và mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể;
- CO3: Hình thành sự chủ động trong bổ sung, củng cố, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong lĩnh vực tội phạm học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu, phân tích, đánh giá được tính chất nguy hiểm của từng loại tội phạm và mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể;
- CLO2: Chỉ ra được sự giống và khác nhau của từng loại tội phạm cụ thể;
- CLO3: Áp dụng được kiến thức đã học để thực hiện việc định tội danh đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể;
- CLO4: Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, góp phần hoàn thiện các quy định của Luật hình sự phân các tội phạm;
- CLO5: Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên. Có năng lực phản biện sự việc trong cuộc sống và đưa ra được chính kiến của mình với lý lẽ khoa học phù hợp với quy định pháp luật.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương I: Các tội xâm phạm an ninh Quốc gia 1.1. Những vấn đề chung 1.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương II: Các tội xâm phạm tính mạng, sức	2	2		2		10

khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người 2.1. Những vấn đề chung 2.2. Các tội phạm cụ thể						
Chương III: Các tội xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân 3.1. Những vấn đề chung 3.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu 4.1. Những vấn đề chung 4.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		2		10
Chương V: Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình 5.1. Những vấn đề chung 5.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		1		10
Chương VI: Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế 6.1. Những vấn đề chung 6.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		1		10
Chương VII: Các tội phạm về môi trường 7.1. Những vấn đề chung 7.2. Các tội phạm cụ thể	2	1		1		10
Chương VIII: Các tội phạm về ma túy 8.1. Những vấn đề chung 8.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		1		10
Chương IX: Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng 9.1. Những vấn đề chung 9.2. Các tội phạm cụ thể	2	2		1		10
Chương X: Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính 10.1. Những vấn đề chung 10.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương XI: Các tội phạm về chức vụ 11.1. Những vấn đề chung 11.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương XII: Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp 12.1. Những vấn đề chung 12.2. Các tội phạm cụ thể	2	2				10
Chương XIII: Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội	2	2				10

trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu						
13.1. Những vấn đề chung						
13.2. Các tội phạm cụ thể						
Chương XIV: Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh	1	2				5
14.1. Những vấn đề chung						
14.2. Các tội phạm cụ thể						
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Ngọc Hòa, (2020), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam- Phần các tội phạm (Quyển 2)*, Nxb. CAND.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
2. Lê Đăng Doanh, Cao Thị Oanh, (2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tập 1*, Nxb. Hồng Đức.

6.23. LUẬT DÂN SỰ 1/CIVIL LAW 1

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 27 TL, 9 TH)
- Mã học phần: 197019
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về quan hệ xã hội thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự, căn cứ phát sinh, thay đổi, chấm dứt quan hệ pháp luật dân sự; kiến thức pháp luật về quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự và hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu; sở hữu tài sản; pháp luật về thừa kế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về giao dịch dân sự, quan hệ pháp luật dân sự; nội dung của quyền sở hữu và những quy định của pháp luật về thừa kế;
- CO2: Xây dựng kỹ năng giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, sở hữu, thừa kế...;
- CO3: Xây dựng kỹ năng chủ động làm việc nhóm và kỹ năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên;
- CO4: Hình thành nhận thức đúng đắn về các quan hệ pháp luật dân sự.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được khái niệm chung Luật dân sự Việt Nam, quan hệ pháp luật dân sự, chủ thể của pháp luật dân sự, giao dịch dân sự;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được các vấn đề về tài sản, quyền sở hữu, hình thức sở hữu và thừa kế;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng khai thác, đánh giá các văn bản trong lĩnh vực dân sự;
- CLO4: Vận dụng được kiến thức pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, sở hữu, thừa kế...;
- CLO5: Có ý thức nghiên cứu nghiêm túc, khách quan trong việc đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn của Luật dân sự.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm luật dân sự Việt Nam 1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự 1.2. Nguồn của luật dân sự 1.3. Nhiệm vụ, nguyên tắc của luật dân sự	5	5		1		25
Chương 2: Quan hệ pháp luật dân sự 2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật dân sự 2.2. Cá nhân - Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự	6	5		1		30

2.3. Pháp nhân - Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự						
2.4. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Chủ thể đặc biệt của quan hệ pháp luật dân sự						
2.5. Hộ gia đình, tổ hợp tác - chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự						
Chương 3: Giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu 3.1. Giao dịch dân sự 3.2. Đại diện 3.3. Thời hạn và thời hiệu	5	4		2		25
Chương 4: Quyền sở hữu 4.1. Sở hữu và quyền sở hữu 4.2. Quan hệ pháp luật dân sự về sở hữu 4.3. Căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu 4.4. Các hình thức sở hữu 4.5. Bảo vệ quyền sở hữu 4.6. Quyền khác đối với tài sản	5	6		2		25
Chương 5: Quyền thừa kế 5.1. Khái niệm về quyền thừa kế 5.2. Các nguyên tắc của quyền thừa kế 5.3. Một số quy định chung về thừa kế 5.4. Thừa kế theo di chúc 5.5. Thừa kế theo pháp luật 5.6. Thanh toán và phân chia di sản	6	7		3		30
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	

Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS.TS Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2020), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam*, Tập 1, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (đồng chủ biên), (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015*, Nxb. CAND.

6.24. LUẬT DÂN SỰ 2/CIVIL LAW 2

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 197021
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần bao gồm những vấn đề về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự; các hợp đồng dân sự thông dụng như hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng trao đổi tài sản, hợp đồng tặng cho tài sản, hợp đồng vay tài sản,... thông qua đó xác định được trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và soạn thảo được một bản hợp đồng hoàn chỉnh;

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về nghĩa vụ dân sự và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; bản chất của hợp đồng và xác định được trách nhiệm bồi thường do vi phạm hợp đồng, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;
- CO2: Có kiến thức về việc thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật;
- CO3: Vận dụng, thu thập thông tin và xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến Luật dân sự;
- CO4: Có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến luật dân sự.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức pháp luật về hợp đồng, qua đó soạn thảo được bản hợp đồng hoàn chỉnh và thực hiện các biện pháp bảo đảm nghĩa vụ của hợp đồng;
- CLO2: Xác định được trách nhiệm của việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và vận dụng vào thực tiễn;
- CLO3: Vận dụng được kiến thức về pháp luật dân sự để giải quyết các tình huống;
- CLO4: Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dân sự;
- CLO5: Hình thành được ý thức trách nhiệm nghề nghiệp liên quan trực tiếp đến luật dân sự.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự 1.1. Nghĩa vụ dân sự 1.2. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự 1.3. Hợp đồng dân sự	5	7				25
Chương 2: Các hợp đồng dân sự thông dụng 2.1. Hợp đồng mua bán tài sản 2.2. Hợp đồng trao đổi tài sản	6	7				30

2.3. Hợp đồng tặng cho tài sản						
2.4. Hợp đồng vay tài sản						
2.5. Hợp đồng thuê tài sản						
2.6. Hợp đồng thuê khoán tài sản						
2.7. Hợp đồng mượn tài sản						
2.8. Hợp đồng hợp tác						
2.9. Hợp đồng vận chuyển hành khách và vận chuyển tài sản						
2.10. Hợp đồng vận chuyển hành khách						
2.11. Hợp đồng gia công						
2.12. Hợp đồng gửi giữ tài sản						
2.13. Hợp đồng ủy quyền						
Chương 3: Hứa thưởng và thi có giải	5	7				25
3.1. Hứa thưởng						
3.2. Thi có giải						
Chương 4: Thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật	5	7				25
4.1. Thực hiện công việc không có ủy quyền						
4.2. Nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản không có căn cứ pháp luật						
4.3. Nghĩa vụ hoàn trả do được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật						
4.4. Thực hiện công việc không có ủy quyền, nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật						
Chương 5: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	6	8				30
5.1. Khái niệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng						
5.2. Bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp cụ thể						
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. PGS.TS Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2022), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam*, Tập 2, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (đồng chủ biên), (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015*, Nxb. CAND.

6.25. LUẬT THƯƠNG MẠI 1/COMMERCIAL LAW 1

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 27TL; 9TH)
- Mã học phần: 197024
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về : khái niệm ngành luật thương mại, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật thương mại; chủ thể của luật thương mại; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm, cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành, quyền và nghĩa vụ của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức tổng quan về ngành Luật thương mại, quy chế pháp lý về thành lập, tổ chức điều hành, chấm dứt của các loại hình chủ thể kinh doanh;
- CO2: Có kỹ năng vận dụng các kiến thức về các loại hình chủ thể kinh doanh để thực hiện các công việc chuyên môn;
- CO3: Có khả năng hình thành và đề xuất ý tưởng để góp phần hoàn thiện hệ thống ngành luật thương mại;
- CO4: Có thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, phân tích được các khái niệm, các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực luật thương mại; các kiến thức pháp luật về các loại hình chủ thể kinh doanh, luật phá sản;
- CLO2: Vận dụng được các kiến thức về các loại hình chủ thể kinh doanh vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực thương mại;
- CLO3: Tìm kiếm và xử lý được các thông tin khi thực hiện các công việc chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực luật thương mại;
- CLO4: Hình thành được tư duy logic, rõ ràng, chính xác trong việc xem xét các yếu tố pháp lý trong lĩnh vực luật thương mại;
- CLO5: Có thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo trong học tập và làm việc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT THƯƠNG MẠI 1.1. Định nghĩa luật thương mại 1.2. Đối tượng điều chỉnh của luật thương mại 1.3. Phương pháp điều chỉnh luật thương mại 1.4. Chủ thể của Luật thương mại	1.5	0				7.5

Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP 2.1. Thành lập và đăng ký doanh nghiệp 2.2. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp 2.3. Quy chế pháp lý về thành viên doanh nghiệp	2	3		1.5		10
Chương 3: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN - HỘ KINH DOANH 3.1. Doanh nghiệp tư nhân 3.2. Hộ kinh doanh	2	3				10
Chương 4: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 4.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên 4.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	3	3		1,5		15
Chương 5: CÔNG TY CỔ PHẦN 5.1. Khái niệm, đặc điểm công ty cổ phần 5.2. Vốn của công ty cổ phần 5.3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông 5.4. Tổ chức và quản lý công ty cổ phần	3	3		3		15
Chương 6: CÔNG TY HỢP DANH 6.1. Khái niệm, đặc điểm công ty hợp danh 6.2. Vốn của công ty hợp danh 6.3. Thành viên công ty hợp danh 6.4. Cơ cấu tổ chức, quản lý công ty hợp danh	2	3				10
Chương 7: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC 7.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp nhà nước 7.2. Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước trong doanh nghiệp nhà nước 7.3. Cơ cấu tổ chức, quản lý doanh nghiệp nhà nước	1	0				5
Chương 8: NHÓM CÔNG TY 8.1. Khái quát về nhóm công ty 8.2. Một số vấn đề pháp lý về công ty mẹ - công ty con	1.5	1				7.5
Chương 9: TỔ CHỨC LẠI DOANH NGHIỆP. GIẢI THỂ DOANH NGHIỆP 9.1. Tổ chức lại doanh nghiệp 9.2. Giải thể doanh nghiệp	2	3				10
Chương 10: LUẬT HỢP TÁC XÃ	4	3				20

10.1. Khái niệm, đặc điểm hợp tác xã					
10.2. Việc thành lập và đăng ký kinh doanh của hợp tác xã					
10.3. Quy chế pháp lý về tổ chức, quản lý hợp tác xã					
10.4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của hợp tác xã					
10.5. Quy chế pháp lý thành viên hợp tác xã					
10.6. Quy chế pháp lý về tài sản của hợp tác xã					
10.7. Giải thể hợp tác xã					
Chương 11: LUẬT PHÁ SẢN					
11.1. Những vấn đề chung về phá sản	5	5		3	25
11.2. Thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã					
Tổng	27	27		9	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO 1,2,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 2,3,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình, tài liệu tham khảo

** Giáo trình bắt buộc*

1. TS. Nguyễn Viết Tỷ, (2022), *Giáo trình Luật thương mại, tập 1*, Nxb. Công an nhân dân.

** Tài liệu tham khảo*

1. PGS.TS. Ngô Huy Cương, (2013), *Giáo trình Luật thương mại phần chung và thương nhân*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.26. LUẬT THƯƠNG MẠI 2/COMMERCIAL LAW 2

- Số tín chỉ: 03 (27LT; 27TL; 9TH)
- Mã học phần: 197025
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức khái quát về hoạt động thương mại; khái niệm, đặc điểm các hoạt động thương mại bao gồm hoạt động mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, nhượng quyền thương mại, dịch vụ logistics và một số hoạt động thương mại khác, quyền và nghĩa cơ bản của thương nhân khi tiến hành các hoạt động thương mại nói trên; hoạt động mua bán doanh nghiệp; các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại; các nguyên tắc, thẩm quyền và trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức tổng quan về ngành Luật thương mại; quy chế pháp lý về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại;
- CO2: Có kỹ năng vận dụng kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại để thực hiện các công việc chuyên môn;
- CO3: Có khả năng hình thành và đề xuất ý tưởng để góp phần hoàn thiện hệ thống ngành luật thương mại;
- CO3: Có thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Trình bày, phân tích được các khái niệm, các nguyên tắc trong hoạt động thương mại; các kiến thức pháp luật về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức pháp lý về các hoạt động thương mại, chế tài thương mại, giải quyết tranh chấp thương mại vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực thương mại;
- CLO3: Tìm kiếm và xử lý được các thông tin khi thực hiện các công việc chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực luật thương mại;
- CLO4: Có tư duy logic, rõ ràng, chính xác trong việc xem xét các yếu tố pháp lý trong lĩnh vực luật thương mại;
- CLO5: Có thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động, sáng tạo trong học tập và làm việc.

4. Nội dung và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI 1.1. Khái niệm hoạt động thương mại 1.2. Những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại	1	1				5

1.3. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động thương mại ở Việt Nam						
Chương 2: MUA BÁN HÀNG HÓA TRONG THƯƠNG MẠI 2.1. Khái quát về mua bán hàng hoá trong thương mại 2.2. Hợp đồng mua bán hàng hoá trong thương mại 2.3. Mua bán hàng hóa qua sở giao dịch	5	3		3		25
Chương 3: CÁC HOẠT ĐỘNG TRUNG GIAN THƯƠNG MẠI 3.1. Khái niệm, đặc điểm của dịch vụ trung gian thương mại 3.2. Đại diện cho thương nhân 3.3. Môi giới thương mại 3.4. Ủy thác mua bán hàng hoá 3.5. Đại lý thương mại	4	4,5		1,5		20
Chương 4: CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI 4.1. Khái quát về xúc tiến thương mại 4.2. Khuyến mại 4.3. Quảng cáo thương mại 4.4. Trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ 4.5. Hội chợ, triển lãm thương mại	4	6		1,5		20
Chương 5: NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI 5.1. Khái quát về hoạt động nhượng quyền thương mại 5.2. Hợp đồng nhượng quyền thương mại 5.3. Sự chi phối của pháp luật cạnh tranh đến hoạt động nhượng quyền thương mại	2	1,5				10
Chương 6: HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN, GIAO NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA 6.1. Dịch vụ vận chuyển hàng hóa 6.2. Dịch vụ logistics 6.3. Dịch vụ giám định	3	0				15
Chương 7: CHẾ TÀI THƯƠNG MẠI 7.1. Khái niệm chế tài thương mại 7.2. Căn cứ áp dụng chế tài thương mại 7.3. Các hình thức chế tài thương mại 7.4. Các trường hợp miễn trách nhiệm	3	6		3		15

Chương 8: PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN DOANH NGHIỆP 8.1. Khái quát về mua bán doanh nghiệp 8.2. Hợp đồng mua bán doanh nghiệp 8.3. Sự điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh và pháp luật doanh nghiệp trong quan hệ mua bán doanh nghiệp	2	2				10
Chương 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI 9.1. Những vấn đề chung về giải quyết tranh chấp thương mại 9.2. Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại	3	3				15
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR HP liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên (04)			
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO 1,2,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 2,3,5	
4	Viết/Thuyết trình	Rubric kiểm tra viết/ Rubric thuyết trình	CLO 1,2,3,4	
II	Kiểm tra giữa kỳ (01)			
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
III	Thi cuối kì			
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình, tài liệu tham khảo

** Giáo trình bắt buộc*

1. TS. Nguyễn Việt Tý, (2022), *Giáo trình Luật thương mại*, tập 2, Nxb. Công an nhân dân.

** Tài liệu tham khảo*

1. PGS.TS Ngô Huy Cương, (2013), *Giáo trình Luật hợp đồng phần chung*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

6.27. LUẬT MÔI TRƯỜNG/ LAW ON ENVIRONMENT

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 24 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197084
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật,
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hành chính

1. Mô tả học phần

Học phần nghiên cứu các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung trước tiên mà học phần này đề cập là một số vấn đề mang tính lý luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Tiếp đó, học phần nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học, như kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, học phần còn đề cập cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực môi trường cũng như việc thực thi các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm môi trường, các điều ước quốc tế về đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về khái niệm luật môi trường, các nhóm vấn đề của pháp luật môi trường, nội dung pháp luật thực định trong lĩnh vực môi trường, thực tiễn áp dụng pháp luật môi trường;
- CO2: Có kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn và sử dụng quy định pháp luật để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực môi trường;
- CO3: Xây dựng tính chủ động, tự tin giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực môi trường, tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được khái niệm, nguyên tắc cơ bản và nội dung pháp luật thực định trong lĩnh vực môi trường, thực tiễn áp dụng pháp luật môi trường;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực môi trường;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng tìm kiếm, lựa chọn quy định pháp luật để xử lý vụ việc, tư vấn pháp luật đối với các vấn đề liên quan đến môi trường;
- CLO4: Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, chủ động, tự tin giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực môi trường.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm luật môi trường 1.1. Môi trường và các ảnh hưởng mang tính phổ biến của môi trường 1.2. Bảo vệ môi trường và vai trò của pháp luật 1.3. Khái niệm luật môi trường Việt Nam	2	2				10

1.4. Khái quát về sự phát triển của luật môi trường Việt Nam						
1.5. Nguồn của luật môi trường						
Chương 2: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường (gọi chung là kiểm soát ô nhiễm môi trường) 2.1. Khái niệm ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường 2.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường, sự cố môi trường	2	1		1		10
Chương 3: Pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học 3.1. Vấn đề đa dạng sinh học và việc bảo vệ đa dạng sinh học 3.2. Pháp luật về đa dạng sinh học	2	1				10
Chương 4: Pháp luật về đánh giá môi trường 4.1. Khái niệm đánh giá môi trường 4.2. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đánh giá môi trường chiến lược 4.3. Những nội dung cơ bản của pháp luật về đánh giá sơ bộ tác động môi trường và đánh giá tác động môi trường	2	3		2		10
Chương 5: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí 5.1. Không khí và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 5.2. Những nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí 5.3. Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí	2	2		1		10
Chương 6: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước 6.1. Nước và ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 6.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước 6.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm nguồn nước	2	2		2		10
Chương 7: Pháp luật về kiểm soát suy thoái đất 7.1. Tài nguyên đất và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người	1	1				5

7.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về kiểm soát suy thoái tài nguyên đất						
7.3. Xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên đất						
Chương 8: Pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng 8.1. Rừng và vấn đề suy thoái rừng 8.2. Pháp luật về kiểm soát suy thoái rừng 8.3. Xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát suy thoái rừng	2	2		2		10
Chương 9: Pháp luật về kiểm soát suy thoái nguồn thủy sinh 9.1. Nguồn thủy sinh và những ảnh hưởng từ các hoạt động của con người 9.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về kiểm soát suy thoái thủy sinh 9.3. Xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ nguồn thủy sinh	2	2		1		10
Chương 10: Pháp luật về kiểm soát suy thoái nguồn gen 10.1. Hoạt động kiểm soát gen 10.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật về kiểm soát nguồn gen	1	1				5
Chương 11: Pháp luật về bảo tồn di sản 11.1. Vai trò của di sản văn hóa đối với môi trường và việc bảo vệ di sản văn hóa 11.2. Nội dung chủ yếu của pháp luật di sản văn hóa vật thể 11.3. Trách nhiệm pháp lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản	1	1				5
Chương 12: Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm đối với các hoạt động có ảnh hưởng đặc biệt tới môi trường 12.1. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động khoáng sản 12.2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường trong hoạt động dầu khí 12.3. Kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động xuất, nhập khẩu 12.4. Kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động du lịch	2	2		2		10
Chương 13: Giải quyết tranh chấp môi trường	2	2		1		10

13.1. Giải quyết tranh chấp môi trường và những dấu hiệu đặc trưng của tranh chấp môi trường						
13.2. Cơ chế giải quyết tranh chấp môi trường						
Chương 14: Thực thi các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm môi trường	2	1				10
14.1. Các giải pháp để giải quyết vấn đề môi trường toàn cầu và vai trò của các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm môi trường						
14.2. Những quyền và nghĩa vụ chủ yếu của Việt Nam xuất phát từ các công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm						
14.3. Việc thực thi các nghĩa vụ cơ bản trong công ước quốc tế về kiểm soát ô nhiễm Việt Nam						
Chương 15: Thực thi các điều ước quốc tế về đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam	2	1				10
15.1. Tổng quan các điều ước quốc tế về đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên						
15.2. Thực thi các nghĩa vụ pháp lí phát sinh từ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã kí kết hoặc tham gia						
15.3. Về xử lí các vi phạm pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên						
Tổng	27	24		12		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	

4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kỳ				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. GS.TS. Lê Hồng Hạnh, PGS.TS. Vũ Thu Hạnh (chủ biên), (2021), *Giáo trình Luật môi trường*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. PGS.TS Hoàng Thế Liên, (2021), *Pháp luật môi trường phục vụ phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb. CAND;
2. Luật Bảo vệ môi trường 2020.

6.28. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ/ PUBLIC INTERNATIONAL LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 199009
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế, nguồn và các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế, dân cư, lãnh thổ trong luật quốc tế; các ngành, chế định và những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như: luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế...

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của Luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; dân cư, lãnh thổ trong luật quốc tế;
- CO2: Cung cấp những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như: luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế...;
- CO3: Có kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế; Vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề hội nhập của Việt Nam;
- CO4: Nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của Luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; dân cư, lãnh thổ trong luật quốc tế;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được những vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế như: luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật ngoại giao, lãnh sự, luật tổ chức quốc tế...;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế;
- CLO4: Vận dụng được các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề hội nhập của Việt Nam;
- CLO5: Hình thành được sự chủ động trong bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức về các vấn đề quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Khái niệm và lịch sử hình thành, phát triển của luật quốc tế 1.1. Khái niệm luật quốc tế 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế 1.3. Nguồn của luật quốc tế 1.4. Mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật	3	3				15

quốc gia						
Chương 2. Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế 2.1. Khái niệm 2.2. Nội dung các nguyên tắc cơ bản	3	1.5				15
Chương 3. Chủ thể luật quốc tế 3.1. Khái niệm 3.2. Quốc gia - chủ thể cơ bản của luật quốc tế 3.3. Các chủ thể khác của luật quốc tế 3.4. Công nhận quốc tế 3.5. Kế thừa trong luật quốc tế	3	3				15
Chương 4. Luật điều ước quốc tế 4.1. Khái niệm 4.2. Khái niệm điều ước quốc tế 4.3. Kí kết điều ước quốc tế 4.4. Hiệu lực của điều ước quốc tế	3	6				15
Chương 5. Dân cư trong luật quốc tế 5.1. Các vấn đề pháp lí về quốc tịch 5.2. Chế độ pháp lí dành cho người nước ngoài 5.3. Vấn đề bảo hộ công dân	3	6				15
Chương 6. Luật quốc tế về quyền con người 6.1. Khái niệm 6.2. Quyền cơ bản của con người trong luật quốc tế 6.3. Cơ chế bảo vệ và phát triển quyền con người trong luật quốc tế 6.4. Thực thi nghĩa vụ thành viên các điều ước quốc tế về quyền con người của quốc gia 6.5. Pháp luật Việt Nam về quyền con người.	3	1.5				15
Chương 7. Lãnh thổ trong luật quốc tế 7.1. Khái niệm 7.2. Lãnh thổ quốc gia 7.3. Biên giới quốc gia	3	4.5				15
Chương 8. Luật biển quốc tế 8.1. Khái niệm 8.2. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia 8.3. Các vùng biển quốc gia có quyền chủ	3	4.5				15

quyền và quyền tài phán 8.4. Các vùng biển không thuộc quyền tài phán quốc gia 8.5. Các vùng biển đặc thù						
Chương 9. Luật tổ chức quốc tế 9.1. Khái niệm luật tổ chức quốc tế 9.2. Những vấn đề pháp lý cơ bản về tổ chức quốc tế 9.3. Khái quát về một số tổ chức quốc tế	1.5	0				7.5
Chương 10. Luật ngoại giao và lãnh sự 10.1. Khái niệm 10.2. Cơ quan đại diện ngoại giao 10.3. Cơ quan lãnh sự 10.4. Quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao, lãnh sự 10.5. Quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho tổ chức quốc tế và phái đoàn đại diện của quốc gia tại tổ chức quốc tế	1.5	6				7.5
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập

đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,

- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Lê Mai Anh (chủ biên), (2018), *Giáo trình luật quốc tế*, Nxb. CAND;

*** Tài liệu tham khảo:**

1. *Luật cơ quan đại diện nước CHXHCNVN ở nước ngoài năm 2009 sửa đổi bổ sung năm 2017.*
2. *Luật biển Việt Nam năm 2012.*

6.29. TƯ PHÁP QUỐC TẾ/ PRIVATE INTERNATIONAL LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 199026
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức: Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, các nguyên tắc của tư pháp quốc tế và nguồn của tư pháp quốc tế; xung đột pháp luật; chủ thể trong tư pháp quốc tế gồm người nước ngoài, pháp nhân nước ngoài; quyền sở hữu, thừa kế trong tư pháp quốc tế; quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng trong tư pháp quốc tế; hợp đồng và trách nhiệm ngoài hợp đồng, hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế; tổ tụng dân sự quốc tế; trọng tài thương mại quốc tế.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức pháp lý về các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài, vấn đề xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài;
- CO2: Hình thành kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá về vấn đề giải quyết xung đột pháp luật của các nước trên thế giới và pháp luật Việt Nam;
- CO3: Vận dụng kiến thức pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự, thương mại, lao động, hôn nhân và gia đình, hàng hải có yếu tố nước ngoài vào thực tiễn;
- CO4: Có thái độ nghiêm túc khi nghiên cứu các vấn đề pháp lý; tự tin, độc lập tư duy giải quyết các vấn đề tư pháp quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được khái niệm, bản chất, nội dung của các quan hệ tư pháp quốc tế, lý giải được nguyên nhân dẫn đến xung đột pháp luật và cách thức giải quyết vấn đề xung đột pháp luật trong tư pháp quốc tế;
- CLO2: Đánh giá được các tiêu chí xây dựng và cách thức lựa chọn các hệ thống pháp luật trong việc giải quyết vấn đề xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền xét xử trong tư pháp quốc tế;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng so sánh, bình luận các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tư pháp quốc tế, vận dụng được vào trong tình huống cụ thể;
- CLO4: Thành thạo kỹ năng tra cứu các quy định pháp luật trong hệ thống pháp luật quốc gia, điều ước quốc tế, phán quyết của tòa án, trọng tài trong nước và quốc tế... sử dụng phương tiện hiện đại để truy cập kho thông tin tư liệu điện tử của quốc tế;
- CLO5: Chủ động, tự tin, bản lĩnh thực hành nghề nghiệp trong quá trình hội nhập liên quan đến lĩnh vực tư pháp quốc tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1:Khái niệm về tư pháp quốc tế	2	2				10
1.1. Khái niệm về Tư pháp quốc tế						

1.2. Nguồn của Tư pháp quốc tế						
Chương 2. Lý luận chung về xung đột pháp luật 2.1. Khái niệm về xung đột pháp luật 2.2. Quy phạm xung đột 2.3. Những vấn đề pháp lý cơ bản về áp dụng luật nước ngoài	3	4				15
Chương 3: Chủ thể trong tư pháp quốc tế 3.1. Người nước ngoài 3.2. Pháp nhân trong tư pháp quốc tế 3.3. Quốc gia – chủ thể đặc biệt trong tư pháp quốc tế	2	2				10
Chương 4. Quyền sở hữu trong tư pháp quốc tế 4.1. Khái niệm 4.2. Giải quyết xung đột pháp luật về quyền sở hữu 4.3. Xác định thời điểm chuyển dịch rủi ro đối với tài sản mua bán 4.4. Về hiệu lực của các đạo luật quốc hữu hóa 4.5. Quyền sở hữu của người nước ngoài tại Việt Nam	3	3				15
Chương 5. Hợp đồng 5.1 Hợp đồng trong tư pháp quốc tế 5.2. Hợp đồng mua bán ngoại thương	3	4				15
Chương 6. Thừa kế 6.1. Thừa kế và xung đột pháp luật về thừa kế trong tư pháp quốc tế 6.2. Nguyên tắc giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế theo pháp luật của các nước 6.3. Giải quyết xung đột pháp luật về thừa kế qua các điều ước quốc tế giữa các nước trên thế giới 6.4. Nguyên tắc giải quyết các vấn đề thừa kế có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia 6.5. Vấn đề “di sản không người thừa kế” trong tư pháp quốc tế	2	4				10
Chương 7. Quyền tác giả trong tư pháp quốc tế 7.1. Khái niệm	2	3				10

7.2. Các hình thức bảo hộ quốc tế quyền tác giả						
7.3. Bảo hộ quyền tác giả có yếu tố nước ngoài theo pháp luật Việt Nam						
Chương 8. Hôn nhân gia đình trong tư pháp quốc tế 8.1. Khái niệm chung về quan hệ hôn nhân và gia đình trong tư pháp quốc tế việc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài 8.2. Kết hôn 8.3. Ly hôn 8.4. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng 8.5. Quan hệ giữa cha mẹ và con cái 8.6. Nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài 8.7 Giám hộ	3	4				15
Chương 9. Quan hệ lao động trong tư pháp quốc tế 9.1. Xung đột lĩnh vực lao động và phương pháp giải quyết 9.2. Vấn đề lao động trong tư pháp quốc tế	2	2				10
Chương 10: Tổ tụng dân sự quốc tế 10.1. Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của tổ tụng dân sự 10.2. Thẩm quyền xét xử quốc tế 10.3. Địa vị pháp lý của người nước ngoài trong tổ tụng dân sự quốc tế 10.4. Công nhận và thi hành các bản án, quyết định	3	4				15
Chương 11: Trọng tài thương mại quốc tế 11.1. Khái niệm trọng tài thương mại quốc tế 11.2. Thỏa thuận trọng tài 11.3. Quy tắc tổ tụng trọng tài 11.4. Công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài	2	4				15
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO45	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO4,5	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO4,5	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Trần Minh Ngọc, (Chủ biên), (2017), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. TS. Nguyễn Hồng Bắc, (2021), *Hướng dẫn học và ôn tập môn tư pháp quốc tế*, Nxb. Lao động;
2. TS. Bành Quốc Tuấn, (2017), *Giáo trình tư pháp quốc tế*, Nxb. CTQG.

6.30. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH/ MARRIAGE AND FAMILY LAW

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 24 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197001
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn, nghĩa vụ và quyền của vợ chồng, quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, ly hôn, giám hộ giữa các thành viên trong gia đình và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về các chế định pháp lý: quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình, các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình;
- CO2: Có kiến thức về những vấn đề pháp lý: kết hôn, nghĩa vụ và quyền của vợ và chồng; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con, ly hôn, quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;
- CO3: Lựa chọn, vận dụng các quy phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình để giải quyết các tình huống cụ thể;
- CO4: Hình thành nhận thức đúng đắn về các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình;
- CLO2: So sánh và đưa ra quan điểm cá nhân về các vấn đề pháp lý liên quan đến hôn nhân và gia đình;
- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp luật về hôn nhân và gia đình để giải quyết các tình huống thực tế;
- CLO4: Xây dựng được kỹ năng phản biện tranh luận các vấn đề thực tiễn liên quan đến hôn nhân và gia đình;
- CLO5: Hình thành được nhận thức đúng đắn về các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm và những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin và những hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử 1.2. Khái niệm hôn nhân và các đặc trưng	3	2				15

của hôn nhân 1.3. Khái niệm gia đình 1.4. Khái niệm Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 1.5. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 1.6. Nhiệm vụ và những nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam						
Chương 2: Quan hệ pháp Luật Hôn nhân và gia đình 2.1. Khái niệm quan hệ pháp Luật Hôn nhân và gia đình 2.2. Các yếu tố của quan hệ pháp Luật Hôn nhân và gia đình 2.3. Thực hiện và bảo vệ quyền hôn nhân và gia đình 2.4. Căn cứ phát sinh, thay đổi và chấm dứt quan hệ pháp Luật Hôn nhân và gia đình	3	2		2		15
Chương 3: Sự phát triển của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay 3.1. Chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta trước Cách mạng tháng Tám 1945 3.2. Các giai đoạn phát triển của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến nay 3.3. Nguồn của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	2	2				10
Chương 4: Kết hôn và hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Luật Hôn nhân và gia đình 4.1. Khái niệm kết hôn 4.2. Các điều kiện để việc kết hôn hợp pháp theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 4.3. Hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	3	4		3		15
Chương 5: Nghĩa vụ và quyền của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam 5.1. Khái niệm	3	4		3		15

5.2. Nghĩa vụ và quyền về nhân thân giữa vợ, chồng theo luật định						
5.3. Nghĩa vụ và quyền về tài sản giữa vợ chồng theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam						
Chương 6: Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	3	2		1		15
6.1. Căn cứ phát sinh quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con						
6.2. Nội dung quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con theo luật hôn nhân gia đình Việt Nam						
6.3. Quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên trong gia đình						
Chương 7: Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình	3	2		1		15
7.1. Khái niệm quan hệ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình						
7.2. Quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình						
7.3. Chấm dứt quan hệ cấp dưỡng						
Chương 8: Chấm dứt hôn nhân	3	2		1		15
8.1. Chấm dứt hôn nhân do một bên vợ, chồng chết hoặc có quyết định của tòa án tuyên bố vợ, chồng đã chết						
8.2. Ly hôn						
Chương 9: Giám hộ giữa các thành viên trong gia đình	2	2		1		10
9.1. Khái niệm và mục đích của việc giám hộ giữa các thành viên trong gia đình						
9.2. Người được giám hộ, người giám hộ và thủ tục công nhận việc giám hộ						
9.3. Nghĩa vụ và quyền của người giám hộ						
9.4. Thay đổi, chấm dứt việc giám hộ						
Chương 10: Quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài	2	2				10
10.1. Khái niệm quan hệ hôn nhân và gia đình của yếu tố nước ngoài						

10.2. Các nguyên tắc áp dụng pháp luật nước ngoài và thẩm quyền giải quyết các việc về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài						
10.3. Các trường hợp cụ thể về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014						
Tổng	27	24		12		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

Giá bán đại:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR Học phần	Trọng số	
Kiểm tra thường xuyên (03)					
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%	
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểmtraviết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3		
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4		
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4		
Kiểm tra giữa kỳ (01)					
1	Viết/Vấnđáp	Rubric kiểmtraviết/ Rubric vấnđáp	CLO1,2,3,4	20%	
Thi cuối kì					
1	Vấnđáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	50%	
Thang điểm					10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Nguyễn Văn Cừ (chủ biên), (2022), *Giáo trình luật hôn nhân và gia đình Việt Nam*, Nxb. Tư pháp.

* Tài liệu tham khảo:

1. TS. Ngô Thị Hương (chủ biên), (2015), *Hướng dẫn học tập – tìm hiểu Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam*, Nxb. Lao động.
2. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

6.31. LUẬT LAO ĐỘNG/ LABOUR LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 27 TL, 9 TH)
- Mã học phần: 197026
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức: Khái niệm về Luật Lao động Việt Nam, quan hệ pháp luật lao động; đại diện các bên trong quan hệ lao động; hợp đồng lao động; cho thuê lại lao động; đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể; điều kiện lao động và điều kiện sử dụng lao động; lao động đặc thù, kỉ luật lao động, trách nhiệm vật chất; tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; đình công và giải quyết đình công.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức pháp lý về lĩnh vực lao động, nhận diện được các quan hệ xã hội thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Lao động, phân biệt được Luật Lao động với các ngành luật khác;
- CO2: Trang bị kĩ năng nghiên cứu, phân tích vấn đề và giải quyết vấn đề phát sinh trong lĩnh vực lao động;
- CO3: Tự tin, độc lập tư duy khi giải quyết vấn đề pháp lý liên quan đến quan hệ lao động.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích được các khái niệm, bản chất, nội dung của các quan hệ pháp luật lao động;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được các nội dung pháp luật lao động: việc làm, học nghề, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, tiền lương, tranh chấp lao động và đình công;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng phân tích, lập luận, đánh giá quy định của pháp luật trong lĩnh vực lao động;
- CLO4: Luận giải được vấn đề và đưa ra được các giải pháp pháp lý để giải quyết tình huống trong lĩnh vực lao động;
- CLO5: Nhận thức, tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật lao động.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm luật lao động Việt Nam 1.1 Phạm vi và phương pháp điều chỉnh của luật lao động 1.2. Những nguyên tắc cơ bản của luật lao động 1.3. Nguồn của luật lao động và mối quan hệ của luật lao động với một số ngành luật khác	2	2				10
Chương 2: Quan hệ pháp luật lao động 2.1. Quan hệ pháp luật lao động cá nhân 2.2. Quan hệ pháp luật lao động tập thể 2.3. Nhóm quan hệ pháp luật có liên quan hoặc phát sinh từ quan hệ pháp luật lao động cá nhân, quan hệ pháp luật lao động tập thể	2	3				10
Chương 3: Đại diện các bên trong quan hệ lao động 3.1. Khái niệm đại diện các bên trong quan hệ lao động 3.2. Đại diện bên tập thể lao động 3.3. Đại diện bên sử dụng lao động trong quan hệ lao động 3.4. Các hình thức tương tác của đại diện các bên trong quan hệ lao động 3.5. Cơ chế ba bên	2	2				10
Chương 4. Hợp đồng lao động 4.1. Khái niệm, đặc điểm 4.2. Giao kết HĐLĐ 4.3. Đối tượng áp dụng 4.4. Nội dung 4.5. Phân loại 4.6. Thực hiện và thay đổi HĐLĐ 4.7. Tạm hoãn HĐLĐ 4.8. Sự chấm dứt HĐLĐ	3	3		1		15
Chương 5. Cho thuê lại lao động 5.1. Khái quát chung về cho thuê lại lao động	3	2				15

5.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh cho thuê lại lao động						
Chương 6. Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng tập thể và thỏa ước lao động tập thể 6.1. Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động 6.2. Thương lượng tập thể 6.3. Thỏa ước lao động tập thể	3	3		2		15
Chương 7. Điều kiện lao động và điều kiện sử dụng lao động 7.1. Pháp luật an toàn lao động, vệ sinh lao động 7.2. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi 7.3. Tiền lương	3	2				15
Chương 8. Lao động đặc thù 8.1. Khái quát chung về lao động đặc thù 8.2. Nguyên tắc điều chỉnh pháp luật đối với lao động đặc thù 8.3 Chế độ đối với lao động đặc thù	2	2				10
Chương 9. Kỉ luật lao động, trách nhiệm vật chất 9.1. Kỉ luật lao động 9.2. Trách nhiệm vật chất	2	3		3		10
Chương 10: Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động 10.1. Tranh chấp lao động 10.1. Giải quyết tranh chấp lao động	3	3		3		10
Chương 11: Đình công và giải quyết đình công 11.1. Đình công 11.2. Giải quyết đình công	2	2				10
Tổng	27	27		9		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kỳ				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí, PGS.TS. Trần Thị Thúy Lâm (chủ biên), (2022), *Giáo trình luật lao động Việt Nam, tập 1*, Nxb.CAND;

* *Tài liệu tham khảo:*

1. PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí, PGS.TS. Trần Thị Thúy Lâm (chủ biên), (2021), *Giáo trình luật lao động Việt Nam, tập 2*, Nxb.CAND.

6.32. LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ/ CIVIL PROCEDURE LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 24 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197023
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; Biện pháp khẩn cấp tạm thời; Cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức pháp luật về các quy định pháp luật tố tụng dân sự, trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại Tòa án;
- CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật tố tụng dân sự để tư vấn, xác định giải pháp cho những tình huống cụ thể;
- CO3: Hình thành kỹ năng tìm kiếm, phân loại, áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tố tụng dân sự;
- CO4: Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong nhà nước pháp quyền, chủ động thích ứng với thay đổi của pháp luật và thực tiễn xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức tại Tòa án;
- CLO2: Hoàn thiện được các kỹ năng cần thiết như kỹ năng thuyết trình, phân biện về giải quyết các vụ việc dân sự về lĩnh vực tố tụng dân sự;
- CLO3: Thực hiện được một số công việc của cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp;
- CLO4: Hình thành được niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học				Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập		
Chương 1: Khái niệm và nguyên tắc của luật tố tụng dân sự 1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự Việt Nam 1.2. Nhiệm vụ và nguồn của Luật Tố tụng dân sự Việt Nam 1.3. Khoa học Luật Tố tụng dân sự và hệ	2				5

thống môn học 1.4. Quan hệ pháp luật tố tụng dân sự 1.5. Các nguyên tắc của Luật Tố tụng dân sự Việt Nam						
Chương 2: Thẩm quyền của tòa án nhân dân 2.2. Khái niệm thẩm quyền dân sự và ý nghĩa xác định thẩm quyền dân sự của Tòa án 2.3. Thẩm quyền dân sự của Tòa án theo loại việc 2.4. Việc phân định thẩm quyền giữa các Tòa án 2.5. Chuyển vụ việc dân sự cho Tòa án khác, giải quyết tranh chấp về thẩm quyền, nhập và tách vụ án dân sự	2	2		1		10
Chương 3: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự 3.1. Cơ quan tiến hành tố tụng dân sự 3.2. Người tiến hành tố tụng dân sự 3.3. Người tham gia tố tụng dân sự	2	2		1		5
Chương 4: Chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự 4.1. Chứng minh trong tố tụng dân sự 4.2. Chứng cứ trong tố tụng dân sự	2	2		1		5
Chương 5: Biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng; thời hạn tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu 5.1. Biện pháp khẩn cấp tạm thời 5.2. Cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng 5.3. Thời hạn tố tụng dân sự, thời hiệu khởi kiện và thời hiệu yêu cầu	2	2		1		5
Chương 6: Án phí, lệ phí và chi phí tố tụng 6.1. Án phí và lệ phí 6.2. Chi phí tố tụng	1	1		1		5
Chương 7: Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm 7.1. Khởi kiện vụ án dân sự 7.2. Thụ lý vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự 7.3. Chuẩn bị xét xử, hòa giải, tạm đình chỉ,	2	2		1		10

định chỉ giải quyết vụ án dân sự và quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử 7.4. Phiên tòa sơ thẩm vụ án dân sự						
Chương 8: Thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp phúc thẩm 8.1. Khái niệm và ý nghĩa của phúc thẩm dân sự 8.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm 8.3. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án dân sự 8.4. Thủ tục xét xử phúc thẩm 8.5. Thủ tục phúc thẩm quyết định của tòa án cấp sơ thẩm và việc gửi bản án, quyết định phúc thẩm	2	2		1		10
Chương 9: Thủ tục rút gọn giải quyết vụ án dân sự 9.1. Khái niệm, ý nghĩa và điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn 9.2. Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn tại Tòa án sơ thẩm 9.3. Giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn tại Tòa án cấp phúc thẩm	2	2		1		5
Chương 10: Thủ tục xét lại bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của tòa án đã có hiệu lực pháp luật 10.1. Thủ tục giám đốc thẩm dân sự 10.2. Thủ tục tái thẩm 10.3. Thủ tục đặc biệt xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao	2	2		1		10
Chương 11: Thủ tục giải quyết việc dân sự 11.1. Những quy định chung về giải quyết việc dân sự 11.2. Thủ tục xác định năng lực hành vi dân sự của cá nhân 11.3. Thủ tục giải quyết yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt, tuyên bố một người mất tích hoặc đã chết 11.4. Thủ tục giải quyết các yêu cầu về hôn nhân và gia đình 11.5. Thủ tục yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu 11.6. Thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố hợp	2	2		1		5

đồng lao động vô hiệu; thỏa ước lao động tập thể vô hiệu 11.7. Thủ tục xem xét tính hợp pháp của cuộc đình công 11.8. Thủ tục giải quyết các việc dân sự liên quan đến hoạt động của trọng tài thương mại 11.8. Thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án 11.10. Thủ tục giải quyết việc dân sự liên quan đến việc bắt giữ tàu bay, tàu biển						
Chương 12: Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài 12.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài 12.2. Những quy định chung về thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài 12.3. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài 12.4. Thủ tục xét đơn yêu cầu không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam 12.5. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài 12.6. Thủ tục phúc thẩm quyết định xét đơn yêu cầu công nhận, không công nhận bản án, quyết định dân sự của Tòa án nước ngoài và phán quyết của trọng tài nước ngoài	2	2		1		5
Chương 13: Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự 13.1. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài 13.2. Tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự	2	2		1		5
Chương 14: Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và tương trợ tư	2	1				5

pháp trong tố tụng dân sự						
14.1. Xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự						
14.2. Khiếu nại và tố cáo trong tố tụng dân sự						
Tổng	27	24	12			90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

giáo bản này:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3,4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Nguyễn Công Bình (chủ biên), (2021), *Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam*, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Trần Anh Tuấn (chủ biên), (2017), *Bình luận khoa học bộ luật Tố tụng Dân sự 2015*, Nxb. Tư pháp;

2. *Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*.

6.33. LUẬT TÀI CHÍNH/ FINANCIAL LAW

- Số tín chỉ: 3 (27LT, 36TL)
- Mã học phần: 197027
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa Lý luận chính trị - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức pháp luật trong lĩnh vực tài chính, cụ thể bao gồm pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về thuế Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn cung cấp các kiến thức về cơ sở khoa học của việc ban hành các quy phạm pháp luật cũng như nội dung pháp lý của các qui định pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về pháp luật ngân sách nhà nước cùng các sắc thuế hiện hành;
- CO2: Hình thành kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những vấn đề cơ bản trong lĩnh vực ngân sách nhà nước và thuế.
- CO3: Hình thành ý thức đúng đắn trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực ngân sách nhà nước và thuế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được các nguyên tắc trong quản lý ngân sách nhà nước, nắm được mối quan hệ giữa ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật về thuế; nắm vững các phương pháp tính thuế, các trường hợp miễn thuế;
- CLO2: Phân tích được các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và từ đó nhận diện những vi phạm trong lĩnh vực này và phương pháp giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm.
- CLO3: Hình thành kỹ năng tìm kiếm, vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống cụ thể trong lĩnh vực tài chính.
- CLO4: Hình thành được ý thức tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực tài chính.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Luật ngân sách Nhà nước						
Chương 1: Nhập môn luật ngân sách Nhà nước 1.1. Tổng quan về ngân sách nhà nước 1.2. Luật ngân sách nhà nước trong nền tài chính công hiện đại	1	0				5
Chương 2: Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước 2.1. Khái niệm và các nguyên tắc tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước 2.2. Phân phối nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách nhà nước.	2	2				10

Chương 3: Lập dự toán ngân sách nhà nước 3.1. Khái niệm, đặc điểm của hoạt động lập dự toán ngân sách nhà nước 3.2. Thẩm quyền của các chủ thể trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước 3.3. Trình tự, thủ tục lập dự toán ngân sách nhà nước	2	2				10
Chương 4: Chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước 4.1. Chấp hành ngân sách nhà nước 4.2. Quyết toán ngân sách nhà nước 4.3. Kiểm soát của Nhà nước đối với hoạt động chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước	2	2				10
Chương 5: Quản lý ngân sách nhà nước 5.1. Khái niệm và sự cần thiết phải quản lý quỹ ngân sách nhà nước 5.2. Các chủ thể có thẩm quyền trong hoạt động quản lý quỹ ngân sách nhà nước 5.3. Chế độ quản lý quỹ ngân sách nhà nước	2	2				10
Chương 6: Xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước 6.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước 6.2. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước	1	2				5
Luật thuế Việt Nam						
Chương 1: Những vấn đề cơ bản của Pháp luật thuế 1.3. Khái niệm, phân loại thuế 1.4. Nguyên tắc đánh thuế 1.5. Đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của pháp luật thuế 1.6. Nguồn của pháp luật thuế	2	2				10
Chương 2: Pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2.1. Khái niệm, đặc điểm về thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2.2. Nội dung pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu	2	3				15

Chương 3: Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt 3.1. Khái niệm, đặc điểm thuế tiêu thụ đặc biệt 3.2. Nội dung pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt.	2	3				10
Chương 4: Pháp luật về thuế giá trị gia tăng 4.1. Khái niệm, đặc điểm về thuế giá trị gia tăng. 4.2. Nội dung pháp luật về thuế giá trị gia tăng	3	5				15
Chương 5: Pháp luật về thuế thu nhập 5.1. Khái niệm, đặc điểm về thuế thu nhập 5.2. Nội dung về thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao 5.3 Nội dung về thuế thu nhập với doanh nghiệp	2	5				10
Chương 6: Pháp luật về thuế đất đai 6.1. Khái niệm, đặc điểm về thuế đất đai 6.2. Nội dung pháp luật thuế đất đai	2	2				10
Chương 7: Pháp luật về các loại thuế khác 7.1. Nội dung pháp luật thuế tài nguyên 7.2. Nội dung pháp luật thuế môi trường	2	2				10
Chương 8: Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về thuế 8.1. Pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế 8.2. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thuế	2	4				10
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO3,4	
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,4	30%

3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kỳ				50%
1	Vấn đáp	Rubric kiểm tra vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. TS Nguyễn Văn Tuyên (Chủ biên), (2020), *Giáo trình Luật ngân sách nhà nước*, Nxb. Công an nhân dân;
2. Phạm Thị Giang Thu (Chủ biên), (2022), *Giáo trình luật thuế*, Nxb. Tư Pháp, Hà Nội.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Tăng Bình – Ái Phương, (2022), *Chính sách thuế Chính sách hỗ trợ người nộp thuế áp dụng trong các loại hình doanh nghiệp*, Nxb. Tài chính;
2. Trương Huỳnh Thắng (Chủ biên), (2016), *Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia

6.34. LUẬT ĐẤT ĐAI/ LAND LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 24 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197028
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hành chính, Luật Dân sự 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về chế độ sở hữu, chế độ quản lý đất đai ở Việt Nam; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất, quản lý và sử dụng các loại đất, trình tự và thủ tục trong quản lý, sử dụng đất đai; Hệ thống kiến thức về thanh tra, giám sát; xử lý các vi phạm pháp luật đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức lý luận chung về Luật Đất đai; nội dung chế định sở hữu toàn dân về đất đai; chế định quản lý, sử dụng đất đai; chế độ pháp lý các nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp; nội dung các quy định về giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực đất đai;

- CO2: Xây dựng kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá các văn bản pháp luật đất đai. Vận dụng những vấn đề lý thuyết đã được trang bị vào việc giải quyết các vụ việc đất đai xảy ra trong thực tiễn;

- CO3: Hình thành sự chủ động, tự tin, trung thực trong việc phân tích, lý giải và đánh giá một vấn đề pháp luật và những sự kiện, tình huống đất đai phát sinh trong thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện và phân tích được khái niệm, bản chất đặc thù của các quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của ngành luật đất đai, mối quan hệ pháp luật đất đai trong các vấn đề pháp lý về kinh tế, thương mại và với một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

- CLO2: Xây dựng được năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của pháp luật đất đai;

- CLO3: Phát triển kỹ năng tư vấn, thuyết trình, trợ giúp pháp lý, giải quyết các tình huống đất đai cụ thể;

- CLO4: Hình thành được sự chủ động, tự tin, trung thực trong việc phân tích, lý giải và đánh giá một vấn đề pháp luật và những sự kiện, tình huống đất đai phát sinh trong thực tiễn.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Các vấn đề lý luận cơ bản về ngành luật đất đai 1.1. Khái niệm luật đất đai 1.2. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của ngành luật đất đai. 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của ngành luật	3	3				15

đất đai 1.4. Quan hệ pháp luật đất đai 1.5. Nguồn của luật đất đai						
Chương 2: Chế độ sở hữu toàn dân về đất đai 2.1. Cơ sở của việc xây dựng chế độ sở hữu toàn dân về đất đai ở nước ta 2.2. Khái niệm chế độ sở hữu toàn dân về đất đai 2.3. Chủ thể, khách thể và nội dung của quyền sở hữu toàn dân về đất đai	3	2				15
Chương 3: Chế độ quản lý nhà nước về đất đai 3.1. Hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đất đai 3.2. Các nội dung cơ bản của pháp luật về quản lý nhà nước đối với đất đai.	3	3				15
Chương 4: Địa vị pháp lý của người sử dụng đất Các vấn đề lý luận chung về địa vị pháp lý của người sử dụng đất 4.2. Các quy định cụ thể về địa vị pháp lý của người sử dụng đất	4	3		2		20
Chương 5: Thủ tục hành chính về đất đai 5.1. Khái quát chung thủ tục hành chính về đất đai 5.2. Nội dung pháp luật về thủ tục hành chính về đất đai	3	3		1		15
Chương 6: Chế độ pháp lý nhóm đất nông nghiệp 6.1. Khái niệm và phân loại nhóm đất nông nghiệp 6.2. Đối tượng được giao, được thuê nhóm đất nông nghiệp 6.3. Thời hạn sử dụng nhóm đất nông nghiệp 6.4. Các quy định về hạn mức đất 6.5. Các quy định về quỹ đất công ích 6.6. Quy định về đất trồng lúa 6.7. Các quy định về đất rừng 6.8. Các quy định về việc sử dụng đất có mặt nước để nuôi trồng thủy sản	3	3		3		15

6.9. Các quy định về đất bãi bồi ven sông, ven biển					
6.10. Các quy định về đất làm muối					
6.11. Các quy định về đất sử dụng cho kinh tế trang trại					
Chương 7: Chế độ pháp lý nhóm đất phi nông nghiệp	4	3		3	20
7.1. Các quy định về quản lý và sử dụng đất khu dân cư					
7.2. Các quy định về quản lý và sử dụng đất quốc phòng an ninh					
7.3. Các quy định về quản lý và sử dụng đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh					
7.4. Các quy định về quản lý và sử dụng đất làm nghĩa trang, nghĩa địa					
7.5. Các quy định về quản lý và sử dụng đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dụng					
7.6. Các quy định về quản lý và sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản					
7.7. Các quy định về quản lý và sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm					
7.8. Các quy định về quản lý và sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp					
7.9. Các quy định về quản lý và sử dụng đất vào mục đích công cộng, đất để thực hiện dự án xây dựng – chuyển giao và dự án xây dựng – kinh doanh – chuyển giao					
7.10. Các quy định về quản lý và sử dụng đất cơ sở tôn giáo và đất tín ngưỡng					
7.11. Các quy định về quản lý và sử dụng đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp					
7.12. Quy định về đất xây dựng công trình ngầm					
7.13. Quy định về đất cảng hàng không, sân bay dân dụng					
7.14. Quy định về đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp					
7.15. Quy định về đất xây dựng các công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn.					

Chương 8: Giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật đất đai 8.1. Giám sát, theo dõi, đánh giá việc quản lý và sử dụng đất đai 8.2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai 8.3. Tranh chấp đất đai và giải quyết tranh chấp về đất đai 8.4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai 8.5. Vi phạm pháp luật đất đai và xử lý vi phạm pháp luật đất đai	4	4		3		20
Tổng	27	24		12		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Đề đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Trần Quang Huy (Chủ biên), (2022), *Giáo trình luật đất đai*, Nxb. CAND.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. TS. Phạm Thị Hương Lan (Chủ biên), (2018), *Bình luận khoa học luật đất đai năm 2013*, Nxb. Lao động.
2. Luật đất đai năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018

6.35. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ / INTERNATIONAL COMMERCIAL LAW

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 197007
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT-Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về pháp luật thương mại quốc tế như: tổng quan luật thương mại quốc tế; Các hệ thống thương mại, Luật Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Pháp luật về thanh toán quốc tế, Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân;
- CO2: Có kỹ năng nhận diện nguồn của luật thương mại quốc tế và vận dụng giải quyết các tình huống;
- CO3: Tích cực chủ động tìm hiểu vấn đề pháp lý về thương mại quốc tế và tranh chấp thương mại liên quan đến Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức về khái niệm, nội dung, các quy định pháp luật trong hoạt động thương mại quốc tế;
- CLO2: Nhận diện được các quan hệ thương mại giữa các quốc gia và giữa các thương nhân;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng tra cứu, vận dụng các văn bản pháp luật vào giải quyết tình huống trong hoạt động thương mại quốc tế;
- CLO4: Hình thành được tính chủ động, linh hoạt trong làm việc nhóm để giải quyết tình huống trong lĩnh vực thương mại quốc tế.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tổng quan về luật thương mại quốc tế 1.1. Khái niệm hoạt động thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế 1.2. Chủ thể trong các giao dịch thương mại quốc tế 1.3. Nguồn luật thương mại quốc tế 1.4 Đối tượng, phương pháp điều chỉnh	2	3				15
Chương 2 : Hệ thống thương mại đa phương và Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) 2.1 Khái niệm hệ thống thương mại đa phương	4	6				20

2.2 Vai trò của hệ thống thương mại đa phương 2.3 Hệ thống thương mại Hiệp định GATT 1947 2.4 Khái quát về Tổ chức thương mại thế giới 2.5 Các nguyên tắc hoạt động cơ bản của WTO 2.6 Quy trình ra quyết định của WTO						
Chương 3. Luật Tổ chức thương mại thế giới (WTO) 3.1 Luật WTO trong thương mại hàng hóa 3.2 Luật WTO trong thương mại dịch vụ 3.3 Luật WTO trong hoạt động thương mại đầu tư 3.4 Luật WTO trong hoạt động thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ 3.5 Luật WTO về các biện pháp phòng vệ thương mại 3.6 Giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO	9	12				40
Chương 4. Hệ thống thương mại đơn phương 4.1 Khái niệm hệ thống thương mại đơn phương 4.2 Quy định pháp luật về hợp đồng về mua bán hàng hóa quốc tế 4.3 Quy định pháp luật về vận tải quốc tế 4.4 Quy định pháp luật về bảo hiểm hàng hóa quốc tế	6	9				30
Chương 5. Pháp luật về thanh toán quốc tế 5.1. Chứng từ trong thanh toán quốc tế 5.2. Các phương thức thanh toán quốc tế cơ bản 5.3. Pháp luật điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế	3	3				15
Chương 6. Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân 6.1. Thương lượng	3	3				15

6.2. Hoà giải, trung gian					
6.3. Toà án					
6.4. Trọng tài thương mại					
Tổng	27	36			135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thảo luận, thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

giáo sư dạy:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết/ Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. TS. Trần Việt Dũng (chủ biên), (2022), *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế - Phần 1*, Nxb Hồng Đức

* Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Nông Quốc Bình, (2020), *Giáo trình luật thương mại quốc tế*, Nxb. CAND.

6.36. PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG/LAW ON ANTI-CORUPTION

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TL)
- Mã học phần: 197002
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật hình sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Luật phòng, chống tham nhũng; nhiệm vụ và nguồn của Luật phòng, chống tham nhũng; quá trình hình thành và phát triển của Luật phòng, chống tham nhũng; nguyên nhân, điều kiện, tác hại của tham nhũng; pháp luật và kinh nghiệm quốc tế về phòng chống tham nhũng; tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng; hệ thống pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng; phòng ngừa tham nhũng; phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng; hợp tác quốc tế trong phòng chống tham nhũng và vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, xã hội trong phòng, chống tham nhũng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Người học nắm được hệ thống cơ sở pháp lý liên quan đến hoạt động phòng, chống tham nhũng; Đồng thời, phân tích, đánh giá được kinh nghiệm một số nước về phòng, chống tham nhũng.
- CO2: Người học có kỹ năng vận dụng phù hợp các quy định của luật phòng chống tham nhũng trong nước cũng như của Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng để giải quyết các tình huống cụ thể trong đời sống hằng ngày hoặc trong các sự việc cụ thể;
- CO3: Người học hình thành và phát triển năng lực phòng, chống tham nhũng qua việc nghiên cứu pháp luật quốc tế.

3. Chuẩn đầu ra học phần

Hoàn thiện học phần, người học đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

- CLO1: Hiểu được kiến thức chung về luật phòng chống tham nhũng, các kiến thức chuyên sâu để ứng dụng trong từng lĩnh vực.
- CLO2: Vận dụng được pháp luật phòng chống tham nhũng để giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn.
- CLO3: Hình thành được kỹ năng làm việc nhóm; khả năng tư duy logic; kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của Luật phòng chống tham nhũng.
- CLO4: Đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật phòng chống tham nhũng.
- CLO5: Hình thành được thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học Luật phòng chống tham nhũng.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 1.1. Bối cảnh, sự cần thiết, mục đích, ý nghĩa của giáo dục về phòng, chống tham nhũng 1.2. Mục tiêu, đối tượng và nội dung của môn học 1.3. Phương pháp luận và nguồn học liệu 1.4. Mối quan hệ với các môn học khác	2	2				10
Chương 2: Nhận thức về tham nhũng 2.1. Khái niệm tham nhũng 2.2. Bản chất, biểu hiện và phân loại tham nhũng 2.3. Nguyên nhân của tham nhũng 2.4. Hậu quả của tham nhũng	2	4				10
Chương 3: Pháp luật và kinh nghiệm quốc tế về phòng, chống tham nhũng 3.1. Hệ thống các điều ước quốc tế về phòng, chống tham nhũng 3.2. So sánh các điều ước quốc tế về chống tham nhũng 3.3. Kinh nghiệm phòng, chống tham nhũng trên thế giới	3	4				15
Chương 4: Công ước của liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng 4.1. Quá trình ra đời của Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng 4.2. Cấu trúc của Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng 4.3. Nội dung cơ bản của Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng 4.4. Sự tham gia và những thuận lợi, khó khăn của Việt Nam trong việc thực hiện Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng	3	4				15
Chương 5: Phòng, chống tham nhũng trong thời kì phong kiến ở Việt Nam 5.1. Về Phòng ngừa tham nhũng trong thời	2	2				10

kì phong kiến ở Việt Nam 5.2. Về xử lý tham nhũng trong thời kì phong kiến ở Việt Nam 5.3. Luật “Hồi tỵ” – phương pháp phòng ngừa tham nhũng hiệu quả trong thời kì phong kiến ở Việt Nam 5.4. Xử lý hành vi tham nhũng trong Bộ luật Hồng Đức trong thời kì phong kiến ở Việt Nam						
Chương 6: Tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của đảng cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng 6.1. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phòng, chống tham nhũng 6.2. Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống tham nhũng	2	2				10
Chương 7: Hệ thống pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng 7.1. Sự phát triển và cấu trúc của Hệ thống pháp luật Việt Nam về phòng, chống tham nhũng 7.2. Luật Phòng, chống tham nhũng 7.3. Phương hướng hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng	2	4				10
Chương 8: Phòng ngừa tham nhũng 8.1. Một số vấn đề lý luận về phòng ngừa tham nhũng 8.2. Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng 8.3. Quy định về phòng ngừa tham nhũng trong pháp luật Việt Nam	2	4				10
Chương 9: Phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng 9.1. Phát hiện hành vi tham nhũng 9.2. Quy định về tội phạm tham nhũng trong Bộ luật Hình sự Việt Nam 9.3. Hình sự hóa hành vi tham nhũng 9.4. Xử lý hành vi tham nhũng	4	4				20
Chương 10: Thu hồi tài sản tham nhũng	2	2				10

10.1. Nguyên tắc và yêu cầu chung thu hồi tài sản tham nhũng						
10.2. Các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng						
10.3. Quy định của pháp luật Việt Nam về thu hồi, xử lý tài sản tham nhũng						
Chương 11: Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng	2	2				10
11.1. Yêu cầu về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng						
11.2. Pháp luật Việt Nam về tương trợ tư pháp, dẫn độ, chuyển giao vụ án hình sự và liên kết điều tra các vụ án tham nhũng						
Chương 12: Vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và xã hội trong phòng, chống tham nhũng	1	2				5
12.1. Trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan trong phòng, chống tham nhũng						
12.2. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng						
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phòng vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,4,5	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc**

1. Nguyễn Đăng Dung – Phạm Hồng Thái – Chu Hồng Thanh – Vũ Công Giao (đồng chủ biên), (2013), *Giáo trình Lý luận và pháp luật về phòng, chống tham nhũng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

*** Tài liệu tham khảo**

1. Luật phòng chống tham nhũng năm 2018
2. TS. Đinh Văn Minh, (2019), *Một số vấn đề về tham nhũng và những nội dung cơ bản của luật phòng, chống tham nhũng năm 2018*, Nxb. Lao động.

6.37a. XÂY DỰNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG/ BUILD THE LAW STATEMENT AND SKILLS TO WRITE ADMINISTRATIVE DOCUMENTS COMMON

- Số tín chỉ: 4 (36 LT, 24 TL, 24 TH)

- Mã học phần: 197082

- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa Lý luận chính trị - Luật

- Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp, Luật hành chính

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về VBPL và văn bản hành chính thông dụng; Quy trình xây dựng VBPL, văn bản hành chính thông dụng; Quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong VBPL; Cách thức trình bày hình thức và nội dung của VBPL và văn bản hành chính thông dụng; Cách thức kiểm tra, rà soát và xử lý VBPL và kỹ năng soạn thảo một số VBPL, VB hành chính điển hình.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về VBPL và văn bản hành chính thông dụng; Quy trình xây dựng VBPL, văn bản hành chính thông dụng; Quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong VBPL; Cách thức trình bày hình thức và nội dung của VBPL và văn bản hành chính thông dụng; Cách thức kiểm tra, rà soát và xử lý VBPL;

- CO2: Hình thành kỹ năng nhận diện thẩm quyền giải quyết công việc của chủ thể ban hành VBPL, văn bản hành chính thông dụng; Hiểu được các yêu cầu và mục đích sử dụng các loại văn bản đối với từng trường hợp cụ thể;

- CO3: Có khả năng vận dụng lý thuyết để soạn thảo một số VBPL và văn bản hành chính thông dụng phổ biến;

CO4: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về vai trò hoạt động xây dựng VBPL cũng như việc soạn thảo các loại văn bản hành chính thông dụng trong quản lý công việc của cơ quan, nhà máy, xí nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Tổng hợp và đánh giá được hệ thống cơ sở lý luận về hoạt động xây dựng VBPL, văn bản hành chính thông dụng;

- CLO2: Nhận diện được những bất cập, khiếm khuyết của hoạt động xây dựng VBPL hiện nay từ đó có những kiến nghị góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xây dựng VBPL đồng thời nhận thức được sự khác biệt giữa các loại văn bản hành chính thông dụng với văn bản quy phạm pháp Luật và văn bản áp dụng pháp Luật;

- CLO3: Vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống cụ thể liên quan đến hoạt động soạn thảo VBPL và văn bản hành chính thông dụng;

- CLO4: Hình thành được ý thức đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá về vai trò của VBPL, văn bản hành chính thông dụng trong quản lý nhà nước

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT 1. Khái niệm văn bản pháp luật 2. Tiêu chí đánh giá chất lượng văn bản	2	2				10
CHƯƠNG II: QUY TRÌNH XÂY DỰNG VBPL 1. Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 2. Quy trình xây dựng văn bản áp dụng pháp luật	3	4				15
CHƯƠNG III: NGÔN NGỮ TRONG VĂN BẢN PHÁP LUẬT 1. Khái niệm ngôn ngữ trong văn bản pháp luật 2. Yêu cầu đối với ngôn ngữ trong văn bản pháp luật	2	2				10
CHƯƠNG IV: HÌNH THỨC VĂN BẢN PHÁP LUẬT 1. Xác định tên loại văn bản pháp luật 2. Kỹ thuật trình bày hình thức văn bản pháp luật.	2	4				10
CHƯƠNG V: NỘI DUNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT 1. Soạn thảo nội dung văn bản quy phạm pháp luật 2. Soạn thảo nội dung văn bản áp dụng pháp luật	3	4				15
CHƯƠNG VI: KIỂM TRA, RÀ SOÁT VÀ XỬ LÝ VĂN BẢN PHÁP LUẬT 1. Kiểm tra văn bản pháp luật 2. Rà soát văn bản pháp luật 3. Xử lí văn bản pháp luật	3	4				15
CHƯƠNG VII: SOẠN THẢO MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT ĐIỂN HÌNH 1. Soạn thảo Luật, pháp lệnh 2. Soạn thảo Nghị quyết 3. Soạn thảo Nghị định 4. Soạn thảo thông tư	3	4				15

5. Soạn thảo Quyết định						
6. Soạn thảo Chỉ thị						
Chương VIII: KHÁI NIỆM, VAI TRÒ VÀ CHỨC NĂNG CỦA VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG 1. Khái niệm, phân loại văn bản hành chính thông dụng 2. Vai trò của văn bản hành chính thông dụng 3. Chức năng của văn bản hành chính thông dụng	2			1		10
Chương IX: YÊU CẦU ĐỐI VỚI VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG 1. Yêu cầu về nội dung 2. Yêu cầu về hình thức 3. Yêu cầu về ngôn ngữ và văn phong	2			3		10
Chương X: QUY TRÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN HÀNH CHÍNH THÔNG DỤNG 1. Xác định hình thức, nội dung và độ mật, độ khẩn của văn bản hành chính thông dụng 2. Thu thập và xử lý thông tin 3. Xây dựng đề cương và soạn thảo văn bản 4. Kiểm tra văn bản trước khi kí ban hành 5. Thông qua, kí văn bản hành chính thông dụng	2			3		10
Chương XI: SOẠN THẢO BIÊN BẢN 1. Khái niệm và phân loại biên bản 2. Cách ghi biên bản 3. Yêu cầu đối với biên bản 4.. Cách thức soạn thảo biên bản	2			3		10
Chương XII: SOẠN THẢO CÔNG VĂN, CÔNG ĐIỆN 1. Soạn thảo công văn 2. Soạn thảo công điện	2			3		10
Chương XIII: SOẠN THẢO BÁO CÁO, THÔNG BÁO 1. Soạn thảo báo cáo 2. Soạn thảo thông báo	2			2		10
Chương XIII: SOẠN THẢO ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH, NỘI QUY	2			3		10

1. Khái niệm điều lệ, quy chế, quy định, nội quy 2. Yêu cầu đối với điều lệ, quy chế, quy định, nội quy 3. Cách thức soạn thảo điều lệ, quy chế, quy định, nội quy						
Chương XV: SOẠN THẢO DỰ ÁN, ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH CÔNG TÁC 1. Khái niệm, phân loại dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác 2. Mục đích sử dụng của dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác 3. Yêu cầu đối với dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác 4. Cách thức soạn thảo dự án, đề án, chương trình, kế hoạch công tác	2			4		10
Chương XVI: SOẠN THẢO TỜ TRÌNH 1. Khái niệm, mục đích sử dụng của tờ trình 2. Yêu cầu đối với tờ trình 3. Cách thức soạn thảo tờ trình	2			2		10
Tổng	36	24		24		180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành, thảo luận theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
I. Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 4	30%
2	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO 1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2,3,4	
II. Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	20%
III. Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	50%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 05 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. TS. Đoàn Thị Tố Uyên, (chủ biên) (2017), *Giáo trình xây dựng VBPL*, Nxb. Tư pháp
2. TS. Đoàn Thị Tố Uyên, (chủ biên), (2017), *Giáo trình Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng*, Nxb. Tư pháp

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2016

6.37b. THANH TRA, KHIẾU NẠI/ INSPECTIONS, COMPLAINTS

- Số tín chỉ: 04 (36LT: 48TL)
- Mã học phần: 197083
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật hành chính

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: khái niệm và đặc điểm của bộ máy thanh tra nhà nước, hệ thống tổ chức thanh tra nhà nước; khái niệm, đặc điểm hoạt động thanh tra nhà nước, nguyên tắc và các bước tiến hành hoạt động thanh tra nhà nước; khiếu nại hành chính, quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại và người bị khiếu nại hành chính, thẩm quyền giải quyết khiếu nại hành chính; thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính gồm: nhận đơn, phân loại đơn và thụ lý đơn khiếu nại, thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ và lập hồ sơ giải quyết khiếu nại, ra quyết định giải quyết khiếu nại; tố cáo và giải quyết tố cáo.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức về lý luận và thực tiễn thanh tra, khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo và pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý hành chính nhà nước;
- CO2: Có khả năng vận dụng pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo vào thực tiễn
- CO3: Có khả năng đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động thanh tra, khiếu nại, tố cáo đang diễn ra trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức chung về luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo, các kiến thức chuyên sâu để ứng dụng trong từng lĩnh vực.
- CLO2: Vận dụng được pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo để giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn.
- CLO3: Đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo.
- CLO4: Hình thành được thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học Luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Bộ máy thanh tra nhà nước 1.1. Khái niệm và đặc điểm của bộ máy thanh tra nhà nước 1.2. Hệ thống tổ chức thanh tra nhà nước	8	12				40

Chương 2: Hoạt động thanh tra 2.1. Khái niệm và đặc điểm hoạt động thanh tra 2.2. Phân biệt hoạt động thanh tra nhà nước với một số hoạt động khác 2.3. Các loại hoạt động thanh tra 2.4. Nguyên tắc của hoạt động thanh tra 2.5. Một số công việc chủ yếu trong hoạt động thanh tra nhà nước	8	8				40
Chương 3: Khiếu nại và thẩm quyền giải quyết khiếu nại 3.1. Khiếu nại 3.2. Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại và người bị khiếu nại 3.3. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại 3.4. Quản lí và giám sát công tác giải quyết khiếu nại	8	16				40
Chương 4: Thủ tục giải quyết khiếu nại 4.1. Nhận đơn, phân loại đơn và thụ lý để giải quyết 4.2. Thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, hồ sơ giải quyết khiếu nại 4.3. Ra quyết định giải quyết khiếu nại 4.4. Thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại	4	4				20
Chương 5: Tố cáo và giải quyết tố cáo 5.1. Tố cáo 5.2. Giải quyết tố cáo	8	8				40
Tổng	36	48				180

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phỏng vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (05)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 05 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc*

1. Luật thanh tra năm 2010.
2. Luật khiếu nại 2018.
3. Luật tố cáo năm 2018.

* *Tài liệu tham khảo*

1. TS. Trần Minh Hương (Chủ biên), (2017), *Giáo trình Luật hành chính*, Nxb. CAND.

6.38a. LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ/ CRIMINAL PROCEDURES LAW

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 24 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197018
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hình sự 2

1 . Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: Khái niệm Luật tố tụng hình sự, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của Luật tố tụng hình sự; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng hình sự; chứng cứ và chứng minh; biện pháp ngăn chặn; khởi tố vụ án hình sự; điều tra vụ án hình sự; truy tố; xét xử sơ thẩm vụ án hình sự; xét xử phúc thẩm vụ án hình sự; thi hành bản án, quyết định của tòa án; thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án; thủ tục đặc biệt, khiếu nại, tố cáo, hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức pháp luật về các quy định pháp luật tố tụng hình sự ,trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự.
- CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức pháp luật tố tụng hình sự để giải quyết các tình huống cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử.
- CO3: Đưa ra những quyết định tố tụng chính xác để giải quyết những tình huống, những vụ án cụ thể.
- CO4: Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, trách nhiệm của người cán bộ pháp lý trong giai đoạn mới; chủ động thích ứng với thay đổi trước thực tiễn xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hình sự; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức nhằm phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.
- CLO2: Hoàn thiện được các kỹ năng cần thiết như lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, phân tích, thuyết trình, phản biện về việc giải quyết các vụ án hình sự .
- CLO3: Thực hiện được một số công việc của cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp;
- CLO4: Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự 1.1 Khái niệm luật Tố tụng hình sự 1.2. Nhiệm vụ của luật tố tụng hình sự 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự	2	0		0		10
Chương 2. Cơ quan có thẩm quyền tiến	2	2		1		10

hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng 2.1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng 2.2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng và thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng 2.3. Người tham gia tố tụng						
Chương 3: Chứng cứ, chứng minh trong tố tụng hình sự 3.1. Khái niệm chứng cứ 3.2. Phân loại chứng cứ 2.3. Nguồn của chứng cứ 3.4. Đối tượng chứng minh và nghĩa vụ chứng minh 3.5. Quá trình chứng minh	2	2		1		10
Chương 4: Những biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự 4.1. Biện pháp ngăn chặn 4.2. Biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự	2	2		1		10
Chương 5: Khởi tố vụ án hình sự 5.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của giai đoạn khởi tố vụ án hình sự 5.2. Các căn cứ khởi tố vụ án hình sự 5.3. Thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự 5.4. Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại 5.5. Trình tự, thủ tục khởi tố vụ án hình sự	2	2		1		10
Chương 6: Điều tra vụ án hình sự 6.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của giai đoạn điều tra vụ án hình sự 6.2. Thẩm quyền điều tra vụ án hình sự 6.3. Những quy định chung về điều tra vụ án hình sự 6.4. Các hoạt động điều tra vụ án hình sự 6.5. Tạm đình chỉ điều tra, kết thúc điều tra, phục hồi điều tra	1	1		1		5
Chương 7: Truy tố vụ án hình sự 7.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của giai đoạn truy tố 7.2. Hoạt động của Viện kiểm sát trong giai đoạn truy tố	2	2		1		10
Chương 8: Xét xử sơ thẩm vụ án hình	2	2		1		10

sự 8.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 8.2. Thẩm quyền xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 8.3. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 8.4. Những quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 8.5. Trình tự, thủ tục phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự						
Chương 9: Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự. 9.1. Khái niệm, nhiệm vụ và ý nghĩa của xét xử phúc thẩm 9.2. Kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm 9.3. Những quy định chung về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự	2	2		1		10
Chương 10: Thi hành bản án và quyết định của Tòa án 10.1 Khái niệm, nhiệm vụ, ý nghĩa của việc thi hành bản án và quyết định của tòa án 10.2 Những quy định chung về thi hành bản án và quyết định của Tòa án 10.3 Thi hành các loại hình phạt 10.4 Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành hình phạt 10.5 Xóa án tích	2	2		1		10
Chương 11: Thủ tục xét lại bản án và quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. 11.1 Thủ tục giám đốc thẩm 11.2 Thủ tục tái thẩm 11.3 Thủ tục xem xét lại quyết định của hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao	2	2		1		10
Chương 12: Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự 12.1 Thủ tục tố tụng đối với người chưa thành niên 12.2 Thủ tục rút gọn	2	2		1		10

12.3 Thủ tục tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự với pháp nhân					
Chương 13: Khiếu nại tố cáo trong tố tụng hình sự 13.1 Khiếu nại trong tố tụng hình sự 13.2 Tố cáo trong tố tụng hình sự 13.3 Trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tố cáo 13.4 Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi kiểm sát việc giải quyết khiếu nại tố cáo trong tố tụng hình sự.	2	2		1	10
Chương 14: Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự. 14.1 Nhận thức chung về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự 14.2 Nội dung của hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự	2	1			10
Tổng	27	24		12	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO2,3,4	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
3	Thuyết trình bài thảo luận nhóm	Rubric thuyết trình	CLO1	
			CLO2	
			CLO3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	20%
Thi cuối kì				
1	Thi viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Tài liệu dạy học:

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. PGS.TS. Hoàng Thị Minh Sơn (Chủ biên), (2022), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. TS. Phạm Mạnh Hùng (chủ biên), (2018), *Bình luận khoa học bộ luật Tổ tụng Hình sự 2015*, Nxb. Lao động.

2. TS. Không Văn Hà (Chủ biên), (2013), *Giáo trình luật TTHS Việt Nam*, Nxb. Học viện CSND.

6.38b. LUẬT TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH/ LAW OF SMALL ADMINISTRATIVE PROCEDURES

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 24 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 197004
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hành chính

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: ngành luật tổ tụng hành chính; thẩm quyền xét xử hành chính của Tòa án nhân dân; cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng; chứng cứ, chứng minh trong vụ án hành chính, cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng và biện pháp khẩn cấp tạm thời; khởi kiện, khởi tố và thụ lý vụ án hành chính; chuẩn bị xét xử sơ thẩm; xét xử sơ thẩm vụ án hành chính; thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính; xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; thi hành bản án hành chính.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức cơ bản về ngành luật tổ tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính;
- CO2: Vận dụng pháp luật tố tụng hành chính để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn;
- CO3: Có kỹ năng tranh tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án hành chính;
- CO4: Có ý thức tôn trọng pháp luật, đặc biệt là tôn trọng các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về ngành luật tổ tụng hành chính; quyền và nghĩa vụ pháp lý tố tụng hành chính của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- CLO2: Phân tích được thẩm quyền, thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thi hành án hành chính;
- CLO3: Vận dụng được pháp luật tố tụng hành chính để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn;
- CLO4: Hình thành được kỹ năng tranh tụng nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án hành chính;
- CLO5: Có thái độ nghiêm túc, khách quan trong nghiên cứu khoa học và đánh giá các vấn đề lý luận, thực tiễn giải quyết các vụ án hành chính.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Khoa học, Ngành Luật Tố tụng hành chính và Thẩm quyền xét xử hành chính	4	2				20

1.1. Khoa học Luật tổ tụng hành chính. 1.2. Ngành Luật tổ tụng hành chính Việt Nam. 1.3. Nguyên tắc cơ bản trong tổ tụng hành chính. 1.4. Thẩm quyền xét xử hành chính của Toà án nhân dân.						
Chương 2. Chủ thể của quan hệ pháp luật tổ tụng hành chính, chứng minh, chứng cứ và biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tổ tụng hành chính 2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật tổ tụng hành chính. 2.2. Chứng minh và chứng cứ trong tổ tụng hành chính 2.3. Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tổ tụng hành chính.	5	4				25
Chương 3. Thủ tục sơ thẩm vụ án hành chính 3.1. Khởi kiện và thụ lí vụ án hành chính. 3.2. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hành chính. 3.3. Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.	6	6		4		30
Chương 4. Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính 4.1. Thủ tục phúc thẩm vụ án hành chính. 4.2. Thủ tục xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án về vụ án hành chính.	6	6		4		30
Chương 5. Thủ tục rút gọn, Thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính 5.1. Khái niệm và ý nghĩa của thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. 5.2. Thủ tục thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính. 5.3. Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân đối với việc thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính.	6	6		4		30
Tổng	27	24		12		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4,5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Đề thi và đáp án/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. ThS. Hoàng Văn Sao, Nguyễn Phúc Thành (chủ biên), (2014), *Giáo trình Luật Tổ tụng hành chính Việt Nam*, Nxb. CAND;

* *Tài liệu tham khảo:*

1. GS.TS. Phạm Hồng Thái, TS. Nguyễn Hoàng Anh (đồng chủ biên), (2012), *Giáo trình Luật Tổ tụng hành chính Việt Nam*, Nxb. ĐHQG Hà Nội.
2. Luật Tổ tụng hành chính năm 2015

6.39a. LUẬT AN SINH XÃ HỘI/ SOCIAL SECURITY LAW

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197042
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Lao động

1. Mô tả học phần

Học phần gồm những kiến thức cơ bản: Luật an sinh xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam; Quan hệ pháp luật an sinh xã hội; Bảo hiểm xã hội gồm: chế độ bảo hiểm ốm đau, chế độ bảo hiểm thai sản, chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ bảo hiểm hưu trí, chế độ tử tuất, bảo hiểm thất nghiệp; bảo hiểm y tế; Chế độ ưu đãi xã hội gồm: chế độ ưu đãi trợ cấp, chế độ ưu đãi về giáo dục, chế độ ưu đãi về việc làm và đảm bảo việc làm, chế độ chăm sóc sức khỏe; Chế độ cứu trợ xã hội và tranh chấp an sinh xã hội.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội, giải quyết tranh chấp an sinh xã hội;
- CO2: Hình thành kỹ năng phân tích vụ việc và xác định các chế độ an sinh xã hội cho các đối tượng;
- CO3: Có thái độ đúng đắn, nghiêm túc khi nghiên cứu pháp luật trong lĩnh vực an sinh xã hội; tự tin trước các vấn đề pháp lý trong lĩnh vực an sinh xã hội.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực an sinh xã hội; phân tích được bản chất, đặc thù, nội dung của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực an sinh xã hội;
- CLO2: Thành thạo kỹ năng tìm kiếm, sử dụng và cập nhật các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực an sinh xã hội;
- CLO3: Vận dụng được kiến thức pháp luật về an sinh xã hội để có thể tư vấn pháp lý; làm việc tại các cơ quan chuyên môn; góp ý xây dựng pháp luật trong lĩnh vực an sinh xã hội;
- CLO4: Có thái độ nghiêm túc, khoa học, khách quan trong nghiên cứu khoa học; thường xuyên cập nhật những quy định mới của pháp luật an sinh xã hội.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1:Luật An sinh xã hội trong hệ thống pháp luật Việt Nam 1.1. Khái quát chung Luật an sinh xã hội 1.2. Mối quan hệ giữa Luật an sinh xã hội và một số ngành luật khác 1.3. Các nguyên tắc cơ bản của Luật an sinh xã hội 1.4. Nguồn của luật an sinh xã hội	3	2				15

1.5. Tổ chức lao động quốc tế (ILO) và an sinh xã hội 1.6. Vai trò, ý nghĩa của luật an sinh xã hội 1.7. Lịch sử luật an sinh xã hội Việt Nam						
Chương 2. Quan hệ pháp luật An sinh xã hội 2.1. Khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp Luật an sinh xã hội 2.2. Các quan hệ pháp Luật an sinh xã hội	2	1				10
Chương 3: Bảo hiểm xã hội 3.1. Khái quát về bảo hiểm xã hội 3.2. Chế độ bảo hiểm ốm đau 3.3. Chế độ bảo hiểm thai sản 3.4. Chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 3.5. Chế độ bảo hiểm hưu trí 3.6. Chế độ tử tuất 3.7. Bảo hiểm thất nghiệp	7	9				35
Chương 4. Bảo hiểm y tế 4.1. Khái quát về bảo hiểm y tế 4.2. Chế độ bảo hiểm y tế	2	4				10
Chương 5. Chế độ ưu đãi xã hội 5.1. Khái quát về ưu đãi xã hội 5.2. Các đối tượng được hưởng ưu đãi xã hội và thủ tục xác nhận 5.3. Các chế độ ưu đãi xã hội	2	3				10
Chương 6. Chế độ trợ giúp xã hội 6.1. Khái quát về chế độ trợ giúp xã hội 6.2. Chế độ trợ giúp xã hội	1	3				5
Chương 7. Tranh chấp an sinh xã hội 7.1. Những vấn đề chung về tranh chấp an sinh xã hội 7.2. Giải quyết tranh chấp an sinh xã hội	1	2				5
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. TS. Nguyễn Kim Phụng (chủ biên), (2022), *Giáo trình Luật An sinh xã hội*, Nxb. CAND.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. *Quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2016.

6.39b. PHÁP LUẬT VỀ ĐẤU GIÁ, ĐẤU THẦU/ LAW ON AUCTION, BIDDING

- Số tín chỉ: 02(18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 199030
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về hai lĩnh vực. Một là, những kiến thức về đấu giá: những vấn đề lý luận chung về đấu giá và pháp luật về đấu giá, đấu giá theo quy định của Luật đấu giá tài sản và pháp luật chuyên ngành liên quan đến đấu giá. Hai là, những kiến thức về đấu thầu: những vấn đề lý luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu, đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, đấu thầu theo qui định của Luật Thương mại, hợp đồng trong đấu thầu và vấn đề vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Trang bị kiến thức về những vấn đề lý luận chung, những quy định hiện hành, những vấn đề pháp lý về đấu giá, đấu thầu;
- CO2: Nhận diện những vướng mắc pháp luật về đấu giá, đấu thầu;
- CO3: Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý; kỹ năng vận dụng các kiến thức pháp luật vào việc xử lý những tình huống, vụ việc cụ thể trên thực tế;
- CO4: Hình thành sự tự tin trước những vấn đề pháp lý, tích cực nâng cao trình độ nhận thức và hiểu biết trong lĩnh vực đấu giá, đấu thầu.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được kiến thức về phạm vi áp dụng và chủ thể trong hoạt động đấu thầu, các hình thức lựa chọn nhà thầu, các phương thức đấu thầu; phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; xét duyệt trúng thầu; mua sắm tập trung, mua sắm thường xuyên, mua thuốc, vật tư y tế; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; hợp đồng trong đấu thầu; vi phạm và xử lý vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu;
- CLO2: Phân tích và đánh giá được những quy định chung về đấu giá theo luật đấu giá tài sản; đấu giá viên và đạo đức nghề nghiệp của đấu giá viên; tổ chức đấu giá tài sản; trình tự, thủ tục đấu giá chung; thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản; quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đấu giá tài sản; pháp luật chuyên ngành liên quan đến đấu giá;
- CLO3: Đánh giá được những vướng mắc và đưa ra giải pháp hoàn thiện pháp luật về đấu giá, đấu thầu;
- CLO4: Vận dụng được các kiến thức pháp luật về đấu giá, đấu thầu vào việc xử lý những tình huống, vụ việc cụ thể trên thực tế;
- CLO5: Hình thành được sự tự tin trước những vấn đề pháp lý, tinh thần tích cực nâng cao trình độ nhận thức và hiểu biết trong lĩnh vực đấu giá, đấu thầu.

4. Nội dung học phần

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề lí luận chung về đấu thầu và pháp luật về đấu thầu 1.1. Khái quát chung về đấu thầu 1.2. Pháp luật về đấu thầu 1.3. Nguồn của pháp luật về đấu thầu	2	0				10
Chương 2: Đấu thầu theo qui định của Luật Đấu thầu 2.1. Các quy định chung 2.2. Hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư và tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp 2.3. Kế hoạch và quy trình lựa chọn nhà thầu 2.4. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; xét duyệt trúng thầu 2.5. Mua sắm tập trung, mua sắm thường xuyên, mua thuốc, vật tư y tế; cung cấp sản phẩm, dịch vụ công	2	5				10
Chương 3: Đấu thầu theo qui định của Luật Thương mại 3.1. Phạm vi áp dụng và chủ thể trong hoạt động đấu thầu thương mại theo qui định của Luật Thương mại 2005 3.2. Các hình thức lựa chọn nhà thầu trong đấu thầu theo qui định của Luật Thương mại 2005 3.3. Các phương thức đấu thầu theo qui định của Luật Thương mại 2005	2	5				10
Chương 4: Hợp đồng trong đấu thầu và vấn đề vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu 4.1. Hợp đồng trong đấu thầu 4.2. Vi phạm và xử lí vi phạm trong lĩnh vực đấu thầu	3	4				15
Chương 5: Những vấn đề lí luận chung về đấu giá và pháp luật về đấu giá 5.1. Khái quát chung về đấu giá 5.2. Pháp luật về đấu giá 5.3. Nguồn của pháp luật về đấu giá	2	0				10

Chương 6: Đấu giá theo quy định của Luật đấu giá tài sản 6.1. Những quy định chung 6.2. Đấu giá viên và đạo đức nghề nghiệp của đấu giá viên 6.3. Tổ chức đấu giá tài sản 6.4. Trình tự, thủ tục đấu giá chung 6.5. Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản 6.6. Xử lý vi phạm, hủy kết quả đấu giá tài sản, bồi thường thiệt hại trong đấu giá tài sản 6.7. Quản lý nhà nước về đấu giá tài sản	4	6				20
Chương 7: Pháp luật chuyên ngành liên quan đến đấu giá 7.1. Pháp luật về thi hành án dân sự liên quan đến đấu giá 7.2. Pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về phá sản liên quan đến đấu giá 7.3. Pháp luật về đất đai liên quan đến đấu giá 7.4. Pháp luật về tài sản công liên quan đến đấu giá	3	4				15
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. NCS Nguyễn Thị Thu Hồng (2022), *Pháp luật về đấu giá tài sản công ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tư pháp.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Văn bản hợp nhất 12/VBHN-VPQH năm 2019 hợp nhất Luật Đấu thầu
2. Luật đấu giá tài sản năm 2016.

6.40,41a. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN, SOẠN THẢO VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG/ CONTRACT NEGOTIATION, DRAFTING AND EXECUTION SKILLS

- Số tín chỉ: 02 (18 LT, 15 TL, 09TH)
- Mã học phần: 199003
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Thương mại 2, Luật Lao động

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp một số kiến thức và kỹ năng cơ bản sau đây: Lý thuyết chung về hợp đồng dân sự, thương mại, lao động; kỹ năng đàm phán, kỹ năng soạn thảo và kỹ năng thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại, lao động.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về pháp luật đã học để áp dụng vào thực tiễn trong quá trình đàm phán, soạn thảo và thực hiện các hợp đồng thương mại, lao động và dân sự. Hiểu được tầm quan trọng của các điều khoản phòng ngừa rủi ro trong hợp đồng.

- CO2: Phát triển kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập luận và soạn thảo, đàm phán, thực hiện hợp đồng; Góp phần bảo vệ tốt quyền lợi của nhà đầu tư, các doanh nhân, các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào thị trường

- CO3: Sinh viên tự tin trước những vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh

3. Chuẩn đầu ra của học phần

- CLO1: Hiểu được hình thức, nội dung của các loại hợp đồng dân sự, thương mại, lao động; phân tích được các biện pháp, nguyên tắc đàm phán và cách thức thực hiện hợp đồng dân sự, thương mại, lao động;

- CLO2: Vận dụng được kiến thức của môn học để tiếp cận và bước đầu soạn thảo, đàm phán và thực hiện hợp đồng đối với từng loại hợp đồng khác nhau;

- CLO3: Hình thành được kỹ năng nghiên cứu, phân tích, lập luận và soạn thảo, đàm phán, thực hiện các điều khoản cơ bản của hợp đồng; Góp phần bảo vệ tốt quyền lợi của nhà đầu tư, các doanh nhân, các cá nhân, tổ chức khi tham gia vào thị trường;

- CLO4: Hình thành ý thức tôn trọng pháp luật về hợp đồng cũng như tự tin trước những vấn đề pháp lý liên quan đến hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Khái quát về kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng 1. Khái niệm đàm phán, soạn thảo hợp đồng 2. Khái niệm kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng 3. Một số kỹ năng cơ bản trong đàm phán, soạn thảo hợp đồng 4. Vai trò của kỹ năng đàm phán, soạn thảo	2	1				10

hợp đồng 5. Mối quan hệ giữa đàm phán và soạn thảo hợp đồng						
Chương 2. Nguyên tắc, hình thức và các giai đoạn đàm phán hợp đồng 1. Nguyên tắc đàm phán hợp đồng 2. Các hình thức đàm phán hợp đồng 3. Các kỹ năng cơ bản trong đàm phán hợp đồng 4. Các giai đoạn đàm phán hợp đồng 5. Phòng tránh rủi ro trong đàm phán hợp đồng	2	2				10
Chương 3. Khái quát về hợp đồng dân sự và yêu cầu của soạn thảo hợp đồng dân sự 1. Hình thức và cấu trúc hợp đồng dân sự 2. Yêu cầu của soạn thảo hợp đồng dân sự 3. Các bước của soạn thảo hợp đồng dân sự 4. Một số kỹ năng cơ bản của soạn thảo hợp đồng dân sự	2					10
Chương 4. Cách thức soạn thảo hợp đồng dân sự và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng dân sự 1. Cách thức soạn thảo hợp đồng dân sự 2. Cách thức ký kết hợp đồng dân sự 3. Phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng dân sự	2	2		1		10
Chương 5. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng dân sự phổ biến 1. Một số hợp đồng liên quan đến tài sản 2. Hợp đồng về quyền sử dụng đất 3. Hợp đồng hợp tác 4. Hợp đồng dịch vụ 5. Hợp đồng vận chuyển 6. Hợp đồng gia công 7. Hợp đồng ủy quyền	2	2		2		10
Chương 6. Khái quát về hợp đồng thương mại và yêu cầu của soạn thảo hợp đồng thương mại 1. Hình thức và cấu trúc hợp đồng thương mại 2. Yêu cầu của soạn thảo hợp đồng thương mại 3. Các bước của soạn thảo hợp đồng thương mại 4. Một số kỹ năng cơ bản của soạn thảo hợp đồng thương mại	2					10

Chương 7. Cách thức soạn thảo hợp đồng trong hợp đồng thương mại và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng trong hợp đồng thương mại 1. Cách thức soạn thảo hợp đồng trong hợp đồng thương mại 2. Cách thức ký kết hợp đồng trong hợp đồng thương mại 3. Phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng trong hợp đồng thương mại	1	2		1		5
Chương 8. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng phổ biến trong hoạt động thương mại 1. Hợp đồng Mua bán hàng hóa và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực hàng hóa 2. Hợp đồng Đại lý thương mại và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực dịch vụ 3. Hợp đồng Hợp tác kinh doanh và một số hợp đồng khác trong lĩnh vực Đầu tư	1	2		2		5
Chương 9. Khái quát về hợp đồng lao động và yêu cầu của soạn thảo hợp đồng lao động 1. Hình thức và cấu trúc hợp đồng lao động 2. Yêu cầu của soạn thảo hợp đồng lao động 3. Các bước của soạn thảo hợp đồng lao động 4. Một số kỹ năng cơ bản của soạn thảo hợp đồng lao động	2					10
Chương 10. Cách thức soạn thảo hợp đồng lao động và phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng lao động 1. Cách thức soạn thảo hợp đồng lao động 2. Cách thức ký kết hợp đồng lao động 3. Phòng tránh rủi ro trong soạn thảo hợp đồng lao động	1	2		1		5
Chương 11. Kỹ năng đàm phán, soạn thảo một số hợp đồng phổ biến trong hợp đồng lao động 1. Hợp đồng lao động xác định thời hạn 2. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn 3. Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.	1	2		2		5
Tổng	18	15		09		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric kiểm tra vấn đáp	CLO 1,2,3	20%
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric viết	CLO 1,2,3,4	50%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp;
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm;
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ;
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi;
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. PGS.TS Đinh Văn Thanh, TS. Nguyễn Minh Tuấn (đồng chủ biên), (2022), *Giáo trình luật dân sự Việt Nam, Tập 2*, Nxb. CAND;

* Tài liệu tham khảo:

1. Bộ luật Dân sự năm 2015;
2. Luật Thương mại năm 2005;
3. Bộ luật Lao động năm 2019.

6.40,41b. PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN/LAW ON REAL ESTATE BUSINESS

- Số tín chỉ: 02(18 LT, 24 TL)
- Mã học phần: 197046
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật đất đai

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về: tổng quan chung về thị trường bất động sản và những đặc điểm riêng của thị trường bất động sản ở Việt Nam; những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản; các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về pháp luật đầu tư, kinh doanh bất động sản; quy định của pháp luật Việt Nam về kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản.
- CO2: Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý, kỹ năng tư vấn pháp luật, giải quyết khiếu nại, tranh chấp về kinh doanh bất động sản;
- CO3: Hình thành thái độ học tập tích cực, sự tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được kiến thức lý luận và thực tiễn về áp dụng pháp luật kinh doanh bất động sản, phân tích được những vướng mắc phát sinh từ thực tiễn thi hành pháp luật về kinh doanh bất động sản;
- CLO2: Thành thạo kỹ năng tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản;
- CLO3: Phát triển được kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư vấn pháp luật, giải quyết khiếu nại, tranh chấp về kinh doanh bất động sản;
- CLO4: Hình thành được thái độ học tập tích cực, nâng cao năng lực tư duy logic, tự tin trước những vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái quát về thị trường bất động sản 1.1. Khái quát về sự ra đời của thị trường bất động sản 1.2. Khái niệm và đặc điểm thị trường bất động sản 1.3. Sự ra đời của thị trường bất động sản ở Việt Nam	2	3				10

1.4. Quan điểm và định hướng phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam						
Chương 2: Những vấn đề chung về hoạt động kinh doanh bất động sản 2.1. Khái niệm, đặc điểm và các nguyên tắc trong hoạt động kinh doanh bất động sản 2.2. Các loại bất động sản được phép đưa vào kinh doanh và điều kiện để đưa bất động sản vào kinh doanh	3	3				15
Chương 3: Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng trên đất 3.1. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh quyền sử dụng đất 3.2. Những vấn đề pháp lý về kinh doanh nhà, công trình xây dựng	3	3				13
Chương 4: Những vấn đề pháp lý về kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.1. Khái niệm và đặc điểm của kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.2. Các loại hình kinh doanh dịch vụ bất động sản 4.3. Nội dung các quy định về kinh doanh dịch vụ bất động sản	4	4				20
Chương 5: Hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.2. Phân loại hợp đồng kinh doanh bất động sản 5.3. Các loại hợp đồng kinh doanh bất động sản	2	4				10
Chương 6: Pháp luật về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 6.1. Khái niệm và đặc điểm của hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 6.2. Quy định chung về hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản 6.3. Quy định cụ thể về các loại hợp đồng kinh doanh dịch vụ bất động sản	2	4				10
Chương 7: Những vấn đề pháp lý về quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản	2	3				10

7.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản						
7.2. Các cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản						
7.3. Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản						
Tổng	18	24				90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	
				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

- TS. Lưu Quốc Thái, (2018), *Pháp luật kinh doanh bất động sản*, Nxb. Lao động.

* *Tài liệu tham khảo:*

- PGS.TS Nguyễn Quang Tuyền, (2020), *Bình luận khoa học Luật kinh doanh bất động sản hiện hành, sửa đổi bổ sung năm 2020*, Nxb. CTQGST;
- Luật kinh doanh bất động sản năm 2014.

6.40,41c. KỸ NĂNG TƯ VẤN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI/LEGAL CONSULTING SKILLS IN COMMERCE

- Số tín chỉ: 02 (18 LT; 15 TL; 09 TH)
- Mã học phần: 199020
- Bộ môn quản lý học phần: Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại như: Tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp và tổ chức lại doanh nghiệp; Tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp; Tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại; Tư vấn pháp luật về giải thể, phá sản doanh nghiệp, tư vấn giải quyết tranh chấp thương mại...

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại;
- CO2: Hình thành kỹ năng tư vấn đối với các hoạt động cụ thể về thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp; kỹ năng soạn thảo các văn bản thông dụng trong hoạt động thương mại; kỹ năng tư vấn, tham gia giải quyết các vụ việc thông thường về quản trị nội bộ doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp; kỹ năng tư vấn giải quyết tranh chấp thương mại.
- CO3: Có nhận thức đúng đắn về hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được mục đích, ý nghĩa và các bước cơ bản của hoạt động tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại.
- CLO2: Hình thành được kỹ năng tư vấn cho các đối tượng là doanh nghiệp, người góp vốn vào doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động thương mại; soạn thảo được hợp đồng thương mại;
- CLO3: Có khả năng tham gia giải quyết các vụ việc trong lĩnh vực thương mại;
- CLO4: Có thái độ khách quan đối với lợi ích khách hàng cần được bảo vệ trong mối tương quan với lợi ích của phía bên kia, của nhà nước và cộng đồng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Những vấn đề chung về tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	1	2				5
Chương 2: Kỹ năng tiếp xúc khách hàng, nghiên cứu hồ sơ, phân tích vụ việc thương mại và xác định các vấn đề pháp lý	2	2				10
Chương 3: Tư vấn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp	3	4				15
Chương 4: Tư vấn về quản lý nội bộ doanh nghiệp	3			5		15

Chương 5: Tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng thương mại	3			4		15
Chương 6: Tư vấn về tổ chức lại doanh nghiệp, giải thể, phá sản doanh nghiệp	4	5				20
Chương 7: Tư vấn giải quyết tranh chấp thương mại	2	2				10
Tổng	18	15		9		90

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phát vấn; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	20%
Thi cuối kì				50%
1	Viết	Rubric viết	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc

1. TS Nguyễn Viết Tỷ, (2022), *Giáo trình Luật thương mại tập 1*, Nxb. Công an nhân dân
2. TS Nguyễn Viết Tỷ, (2022), *Giáo trình Luật thương mại tập 2*, Nxb. Công an nhân dân

* Tài liệu tham khảo

1. Phan Chí Hiếu, Nguyễn Thị Hằng Nga, (2012), *Giáo trình kỹ năng tư vấn pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân.

6.42,43a. KỸ NĂNG LẬP LUẬN VÀ TRANH LUẬN TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT

- Số tín chỉ: 03 (27 LT, 36 TH)
- Mã học phần: 197080
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật,
- Điều kiện tiên quyết: Luật Tố tụng dân sự

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về lập luận và hoạt động tranh luận cũng như những kỹ năng cơ bản, trực tiếp góp phần hình thành và phát triển kỹ năng lập luận và tranh luận, gồm: kỹ năng làm chủ nội dung; kỹ năng chứng minh và bác bỏ; kỹ năng lắng nghe và kiểm soát cảm xúc; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, khẩu khí; kỹ năng sử dụng các thủ thuật phản biện.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Có kiến thức về các vấn đề lý thuyết và tính logic trong một lập luận; các đặc điểm, yêu cầu về lập luận và tranh luận đối với vụ việc pháp lý;
- CO2: Hình thành và phát triển kỹ năng lập luận, tranh luận, phản biện để có thể: suy nghĩ sâu sắc, viết chính xác và nói thuyết phục;
- CO3: Có ý thức sáng tạo trong việc tiếp thu và vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào các hoạt động học tập, nghiên cứu; kỹ năng lập luận và tranh luận theo vị trí việc làm ngành Luật.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được nội dung và đặc tính logic của lập luận pháp lý; bản chất, các đặc điểm và yêu cầu của tranh luận; mô hình cấu trúc của lập luận để lập luận, tranh luận trong các học phần ngành Luật;
- CLO2: Có kỹ năng nhạy bén xác định chính xác được các thành phần, mối quan hệ giữa các thành phần và xây dựng sơ đồ cấu trúc logic của một lập luận; Kỹ năng phát hiện lỗi của một lập luận; Vận dụng thành thạo các thủ thuật tăng cường hiệu quả lập luận;
- CLO3: Có kỹ năng vận dụng tổng hợp được các yếu tố: trí tuệ, tâm lý, cảm xúc, ngôn ngữ, văn hóa, các phương pháp chứng minh và bác bỏ, các thủ thuật phản biện để tranh luận hiệu quả;
- CLO4: Có ý thức chủ động cập nhật các kiến thức, thông tin thời sự - chính trị - pháp luật, tích lũy kinh nghiệm sống, kinh nghiệm ngôn ngữ và văn hóa, trau dồi đạo đức nghề nghiệp để phục vụ cho các hoạt động học tập, nghiên cứu và công tác.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Một số nội dung cơ bản về lập luận 1.1. Những vấn đề chung về lập luận 1.2. Vai trò của lập luận 1.3. Lập luận theo logic hình thức và lập luận đời thường	5			9		25

1.4. Các thành phần trong một lập luận 1.5. Cấu trúc của một lập luận. 1.6. Giả định và hàm ý trong lập luận 1.7. Lý lẽ trong lập luận đời thường 1.8. Các hình thức lập luận					
Chương 2. Lập luận pháp lý 2.1. Đặc điểm cơ bản của lập luận pháp lý. 2.2. Trình bày một lập luận pháp lý theo phương pháp IRAC (hoặc CRAC)	4			3	20
Chương 3. Rèn luyện kỹ năng lập luận 3.1. Tính logic - sức sống của một lập luận. 3.2. Rèn luyện kỹ năng nhạy bén xác định cấu trúc lập luận 3.3. Rèn luyện kỹ năng phát hiện lỗi của lập luận. 3.4. Nắm vững và vận dụng thành thạo các thủ thuật tăng cường hiệu quả lập luận.	6			10	30
Chương 4. Kỹ năng tranh luận 4.1. Những vấn đề chung về tranh luận. 4.2. Vai trò của tranh luận trong đời sống và xã hội 4.3. Các khái niệm và mô hình cấu trúc của lập luận trong tranh luận. 4.4. Các đặc điểm cơ bản của tranh luận. 4.5. Các yêu cầu của tranh luận.	6			4	30
Chương 5. Rèn luyện kỹ năng tranh luận 5.1. Rèn luyện kỹ năng làm chủ nội dung tranh luận. 5.2. Rèn luyện kỹ năng chứng minh và bác bỏ trong tranh luận. 5.3. Rèn luyện kỹ năng lắng nghe và kiểm soát cảm xúc khi tranh luận. 5.4. Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ khi tranh luận. 5.5. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp phi ngôn ngữ khi tranh luận. 5.6. Rèn luyện kỹ năng sử dụng hiệu quả các thủ thuật phản biện.	6			10	30
Tổng	27			36	135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học chuyên ngành với các phương pháp thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề cùng với một số kỹ thuật dạy học tích cực khác.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO 4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Lê Thanh Sơn (Chủ biên), 2020, “Kỹ năng lập luận và tranh luận” Nxb. Đại học Huế.

* Tài liệu tham khảo:

1. Lê Thị Hồng Vân (Chủ biên), Phạm Thị Ngọc Thùy, (2011), "Tập bài giảng kỹ năng nghiên cứu và lập luận".

6.42,43b. LUẬT SƯ, CÔNG CHỨNG, HỘ TỊCH/ LAWYERS, NOTICES, CIRCUITIES ONLY

- Số tín chỉ: 03 (27 LT; 24TL; 12TH)
- Mã học phần: 199010
- Bộ môn quản lý học phần: Luật sư, công chứng, hộ tịch
- Điều kiện tiên quyết: Luật Hiến pháp

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về luật sư và kỹ năng hành nghề luật sư, các kiến thức về công chứng và kỹ năng hành nghề công chứng, một số khái niệm và hoạt động hộ tịch tại các cơ quan nhà nước, bên cạnh đó còn định hướng khả năng vận dụng các kiến thức này để giải quyết các tình huống trong thực tế.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức lý luận và thực tiễn về kỹ năng hành nghề luật sư, công chứng, hộ tịch; Vai trò của các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính trong các lĩnh vực đó.
- CO2: Hình thành kỹ năng tìm kiếm, vận dụng quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực luật sư, công chứng, hộ tịch.
- CO3: Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về hoạt động luật sư, công chứng, hộ tịch ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu và phân tích được kiến thức về luật sư, công chứng, hộ tịch;
- CLO2: Vận dụng được pháp luật công chứng, hộ tịch và luật sư để giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn.
- CLO3: Đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật sư, luật công chứng, luật hộ tịch.
- CLO4: Hình thành được thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học Luật sư, công chứng, hộ tịch.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Một số vấn đề lý luận về công chứng 1.1 Quá trình hình thành, phát triển công chứng 1.2. Khái niệm và đặc điểm của công chứng	3	2		0		15
Chương 2: Công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng và quản lý nhà nước về công chứng ở Việt Nam 2.1. Công chứng viên	3	4		2		15

2.2. Tổ chức hành nghề công chứng						
2.3. Quản lý Nhà nước về công chứng						
Chương 3: Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch	6	5		4		30
3.1. Thủ tục chung về công chứng						
3.2. Thủ tục công chứng một số hợp đồng, giao dịch cụ thể						
Chương 4: Một số quy định chung về hộ tịch	3	2				15
4.1. Quá trình hình thành và phát triển Luật hộ tịch						
4.2. Khái niệm và các quy định chung về hộ tịch						
Chương 5: Đăng ký hộ tịch	3	4		2		15
5.1. Đăng ký khai sinh						
5.2. Đăng ký kết hôn						
5.3. Đăng ký giám hộ						
5.4. Đăng ký nhận cha, mẹ, con						
5.5. Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch						
5.6. Ghi vào sổ hộ tịch việc thay đổi hộ tịch theo bản án, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền						
5.7. Đăng ký khai tử						
Chương 6: Trách nhiệm quản lý nhà nước về hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch	0	2				0
6.1. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về hộ tịch						
6.2. Công chức làm công tác hộ tịch						
Chương 7: Một số vấn đề chung về luật sư ở Việt Nam hiện nay	9	5		4		45
7.1. Khái niệm, vai trò của luật sư						
7.2. Điều kiện, tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của luật sư						
7.3. Hành nghề luật sư						
7.4. Các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư						
7.5. Quản lý nhà nước về Luật sư và hàng nghề Luật sư						
Tổng	27	24		12		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phỏng vấn; Thực hành; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phân sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

đánh giá bài dạy:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO1,2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO1,2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc*

1. GVC.ThS Nguyễn Văn Ước, TS. Nguyễn Văn Điệp (chủ biên), (2016), *Giáo trình luật sư và nghề luật sư*, Nxb. Tư pháp.
2. TS. Nguyễn Xuân Thu, ThS. Phạm Thị Thúy Hồng, (2016), “*Giáo trình Kỹ năng hành nghề công chứng*”, Tập 3, NXB Tư pháp..

* *Tài liệu tham khảo*

1. Luật công chứng năm 2014
2. Văn bản hợp nhất Luật luật sư 03/VBHN-VPQH năm 2015
3. Luật hộ tịch 2014.

6.42,43c. PHÁP LUẬT VỀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI NGOÀI HỢP ĐỒNG/ LAW ON COMPENSATION FOR OUT-CONTRACT DAMAGE

- Số tín chỉ: 3 (27 LT, 24 TL, 12 TH)
- Mã học phần: 199031
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật Dân sự 2, Luật thương mại 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xác định trách nhiệm và mức bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra và bồi thường thiệt hại do tài sản, súc vật gây ra.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức về các quy định chung trong việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng: khái niệm, đặc điểm, điều kiện phát sinh trách nhiệm, năng lực và nguyên tắc chịu trách nhiệm, thời hạn bồi thường và thời hạn chịu trách nhiệm.

- CO2: Có nhận thức đúng đắn các quy định về bồi thường thiệt hại trong từng trường hợp cụ thể do hành vi của con người hoặc của tài sản gây ra.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Hiểu được các quy định chung trong việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

- CLO2: Nhận thức được các quy định về bồi thường thiệt hại trong từng trường hợp cụ thể do hành vi của con người hoặc của tài sản gây ra.

- CLO3: Vận dụng được kiến thức để xác định trách nhiệm, mức bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong từng trường hợp phát sinh trên thực tế.

- CLO4: Bình luận và đánh giá được các quy định của pháp luật về thiệt hại ngoài hợp đồng.

- CLO5: Hình thành được thái độ khách quan trong việc đánh giá các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Nghĩa vụ 1.1. Khái niệm, đặc điểm, các thành phần và đối tượng trong quan hệ nghĩa vụ 1.2. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ 1.3. Các loại nghĩa vụ 1.4. Thay đổi chủ thể trong quan hệ nghĩa vụ 1.5. Thực hiện nghĩa vụ 1.6. Chấm dứt nghĩa vụ	4	4				20
Chương 2: Hợp đồng 2.1. Khái quát hợp đồng 2.2. Giao kết hợp đồng 2.3. Hiệu lực của hợp đồng, giải thích hợp	5	4		2		25

đồng, hợp đồng vô hiệu 2.4. Thực hiện, sửa đổi, chấm dứt hợp đồng						
Chương 3: Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ 3.1. Khái niệm và đặc điểm về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ 3.2. Các loại trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ 3.3. Các trường hợp không phải chịu trách nhiệm dân sự	4	4		2		20
Chương 4: Các quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 4.1. Khái niệm và ý nghĩa của trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 4.2. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và các trường hợp không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại 4.3. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại 4.4. Phân loại trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng 4.5. Xác định thiệt hại được bồi thường 4.6. Hình thức và phương thức bồi thường 4.7. Năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và xác định người được hưởng bồi thường 4.8. Thời hiệu khởi kiện	5	4		3		25
Chương 5: Các trường hợp bồi thường thiệt hại cụ thể 5.1. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng 5.2. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tính cấp thiết 5.3. Bồi thường thiệt hại do người dùng chất kích thích gây ra 5.4. Bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra 5.5. Bồi thường thiệt hại do người dưới 15 tuổi, người mất NLHVDS gây ra trong thời gian trường học, bệnh viện, pháp nhân khác trực tiếp quản lý 5.6. Bồi thường thiệt hại do người làm công,	5	4		3		25

người học nghề gây ra 5.7. Bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra 5.8. Bồi thường thiệt hại do làm ô nhiễm môi trường 5.9. Bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra 5.10. Bồi thường thiệt hại do cây cối gây ra 5.11. Bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác gây ra 5.12. Bồi thường thiệt hại do xâm phạm thi thể 5.13. Bồi thường thiệt hại do xâm phạm mồ mả 5.14. Bồi thường thiệt hại do vi phạm quyền lợi của người tiêu dùng						
Chương 6: Trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà nước	4	4		2		20
6.1. Khái niệm và đặc trưng của trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà nước 6.2. Những quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà nước						
Tổng	27	24		12		135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng đồng thời đa dạng các phương pháp dạy học sau: Thuyết trình; Phỏng vấn; Thực hành; Thảo luận nhóm và trình bày bài thảo luận nhóm;

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

giáo dục đại học.

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (03)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO5	30%
2	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO 2,3,4	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO 2,3,4	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4	
Thi cuối kì				
1	Viết	Rubric kiểm tra viết	CLO1,2,3,4,5	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.

- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 03 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

*** Giáo trình bắt buộc:**

1. PGS. TS. Đỗ Văn Đại (chủ biên), (2019), *Giáo trình Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Nxb. Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.

*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.44. THỰC TẬP TỐT NGHIỆP/GRADUATION INTERNSHIP

- Số tín chỉ: 05
- Mã học phần: 174145
- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật
- Điều kiện được thực tập tốt nghiệp: Sinh viên phải tích lũy tối thiểu đạt 100 tín chỉ trở lên.

1. Mô tả học phần

Học phần gồm hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1 là thực tập tổng hợp: trong giai đoạn này sinh viên phải tìm hiểu các nội dung chủ yếu sau: đặc điểm chung của đơn vị thực tập, tổ chức bộ máy của đơn vị thực tập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị thực tập, tiếp cận các vụ việc mà đơn vị thực tập trực tiếp thụ lý giải quyết.

- Giai đoạn 2: Viết báo cáo thực tập tốt nghiệp

Kết thúc đợt thực tập mỗi sinh viên phải viết một báo cáo thực tập tốt nghiệp (tên báo cáo thực tập tốt nghiệp do giảng viên hướng dẫn sinh viên lựa chọn).

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có kiến thức chung, kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập;
- CO2: Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc lĩnh vực pháp luật phát sinh tại đơn vị thực tập;
- CO3: Hình thành kỹ năng tiếp cận, làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp; kỹ năng tư vấn cho khách hàng các vấn đề liên quan đến pháp luật; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian;
- CO4: Giáo dục, rèn luyện tác phong, đạo đức nghề luật; có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề; tuân thủ và thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích và đánh giá được kiến thức chung, kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc lĩnh vực pháp luật phát sinh tại đơn vị thực tập;
- CLO3: Hình thành được kỹ năng tiếp cận, làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp; kỹ năng tư vấn cho khách hàng các vấn đề liên quan đến pháp luật;
- CLO4: Thành thạo kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian;
- CLO5: Có tác phong, đạo đức nghề luật; có tinh thần thái độ học tập tích cực, nghiêm túc, yêu nghề; tuân thủ và thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Giai đoạn 1: Thực tập tổng hợp (Thời gian: 4 tuần) Trong giai đoạn này, sinh viên phải thực tập các nội dung chủ yếu sau: - Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập. - Đặc điểm hoạt động và cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập. - Tìm hiểu và tiếp cận các vụ việc pháp lý tại đơn vị. - Hiểu biết quy trình giải quyết công việc trong lĩnh vực pháp lý. - Tham gia sử dụng pháp luật để giải quyết một hoặc một số vụ việc pháp lý. Kết thúc giai đoạn 1 mỗi sinh viên phải viết 01 báo cáo tiến độ thực hiện kế hoạch thực tập nộp cho giáo viên hướng dẫn.						90
Giai đoạn 2: Thực tập chuyên đề và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp (6 tuần) Trong giai đoạn này SV phải nghiên cứu chi tiết các hoạt động tại đơn vị thực tập, trên cơ sở lý luận đã học, vận dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Sau đó viết 1 báo cáo TTTN (tên báo cáo TTTN do giáo viên hướng dẫn trực tiếp phân công).						135
Tổng						225

5. Phương pháp dạy - học

Tăng cường vận dụng phương pháp tự học đối với sinh viên, kết quả học tập thể hiện sự chủ động học hỏi của sinh viên với sự hướng dẫn trực tiếp từ giảng viên và cơ sở thực tập.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (0)				
Kiểm tra giữa kỳ (0)				
Viết báo cáo thực tập (01)				
1	Kết quả đánh giá của cơ sở thực tập			20%
2	Báo cáo thực tập	Rubric chấm báo cáo thực tập	CLO1,2,3,4,5	80%
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải thực tập tại đơn vị thực tập theo đúng kế hoạch thực tập, chủ động trao đổi với giảng viên và hoàn thiện các công việc theo tiến độ đã được quy định trong kế hoạch thực tập. Giảng viên sẽ định kỳ kiểm tra tiến độ và hướng dẫn sinh viên hoàn thiện nghiên cứu chuyên đề.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Giáo trình liên quan đến chuyên đề thực tập.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu;
2. Tham khảo các tài liệu về chuyên ngành luật trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>.

6.45a. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/GRADUATION THESIS

- Số tín chỉ: 06

- Mã học phần: 111082

- Bộ môn phụ trách: Bộ môn Luật, Khoa LLCT - Luật

- Điều kiện viết khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy học tập đạt 2.5 điểm trở lên (3 năm đầu), số các tín chỉ phải học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã tích lũy đến thời điểm xét và không bị hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

1. Mô tả học phần:

Học phần trang bị các kiến thức và kỹ năng tiếp cận nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức thuộc khối đại cương và chuyên ngành đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu lựa chọn.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Có các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên đề khoá luận;
- CO2: Vận dụng kiến thức vào giải thích, phân tích, đánh giá tình huống thực tế tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoặc vấn đề thực tế;
- CO3: Hình thành ý tưởng nghiên cứu, khả năng tư duy, đánh giá các vấn đề chuyên ngành, vận dụng lý luận để giải quyết những vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra thuộc chuyên ngành của mình;
- CO4: Có thái độ nghiêm túc, khách quan trong NCKH và cách thức làm việc khoa học; bồi dưỡng lòng say mê NCKH nói chung và nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của Luật học nói riêng.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Phân tích và đánh giá được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến chuyên đề khoá luận;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức để giải thích, phân tích, đánh giá tình huống thực tế tại một cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hoặc vấn đề thực tế;
- CLO3: Hình thành được ý tưởng nghiên cứu, khả năng tư duy, đánh giá các vấn đề chuyên ngành;
- CLO4: Giải quyết được những vấn đề mà thực tiễn đang đặt ra thuộc chuyên ngành Luật học;
- CLO5: Có thái độ nghiêm túc, khách quan trong NCKH và cách thức làm việc khoa học; bồi dưỡng lòng say mê NCKH nói chung và nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của Luật học nói riêng.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1. Tìm hiểu thực tế đơn vị nghiên cứu hình thành hướng nghiên cứu 1.1. Tìm hiểu tổng thể về đơn vị nghiên cứu						60

1.2. Xác định tính cấp thiết vấn đề cần nghiên cứu						
1.3. Xây dựng đề cương nghiên cứu						
Chương 2. Tìm hiểu cơ sở lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu						60
2.1. Tìm hiểu tổng quan các nghiên cứu liên quan						
2.2. Tìm hiểu cơ sở lý luận liên quan						
2.3. Viết cơ sở lý luận đề tài nghiên cứu						
Chương 3. Nghiên cứu thực trạng						60
3.1. Thực trạng vấn đề nghiên cứu						
3.2. Những kết quả đạt được, hạn chế						
3.3. Nguyên nhân của những hạn chế						
Chương 4. Kiến nghị/đề xuất giải pháp						60
4.1. Định hướng phát triển						
4.2. Các nhân tố ảnh hưởng						
4.3. Kiến nghị giải pháp						
Chương 5. Hoàn thiện báo cáo						30
Tổng						270

5. Phương pháp dạy học

Học phần sử dụng hệ thống câu hỏi gợi mở kết hợp hướng dẫn, thực hành...; Chú ý vận dụng phương pháp thảo luận nhằm rèn luyện khả năng nghiên cứu độc lập, tự chủ cho sinh viên.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

TT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Công cụ đánh giá	CĐR liên quan	Trọng số
I	Kiểm tra thường xuyên			
II	Kiểm tra giữa kỳ			
III	Thi cuối kì			
1	Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu	- Rubric đánh giá khóa luận	CLO1,2,3,4,5	100%

7. Yêu cầu đối với sinh viên

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi đánh giá đề cương, kiểm tra tiến độ nghiên cứu do bộ môn tổ chức.

- Sinh viên phải tích cực nghiên cứu, đảm bảo tiến độ theo kế hoạch và nộp báo cáo tổng kết đề tài và những sản phẩm liên quan đúng hạn theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

- Có thái độ nghiên cứu nghiêm túc, khoa học, cầu thị, tích cực, sáng tạo...

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. Phạm Duy Nghĩa, (2014), *Phương pháp nghiên cứu Luật học*, Nxb. Công an nhân dân;

* Tài liệu tham khảo:

1. Tham khảo các tài liệu về chuyên ngành luật trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức <http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/>

6.46a. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ/ INTELLECTUAL PROPERTY LAW

- Số tín chỉ: 03 (27LT: 36TL)
- Mã học phần: 199024
- Bộ môn quản lý học phần: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật
- Điều kiện tiên quyết: Luật dân sự 2

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức về: khái niệm và đặc điểm sở hữu trí tuệ, khái niệm và đặc điểm về quyền sở hữu trí tuệ, đối tượng, chủ thể của quyền sở hữu trí tuệ; quyền tác giả, quyền liên quan và bảo hộ quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp gồm: quyền sở hữu công nghiệp về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; quyền với giống cây trồng và bảo hộ quyền với giống cây trồng.

2. Mục tiêu học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;
- CO2: Vận dụng pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế;
- CO3: Hình thành ý thức đúng đắn, nghiêm túc và khoa học về bản chất của Luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Nhận diện và phân biệt được các đối tượng khác nhau của quyền sở hữu trí tuệ; các hành vi xâm phạm và các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;
- CLO2: Phân tích được các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền sở hữu trí tuệ; các cách thức và điều kiện để chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng sở hữu trí tuệ;
- CLO3: Vận dụng được pháp luật sở hữu trí tuệ để giải quyết tình huống cụ thể trong thực tiễn;
- CLO4: Hình thành được thái độ nghiêm cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Khái niệm luật sở hữu trí tuệ 1.1. Đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật SHTT 1.2. Nguồn của Luật SHTT 1.3. Quá trình phát triển của hệ thống pháp luật SHTT ở Việt Nam.	1	2				5

Chương 2: Quyền tác giả và quyền liên quan 2.1. Quyền tác giả 2.2. Quyền liên quan 2.3. Hợp đồng chuyển giao quyền tác giả và quyền liên quan	10	12				50
Chương 3: Quyền sở hữu công nghiệp 3.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền SHCN 3.2. Đối tượng quyền SHCN 3.3. Chủ thể quyền sở hữu công nghiệp 3.4. Nội dung quyền SHCN 3.5. Xác lập quyền SHCN 3.6. Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN	10	12				50
Chương 4: Quyền đối với giống cây trồng 4.1. Khái niệm, nguyên tắc và điều kiện bảo hộ quyền đối với giống cây trồng. 4.2. Chủ thể và nội dung quyền đối với giống cây trồng. 4.3. Chuyển giao quyền đối với giống cây trồng.	3	5				15
Chương 5: Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ 5.1. Khái niệm và đặc điểm bảo vệ quyền SHTT. 5.2. Xác định hành vi xâm phạm quyền SHTT 5.3. Biện pháp bảo vệ quyền SHTT	3	5				15
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phần áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phần sử dụng các kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CĐR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	
4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm,
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* Giáo trình bắt buộc:

1. PGS.TS Phùng Trung Tập, (2018), *Giáo trình luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam*, Nxb. CAND.

* Tài liệu tham khảo:

1. TS. Vũ Thị Phương Lan (chủ biên), (2018), *Bảo hộ quyền tác giả trong môi trường kỹ thuật số theo Điều ước quốc tế và Pháp luật Việt Nam*, Nxb. CTQGST.
2. Văn bản hợp nhất Luật sở hữu trí tuệ số 11/VBHN-VPQH.

6.46b. LUẬT ĐẦU TƯ/ LAW ON INVESTMENT

- Số tín chỉ: 03(27LT; 36TL)
- Mã học phần: 197081
- Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Luật, Khoa LLCT – Luật,
- Điều kiện tiên quyết: Luật thương mại 1

1. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức về hoạt động đầu tư kinh doanh như: Tổng quan về luật đầu tư; Pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư; Pháp luật về thủ tục đầu tư, triển khai dự án đầu tư; Pháp luật về các hình thức đầu tư; Quy chế pháp lý về khu kinh tế đặc biệt; Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư.

2. Mục tiêu của học phần

- CO1: Cung cấp kiến thức về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường;
- CO2: Có kỹ năng tìm kiếm, phân tích đánh giá và áp dụng các quy định của pháp luật đầu tư để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh;
- CO3: Hình thành nhận thức đúng đắn, thái độ khách quan về vai trò của đầu tư và lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể liên quan đến hoạt động đầu tư.

3. Chuẩn đầu ra học phần

- CLO1: Bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư, đánh giá hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về đầu tư;
- CLO2: Vận dụng được kiến thức pháp luật về đầu tư để giải quyết các tình huống trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh;
- CLO3: Hình thành kỹ năng tư vấn lựa chọn các hình thức đầu tư phù hợp cho các dự án đầu tư;
- CLO4: Chủ động, tự tin bày tỏ quan điểm trước những vấn đề pháp lý nảy sinh trong lĩnh vực đầu tư.

4. Nội dung học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy - học					Tự học
	Giờ lên lớp (tiết)			Thực hành	Khác	
	Lý thuyết	Thảo luận	Bài tập			
Chương 1: Tổng quan về luật đầu tư 1.1. Khái quát về đầu tư và nhà đầu tư 1.2. Khái quát về pháp luật đầu tư	2	4				10
Chương 2: Pháp luật về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư 2.1. Bảo đảm đầu tư 2.2. Ưu đãi đầu tư 2.3. Hỗ trợ đầu tư	3	4				15
Chương 3: Pháp luật về thủ tục đầu tư, triển khai dự án đầu tư 3.1. Khái quát về dự án đầu tư	4	6				20

3.2. Pháp luật về thủ tục đầu tư						
3.3. Pháp luật về triển khai dự án đầu tư						
Chương 4: Pháp luật về các hình thức đầu tư	6	6				30
4.1 Khái quát về các hình thức đầu tư						
4.2 Các hình thức đầu tư theo quy định pháp luật Việt Nam						
Chương 5: Quy chế pháp lý về khu kinh tế đặc biệt	6	6				30
5.1 Quá trình hình thành và phát triển khu kinh tế đặc biệt						
5.2 Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khu kinh tế đặc biệt						
5.3 Quy trình thủ tục đầu tư vào khu kinh tế đặc biệt						
5.4 Quản lý nhà nước đối với khu kinh tế đặc biệt						
Chương 6: Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài	3	5				15
6.1. Khái quát về hoạt động đầu tư ra nước ngoài						
6.2. Quy định pháp luật về đầu tư ra nước ngoài						
Chương 7: Giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư	3	5				15
7.1 Khái quát về giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư						
7.2 Các hình thức giải quyết tranh chấp trong hoạt động đầu tư						
Tổng	27	36				135

5. Phương pháp dạy - học

Học phân áp dụng kết hợp linh hoạt các phương pháp thảo luận, thuyết trình, thực hành theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.

6. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Để đạt được các chuẩn đầu ra học phân sử dụng kết hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá sau đây:

STT	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Liên quan CDR HP	Trọng số
Kiểm tra thường xuyên (04)				
1	Chuyên cần	Rubric chuyên cần	CLO4	30%
2	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2	
3	Bài thảo luận nhóm	Rubric thảo luận nhóm	CLO2,3	

4	Thuyết trình	Rubric thuyết trình	CLO2,3	
Kiểm tra giữa kỳ (01)				20%
1	Viết/Vấn đáp	Rubric kiểm tra viết/ Rubric vấn đáp	CLO1,2,3	
Thi cuối kì				50%
1	Vấn đáp	Rubric vấn đáp	CLO1,2,3,4	
Thang điểm				10

7. Yêu cầu đối với sinh viên

Sinh viên phải có đầy đủ các điều kiện sau mới được dự thi cuối kỳ và được đánh giá kết quả môn học:

- Mức độ chuyên cần: Sinh viên phải tham gia học tối thiểu là 80% số tiết học trên lớp.
- Thái độ học tập: Sinh viên phải tích cực học tập, tự học tự nghiên cứu, làm các bài tập đầy đủ và nộp đúng hạn theo yêu cầu của giáo viên; tích cực tham gia thảo luận nhóm.
- Điểm quá trình: Phải có tối thiểu 04 điểm thường xuyên và 01 điểm kiểm tra giữa kỳ.
- Điểm kết thúc học phần: Sinh viên phải tham gia dự thi khi đã có đủ điều kiện dự thi.
- Sinh viên cần có đủ tài liệu và đề cương chi tiết học phần để học tập, nghiên cứu.

8. Giáo trình/tài liệu tham khảo

* *Giáo trình bắt buộc:*

1. Nguyễn Quý Trọng (Chủ biên), (2020), *Giáo trình luật đầu tư*, Nxb. Tư pháp.

* *Tài liệu tham khảo:*

1. Luật đầu tư năm 2020.

VII. TÀI LIỆU THAM KHẢO ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

[1] Chương trình đào tạo Luật học của trường ĐH Luật Hà Nội

<https://hlu.edu.vn/Images/Post/files/Ph%C3%B2ng%20C4%90%C3%A0o%20T%E1%BA%A1o/Quy%20ch%E1%BA%BF%20CT%C4%90T/CT%C4%90T%20ng%C3%A0nh%20Lu%E1%BA%ADt.pdf>

[2] Chương trình đào tạo Luật học của Đại học Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội

<http://law.vnu.edu.vn/Fuploads/20230104112355267.pdf>

[3] Chương trình đào tạo ngành Luật của trường Khoa học xã hội và nhân văn - ĐH Vinh

<https://vinhuni.edu.vn/chuong-trinh-dao-tao-c02.01.0310vp0a0.html>

VIII. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Chương trình đào tạo ngành được áp dụng:

- Đào tạo hình thức chính quy tuyển sinh từ học sinh tốt nghiệp THPT theo quy chế đào tạo chính quy;

- Đào tạo liên thông: Áp dụng quy chế đào tạo phù hợp với hình thức đào tạo chính quy hoặc giáo dục thường xuyên;

- Thực hiện việc xét miễn, bảo lưu kết quả học tập theo quy định hiện hành đối với các hình thức đào tạo.

8.2. Trường các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các bộ môn tiến hành xây dựng và phê duyệt đề cương chi tiết học phần, trường bộ môn phê duyệt hồ sơ bài giảng theo quy định; xây dựng kế hoạch chi phí thực hành, thực tập, tham quan thực tế và mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc, hóa chất, dụng cụ thí nghiệm chi tiết cho từng học phần và cho toàn khóa đào tạo; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra. Trường các phòng ban, trung tâm chức năng liên quan có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định kế hoạch và trình Hiệu trưởng phê duyệt cho triển khai thực hiện.

8.3. Phương pháp giảng dạy: Tăng cường tính tự học, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, lấy người học làm trung tâm. Hình thức, phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần.

8.4. Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Số bài kiểm tra, hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra, hình thức thi kết thúc học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo.

8.5. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Khi cần điều chỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng khoa kèm theo luận cứ, hồ sơ minh chứng, sản phẩm chỉnh sửa, bổ sung gửi về nhà trường (qua phòng Quản lý đào tạo). Chỉ được thực hiện khi Hội đồng khoa học và đào tạo nhà trường thông qua và có Quyết định của Hiệu trưởng./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
Đậu Bá Thìn